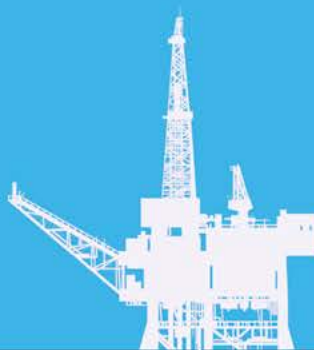


Thường niên

2015



PTSC

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam



Báo cáo

LĨNH VỰC KINH DOANH

DỊCH VỤ
CHẾ TẠO
VÀ XÂY LẮP
CÔNG TRÌNH
DẦU KHÍ



DỊCH VỤ
VẬN CHUYỂN,
LẮP ĐẶT, ĐẤU NỐI,
CHẠY THỬ,
VẬN HÀNH,
SỬA CHỮA
VÀ BẢO DƯỠNG
CÁC CÔNG TRÌNH
DẦU KHÍ



DỊCH VỤ
KHẢO SÁT
ĐỊA CHẤN,
ĐỊA CHẤT
CÔNG TRÌNH
VÀ SỬA CHỮA
CÔNG TRÌNH NGẦM



DỊCH VỤ
CUNG ỨNG TÀU
CHUYÊN DỤNG
DẦU KHÍ



DỊCH VỤ
CĂN CỨ CẢNG
DẦU KHÍ



DỊCH VỤ
KHO NỔ,
CHỨA, XỬ LÝ VÀ
XUẤT DẦU THỎ



DỊCH VỤ
CÔNG TRÌNH
CÔNG NGHIỆP

THÔNG ĐIỆP CỦA LÃNH ĐẠO

Kính thưa các quý vị,

Năm 2015 là năm ngành dầu khí gặp nhiều khó khăn, giá dầu thô giảm sâu xuống mức thấp nhất trong vòng mười năm trở lại đây. Áp lực giá dầu thô giảm đã gây ảnh hưởng nặng nề đến ngành công nghiệp dầu khí, khiến cho đa số công ty dầu khí trên toàn cầu thua lỗ, hàng loạt các dự án thăm dò, khai thác phát triển mở và đầu tư trong lĩnh vực dầu khí bị cắt giảm hoặc dừng triển khai. Điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến thị trường cung cấp dịch vụ dầu khí.

Là đơn vị có truyền thống cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ công nghiệp dầu khí, Tổng công ty PTSC đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Bên cạnh khối lượng công việc giảm sút nghiêm trọng là sức ép giảm giá mạnh mẽ của khách hàng, sự cạnh tranh gay gắt khi nguồn lực trên thị trường dồi dư, các doanh nghiệp trong và ngoài nước quyết giành lấy công ăn việc làm bằng mọi cách.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành chủ động, quyết liệt thực hiện các giải pháp nhằm ứng phó tình hình, duy trì hoạt động kinh doanh một cách bình thường. Có thể nói con số doanh thu đạt hơn 23.700 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 2.000 tỷ đồng cùng với các hoạt động an sinh xã hội tích cực của Tổng công ty PTSC là kết quả đáng khích lệ, khẳng định rằng Tổng công ty PTSC luôn nỗ lực, bản lĩnh trước cơn bão giá dầu và trách nhiệm vì sự phát triển cộng đồng. Kết quả đó chính là minh chứng rõ ràng cho sự tâm huyết, đoàn kết của tập thể Lãnh đạo và sự lao động nghiêm túc, cống hiến hết mình của cán bộ công nhân viên Tổng công ty PTSC. Đặc biệt là sự chỉ đạo, hỗ trợ sát sao của Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự tin tưởng, ủng hộ của Quý cổ đông, khách hàng và các đối tác của Tổng công ty PTSC.

Quý vị cố đồng kính mến,

Năm 2016 là một năm khó khăn hơn nữa của ngành dầu khí khi giá dầu tiếp tục giảm sâu. Nhưng tôi có niềm tin tưởng sâu sắc rằng với tinh thần, văn hóa của con người dầu khí, Tổng công ty PTSC sẽ thành công trong việc duy trì ổn định để vượt qua thách thức trên nền tảng kiên định với kế hoạch hành động đã và đang triển khai:

- Tối ưu hóa tất cả nguồn lực hiện có cho hoạt động sản xuất, tập trung vào dịch vụ giá trị, hàm lượng chất xám cao; tiếp tục đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh;
- Đảm bảo an toàn trong mọi hoạt động, rà soát tiết kiệm triệt để chi phí, hạ giá thành sản phẩm, cung cấp dịch vụ chất lượng với giá cả cạnh tranh;
- Tận dụng nguồn lực để phát triển sản phẩm hàng hóa dịch vụ mới, đẩy mạnh mở rộng sản xuất kinh doanh, nắm bắt cơ hội để phát triển dịch vụ ra nước ngoài và các lĩnh vực công nghiệp khác nhằm giảm tác động tiêu cực từ sự giảm sút của thị trường dầu khí;
- Rà soát, nâng cấp hệ thống quản trị, hệ thống quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính, hoàn thiện mô hình tổ chức theo hướng linh hoạt, tinh gọn phù hợp vai trò Công ty Mẹ vừa thực hiện sản xuất kinh doanh ở lĩnh vực cốt lõi vừa làm trung tâm lãnh đạo toàn tổ hợp.

Thách thức và cơ hội luôn song hành. Bên cạnh nỗ lực cao nhất của tập thể PTSC thì sự ủng hộ và đồng hành của Quý vị cổ đông chính là cơ sở để chúng ta tin rằng mọi cơ hội sẽ được tận dụng để con thuyền PTSC vững vàng vượt qua giai đoạn sóng gió này.

Trân trọng,



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


Thái Quốc Hiệp

06 - 29



THÔNG TIN CHUNG

- 8 | Quá trình hình thành và phát triển
- 10 | Đối tác, khách hàng
- 12 | Sơ đồ tổ chức; Bộ máy quản lý; Tổ chức lĩnh vực kinh doanh
- 24 | Nguồn lực
- 29 | Chiến lược phát triển trung và dài hạn

30 - 35



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 32 | Phát triển bền vững

36 - 53



HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

- 38 | Kết quả năm 2015
- 41 | Đánh giá của Ban Tổng Giám đốc
- 52 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty

54 - 67



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 56 | Hoạt động năm 2015 và Kế hoạch năm 2016 của Hội đồng quản trị
- 60 | Đánh giá về hoạt động năm 2015 và Kế hoạch năm 2016 của Ban kiểm soát
- 65 | Quản trị rủi ro

68 - 73



CHỨNG KHOÁN PVS

- 70 | Cổ đông
- 71 | Quan hệ cổ đông
- 72 | Cổ phiếu PVS

74 - 138



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 76 | Báo cáo Tài chính



Tên giao dịch:	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Tên giao dịch nước ngoài:	Petrovietnam Technical Services Corporation
Tên giao dịch viết tắt:	PTSC
Mã số doanh nghiệp:	0100150577
Địa chỉ:	Tầng 5, tòa nhà Petrovietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM
Số điện thoại:	(+84).8.39102828
Fax:	(+84).8.39102929
Website:	www.ptsc.com.vn

THÔNG TIN CHUNG

8 | Quá trình hình thành và phát triển

10 | Đối tác, khách hàng

12 | Sơ đồ tổ chức; Bộ máy quản lý;
Tổ chức lĩnh vực kinh doanh

24 | Nguồn lực

29 | Chiến lược phát triển trung và dài hạn

1993

- Thành lập Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) trên cơ sở sáp nhập Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC) và Công ty Địa vật lý và Dịch vụ dầu khí (GPTS) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành Dầu khí nói chung và thị trường dịch vụ kỹ thuật dầu khí nói riêng với nhiệm vụ chính là cung cấp các dịch vụ kỹ thuật và lao động kỹ thuật dầu khí cho các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước.

1994 - 2005

- Tách một số bộ phận dịch vụ khách sạn thành lập Công ty Dịch vụ Tổng hợp dầu khí (Petrosetco); tách Xí nghiệp Dịch vụ kỹ thuật dầu khí biển và Đội khoan thuộc Xí nghiệp Tàu dịch vụ dầu khí để thành lập Công ty Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí (PVD).

- Mở rộng căn cứ cảng dịch vụ dầu khí PTSC Vũng Tàu.

- Thực hiện thành công khối nhà ở LQ-CPC99 cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsopetro, đặt nền móng cho sự phát triển của loại hình dịch vụ cơ khí dầu khí.

- Triển khai hợp đồng vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí biển cho nhà máy xử lý khí Dinh Cố, đường ống dẫn khí 2 Phase dài 370 km và giàn công nghệ Lan Tây, đặt nền móng cho sự ra đời của dịch vụ O&M.

- Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh FPSO Ruby Princess giữa PTSC, PVI và PVFC, mở đầu cho sự ra đời dịch vụ FSO/FPSO.

2006 - 2009

- Thực hiện quá trình cổ phần hóa, chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

- Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và tổ chức hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con.

- Cổ phiếu của PTSC (mã PVS) chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

- Đổi tên thành Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

- Cấu trúc lại mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con theo hướng Công ty Mẹ trực tiếp thực hiện kinh doanh các lĩnh vực chính bằng việc chuyển các Đơn vị chủ chốt về trực thuộc Công ty Mẹ.

- Điều chỉnh lại lĩnh vực kinh doanh, chuyển lĩnh vực kinh doanh xăng dầu sang Tổng công ty PV Oil bao gồm toàn bộ PTSC Thái Bình, PTSC Nam Định và các bộ phận kinh doanh nhiên liệu của PTSC Đà Nẵng, PTSC Hải Phòng và PTSC Quảng Ngãi.

2010

- PTSC được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

- Lần đầu tiên doanh thu của PTSC đạt mức 1 tỷ USD.

- Phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 2.978 tỷ VNĐ.

- Thực hiện tái cấu trúc theo chiến lược đã được phê duyệt.

- Thành lập Công ty PTSC G&S, đánh dấu sự phát triển của loại hình dịch vụ công nghệ cao, khảo sát địa chấn, địa chất và sửa chữa công trình ngầm.

- Thành lập PTSC Power, khẳng định năng lực thi công các dự án EPC trên bờ.

2011 - 2013

- Kỷ niệm PTSC 20 năm "Xây dựng và Phát triển" (09/02/1993 - 09/02/2013) và đón Huân chương Lao động hạng Nhất.

- Giai đoạn giữ vững tốc độ tăng trưởng cao, với tăng trưởng lợi nhuận bình quân là 26%/năm và doanh thu đạt 15%/năm. Lần đầu tiên lợi nhuận đạt mức 2.000 tỷ đồng. Thực hiện thành công tăng Vốn điều lệ lên 4.467 tỷ đồng.

- Thành lập 2 công ty liên doanh: Công ty PTSC South East Asia (PTSC SEA) và Công ty TNHH Khảo sát địa vật lý (PTSC CGGV), đánh dấu sự tham gia của PTSC trong lĩnh vực dịch vụ khảo sát địa chấn công nghệ cao 3D.

- Hoàn thành dự án FSO PTSC Biển Đông 01.

- Trúng thầu quốc tế dự án EPCC Maharaja Lela South tại Brunei cho khách hàng Total E&P và dự án Disconnect giàn Đại Hùng.

- Lần thứ 6 liên tiếp PTSC nhận giải thưởng uy tín Sao Vàng Đất Việt.

2014

- Lần đầu tiên doanh thu vượt mức 30.000 tỷ đồng. Hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Kho nổi FPSO Lam Sơn đón dòng dầu đầu tiên tại mỏ Thăng Long - Đông Đô ngày 06/06/2014; Bàn giao Nhà máy nhiên liệu sinh học Bio-Ethanol Dung Quất ngày 06/08/2014.

- Ký kết các hợp đồng: Thuê và khai thác Bến cảng tổng hợp quốc tế Thị Vải ngày 07/03/2014; Cung cấp Dịch vụ thiết kế và thi công, tách, kéo, tái lắp đặt hệ thống giàn Đại Hùng 01 và phao Calm ngày 17/04/2014.

- Hạ thủy, bàn giao Khối thượng tầng Giàn công nghệ HRD ngày 29/11/2014. Đây là dự án chế tạo giàn công nghệ đầu tiên và lớn nhất thực hiện cho khách hàng nước ngoài thông qua thầu quốc tế với nhiều đối thủ cạnh tranh đến từ khắp nơi trong khu vực, Ấn Độ và Trung Đông.

2015

- Hàng loạt các giải pháp được áp dụng nhằm duy trì ổn định các hoạt động SXKD chính trong tình hình thị trường dịch vụ vô cùng khó khăn do ảnh hưởng của giá dầu thô xuống thấp; đảm bảo công việc, thu nhập cho người lao động và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản mà ĐHCĐ giao.

- Triển khai quyết liệt và thành công phương án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2011 - 2015: kiện toàn hệ thống các văn bản quản trị; hoàn thiện và đưa vào áp dụng Đề án Năng lực cạnh tranh; hoàn thành mục tiêu thoái vốn theo yêu cầu của Đề án Tái cơ cấu.

- Nhiều dự án công nghiệp trên bờ quy mô lớn đã thắng thầu, ký hợp đồng và đang triển khai tốt như: Dự án Nhà máy phân bón NPK; Dự án mở rộng phân xưởng sản xuất Amoniac NH3 của Chủ đầu tư Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí (PVFCCo); Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau của chủ đầu tư Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGAS). Hoàn thành tốt các gói thầu thuộc Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, tiếp tục thực hiện tốt các hạng mục thuộc hợp đồng Liên danh tổng thầu xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Long Phú. Điều đó chứng minh sự thành công và năng lực của PTSC đối với việc thực hiện chiến lược phát triển kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ xây lắp công trình công nghiệp trên bờ.

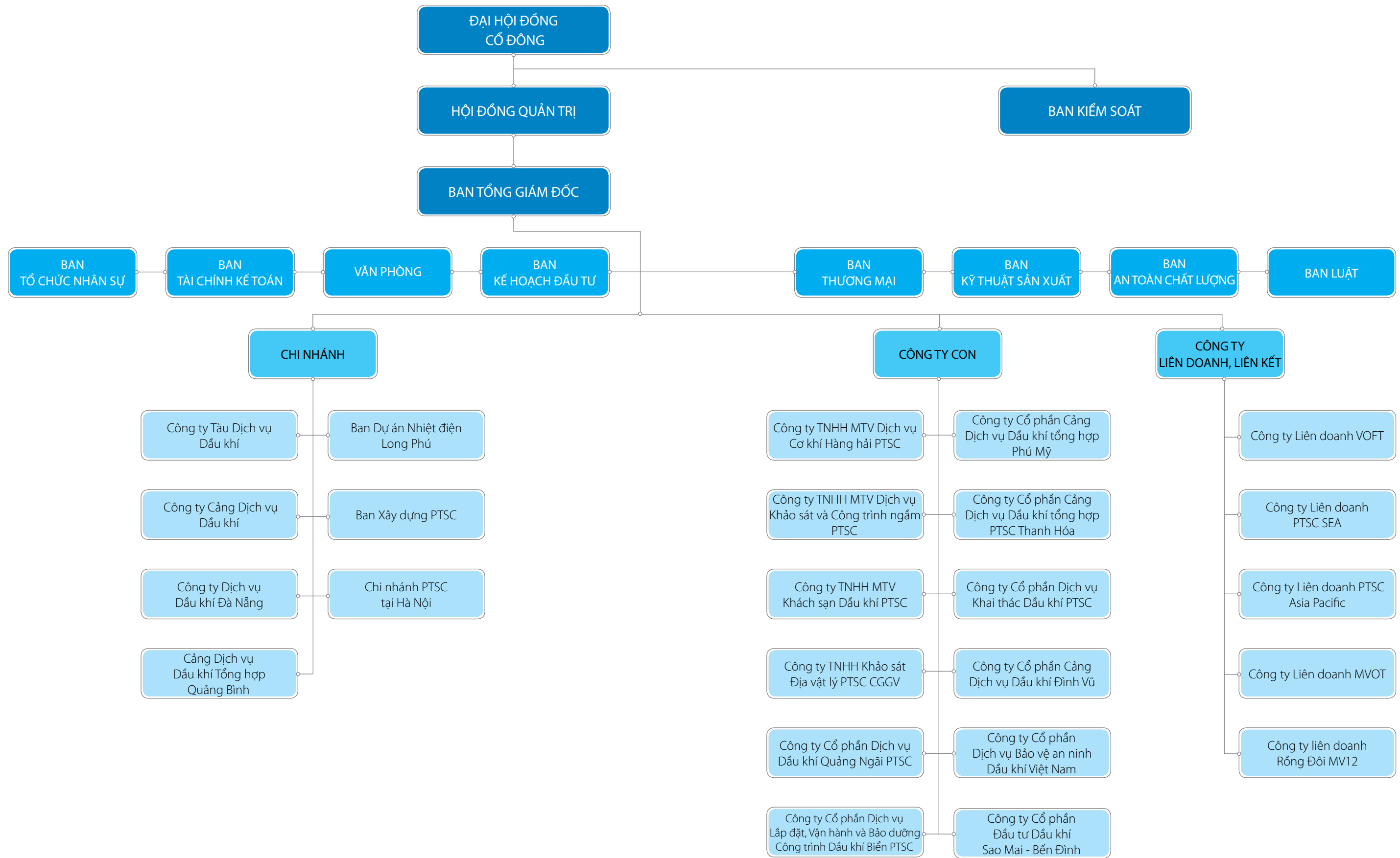
- Năng lực triển khai các dự án EPCI và khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế trong lĩnh vực cơ khí dầu khí tiếp tục được khẳng định và nâng cao bằng việc hạ thủy thành công khối thượng tầng Giàn khai thác Maharaja Lela Jamalulalam 3 (MLJ3) thuộc Dự án Maharaja Lela South (MLS) cho Chủ đầu tư Total E&P Borneo B.V.

- Tổng công ty tiếp tục nhận giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2015 với Top 100 thương hiệu Việt Nam, Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội và vinh dự được nhận giải Bạc "Chất lượng Quốc gia năm 2015" do Thủ tướng Chính phủ trao tặng.

ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



BỘ MÁY QUẢN LÝ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **THÁI QUỐC HIỆP**
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1958 tại Hà Tĩnh.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa vật lý,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp.



Ông **NGUYỄN VĂN MẬU**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1970 tại Hải Dương.
Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh,
Cử nhân Tài chính Kế toán.



Bà **NGUYỄN THANH HƯƠNG**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1961 tại Hà Nội.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế,
Kỹ sư Điện.



Ông **PHAN THANH TÙNG**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý
Kỹ thuật, Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh,
Cử nhân Anh Văn.



Ông **NGUYỄN VĂN DÂN**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1956 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Kinh tế vận tải biển,
Kỹ sư Điều khiển tàu biển.



Ông **ĐOÀN MINH MẮN**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1958 tại Bến Tre.
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh.



Ông **PHẠM VĂN DŨNG**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1969 tại Hải Dương.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hàng hải,
Kỹ sư Kinh tế.

BỘ MÁY QUẢN LÝ

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **PHAN THANH TÙNG**
TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kỹ thuật, Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Anh Văn.



Ông **NGUYỄN VĂN MẬU**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1970 tại Hải Dương.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Tài chính Kế toán.



Ông **NGUYỄN HỮU HẢI**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1962 tại Bắc Ninh.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Vô tuyến điện, Kỹ sư Quản trị Doanh nghiệp.



Ông **NGUYỄN TRẦN TOÀN**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1964 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp.



Ông **LÊ MẠNH CƯỜNG**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Điều khiển tàu biển.



Ông **ĐỖ QUỐC HOAN**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1969 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Kỹ sư Điều khiển tàu biển.



Ông **NGUYỄN TẤN HÒA**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1956 tại Phú Thọ.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.

BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



Ông **NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Sinh năm: 1977 tại Hà Nội.
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính Kế toán.

BAN KIỂM SOÁT



Bà **HỒ THỊ OANH**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1972 tại Thái Bình.
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán.



Ông **TRIỆU VĂN NGHỊ**
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1983 tại Phú Thọ.
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế.



Bà **BÙI THU HÀ**
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1980 tại Thái Nguyên.
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán.

GIẢI THƯỞNG VÀ DANH HIỆU NĂM 2015



“ Trong điều kiện phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, cạnh tranh khốc liệt do giá dầu suy giảm và sự biến động của nền kinh tế thế giới, Tổng công ty PTSC đã đưa ra nhiều phương án, quyết liệt thực hiện đồng loạt các giải pháp, tăng cường công tác quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra và tiếp tục khẳng định vị thế, uy tín, năng lực với các thành tích và giải thưởng uy tín sau:

Top 50 công ty niêm yết tốt nhất: Danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam được xây dựng nhằm mục tiêu cung cấp thông tin về những doanh nghiệp niêm yết có kết quả kinh doanh xuất sắc và đem lại lợi nhuận cao cho nhà đầu tư. Đây là năm thứ 2 liên tiếp, Tổng công ty PTSC với mã chứng khoán PVS được Forbes Việt Nam bình chọn vào Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất tại Việt Nam.

Top 100 thương hiệu Việt Nam và TOP 10 doanh nghiệp Sao Vàng Đất Việt tiêu biểu về trách nhiệm xã hội: Đây là lần thứ bảy liên tiếp kể từ năm 2007 Tổng công ty PTSC nhận được giải thưởng uy tín này. Đây là sự ghi nhận của xã hội và cộng đồng đối với những nỗ lực của PTSC trên con đường hội nhập - phát triển, khẳng định vị trí, đẳng cấp của một thương hiệu hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí.

Giải Bạc chất lượng Quốc gia: Đây là giải thưởng nhằm tôn vinh những doanh nghiệp đạt thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động, hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới do Thủ tướng Chính phủ trao tặng. Tổng công ty PTSC là 1 trong 2 doanh nghiệp dịch vụ lớn được trao tặng giải Bạc.

TỔ CHỨC LĨNH VỰC KINH DOANH

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ / ĐẦU TƯ	TỶ LỆ NẪM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
CÁC CHI NHÁNH					
1	Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	Số 73 đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty Mẹ	-	Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ.
2	Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Số 65A đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty Mẹ	-	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng dịch vụ dầu khí.
3	Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Số 11, đường 3/2, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	Trực thuộc Công ty Mẹ	-	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp.
4	Chi nhánh Tổng công ty - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Cảng Hòn La, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Trực thuộc Công ty Mẹ	-	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp.
5	Chi nhánh Tổng công ty - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Trực thuộc Công ty Mẹ	-	Quản lý, tổ chức các hoạt động thiết kế, mua sắm, xây lắp, chạy thử và hoàn thiện các dự án nhà máy điện và các công trình công nghiệp.
6	Chi nhánh Tổng công ty - Ban Xây dựng PTSC	Số 45B, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty Mẹ	-	Quản lý, tổ chức dự án xây dựng cơ bản, thực hiện các công trình công nghiệp.
7	Chi nhánh Tổng công ty tại Hà Nội	Số 142, đường Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	Trực thuộc Công ty Mẹ	-	Thực hiện công tác phát triển kinh doanh, các dự án sản xuất và các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao.
CÁC CÔNG TY CON					
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Số 31 đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu	628 tỷ đồng	100%	Chế tạo và xây lắp công trình dầu khí.
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Số 9, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	300 tỷ đồng	100%	Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV.
3	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC - CGGV	Phòng 460, tòa nhà PetroVietnam, số 8, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	1.171 tỷ đồng	51%	Khảo sát địa chấn 2D, 3D; xử lý dữ liệu địa chấn 2D,3D ngoài khơi trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
4	Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Lô 4H, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, tỉnh Quảng Ngãi	300 tỷ đồng	95,19%	<ul style="list-style-type: none"> • Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ. • Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp. • Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp.
5	Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	Cảng hạ lưu PTSC, số 65A đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	400 tỷ đồng	84,95%	Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp.
6	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí tổng hợp Phú Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	350 tỷ đồng	59,61%	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp.

TỔ CHỨC LĨNH VỰC KINH DOANH (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ / ĐẦU TƯ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
7	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	400 tỷ đồng	54,69%	<ul style="list-style-type: none"> • Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp. • Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp.
8	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	400 tỷ đồng	51%	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp và cảng container.
9	Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Tầng 6, tòa nhà PetroVietnam, số 8, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	200 tỷ đồng	51%	Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa dầu thô (FSO), kho nổi chứa và xử lý dầu thô (FPSO), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí.
10	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	500 tỷ đồng	51%	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp.
11	Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	20 tỷ đồng	100%	Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước.
12	Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ an ninh Dầu khí Việt Nam	Tầng 9, tòa nhà Lucky Building, số 66, đường Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội	20 tỷ đồng	51%	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.

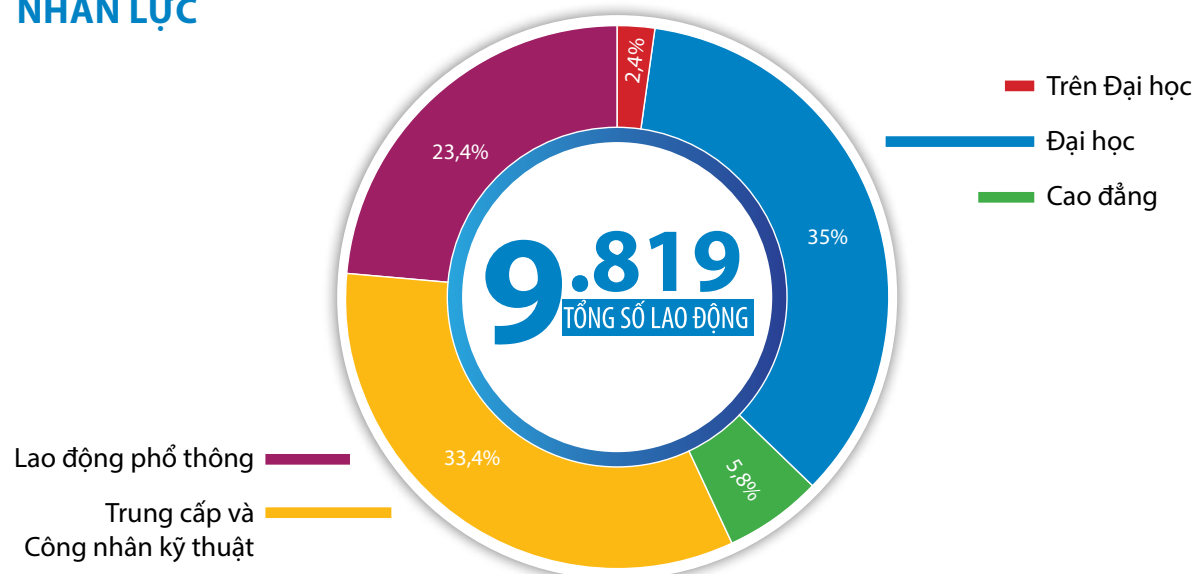
CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

1	Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT)	Suite 8,05 Level 8, The Garden North Tower, Mid Valley City, Ling Karan Syed Putra 59200 Kuala Lumpur, Malaysia	54.640.000 USD	60%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO) cho khách hàng PCVL.
2	Công ty Liên doanh PTSC South East Asia (PTSC SEA)	No.18, Sungei Kadunt Way, Singapore	37.329.582 USD	51%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO) cho khách hàng Biển Đông POC.
3	Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific (PTSC AP)	No.18, Sungei Kadunt Way, Singapore	119.996.426 USD	51%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO) cho khách hàng Lam Sơn JOC.
4	Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (MVOT)	Suite 8.05 Level 8, The Garden North Tower, Mid Valley City, Ling Karan Syed Putra 59200 Kuala Lumpur, Malaysia	35.222.268 USD	49%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO) cho khách hàng TML.
5	Công ty Liên doanh Rồng Đồi	No.02 International Business Park, Unit 2-06/7 The Strategy Tower, Singapore	4.716.854 USD	33%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO) cho khách hàng KNOC.

NGUỒN LỰC



NHÂN LỰC



CƠ SỞ VẬT CHẤT

PTSC sở hữu cơ sở vật chất kỹ thuật dầu khí hàng đầu tại Việt Nam, với 24 Đơn vị thành viên, địa bàn hoạt động trải dài từ Bắc tới Nam, có khả năng thực hiện trọn gói dịch vụ cho các công tác thăm dò, khai thác dầu khí. Tổng giá trị tài sản cố định hợp nhất toàn Tổng công ty PTSC tính đến 31/12/2015 là 4.702 tỷ đồng.

Cơ cấu cụ thể như sau:

STT	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ SỔ SÁCH CÒN LẠI (Đvt: tỷ đồng)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.319	1.630
2	Máy móc thiết bị	1.654	718
3	Thiết bị, phương tiện vận tải	6.522	2.302
4	Dụng cụ quản lý văn phòng	126	32
5	TSCĐ khác	32	19
	TỔNG CỘNG	11.653	4.702

NGUỒN LỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT CHÍNH CỦA PTSC

ĐỘI TÀU DỊCH VỤ CỦA PTSC

PTSC hiện đang sở hữu, quản lý đội tàu dịch vụ dầu khí lớn nhất Việt Nam với tổng số 16 tàu bao gồm các tàu dịch vụ hiện đại như tàu kéo, thả neo và vận chuyển, tàu định vị động học (DP), tàu hỗ trợ lặn khảo sát, tàu chống cháy, tàu trục mỏ, tàu bảo vệ... được vận hành bởi đội ngũ thuyền viên Việt Nam và nước ngoài có năng lực, giàu kinh nghiệm. Ngoài đội tàu hiện có, PTSC còn thuê dài hạn 5 tàu trần hoạt động dưới thương hiệu PTSC để đáp ứng các nhu cầu dịch vụ tàu cho hoạt động dầu khí tại Việt Nam và khu vực. Chi tiết đội tàu dịch vụ của PTSC như sau:

STT	TÊN TÀU	CÔNG SUẤT
1	Tàu SAPA (AHTS)	7.040 HP
2	Tàu An Bang (AHTS)	7.040 HP
3	Tàu An Phong (AHTS)	7.040 HP
4	Tàu Phong Lan (AHTS)	5.300 HP
5	Tàu Phong Nha (AHTS DP1)	5.300 HP
6	Tàu Bình Minh (AHTS DP2)	5.506 HP
7	Tàu Bình An (AHTS)	8.900 HP
8	Tàu PTSC Vũng Tàu (AHTS DP1)	7.080 HP
9	Tàu PTSC Hải Phòng (AHTS DP1)	5.220 HP
10	Tàu PTSC Thái Bình (AHTS DP2)	8.080 HP
11	Tàu PTSC Thăng Long (AHTS DP2)	7.200 HP
12	PTSC Tiên Phong (AHTS)	7.080 HP
13	Tàu PTSC Ngàn năm TLHN - 02 (Utility towing)	3.500 HP
14	Tàu PTSC Ngàn năm TLHN - 03 (Utility towing)	4.750 HP
15	Tàu PTSC 04 (Utility towing)	2.140 HP
16	Tàu Bạch Hổ (Utility towing)	980 HP

• AHTS: tàu dịch vụ đa năng

• Utility towing: tàu lai kéo

• DP1: có hệ thống định vị động học DP 1

• DP2: có hệ thống định vị động học DP 2

KHO NỔ CHỨA, XUẤT DẦU THÔ (FSO) VÀ KHO NỔ CHỨA, XỬ LÝ VÀ XUẤT DẦU THÔ (FPSO)

STT	TÊN TÀU	SỨC CHỨA	KHU VỰC HOẠT ĐỘNG
1	Tàu FPSO Lam Sơn	350.000 thùng	Mỏ Thăng Long - Đông Đô
2	Tàu FSO Biển Đông 1	350.000 thùng	Mỏ Hải Thạch và Mộc Tinh
3	Tàu FPSO Ruby II	645.000 thùng	Mỏ Hồng Ngọc
4	Tàu FSO Orkid	745.000 thùng	Mỏ PM3 CAA
5	Tàu FSO MV12	300.000 thùng	Mỏ Rồng Đồi

NGUỒN LỰC (tiếp theo)

CĂN CỨ CẢNG PTSC

Hiện nay, PTSC đang quản lý, vận hành và triển khai đầu tư hệ thống 08 căn cứ cảng dịch vụ dầu khí tại tất cả các trung tâm trên cả ba khu vực Bắc - Trung - Nam, đáp ứng tốt và đầy đủ các dịch vụ hậu cần căn cứ cảng cho các công ty và nhà thầu đang hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí tại Việt Nam cũng như các thành phần kinh tế khác tại địa phương.

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
1	Cảng Hạ lưu Vũng Tàu	Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 82,2 ha Số cầu bến: 09 Tổng chiều dài cầu bến: 750m Khả năng tiếp nhận: + Tàu 10.000 DWT + Sà lan 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -6,5m đến -9m
2	Cảng DVĐK tổng hợp Phú Mỹ	Đường số 3, Khu công nghiệp Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 26,5 ha Số cầu bến: 03 + Bến số 1: chiều dài 385m, khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT, độ sâu thủy điện -10,5m. + Bến số 2: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 1.500 DWT, độ sâu thủy điện -2,7m + Bến số 3: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy điện -3,3m
3	Cảng Sao Mai - Bến Đình	Vũng Tàu	Diện tích: 163 ha
4	Cảng Dung Quất	Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Diện tích: 4,2 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 210m, khả năng tiếp nhận tàu 50.000 DWT, độ sâu thủy điện -10m. + Bến số 2: chiều dài 90m, khả năng tiếp nhận tàu 2.000 DWT, độ sâu thủy điện -4,2m
5	Cảng Sơn Trà	Tp. Đà Nẵng	Diện tích: 10 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 200m Khả năng tiếp nhận tàu theo thiết kế: 20.000 DWT
6	Cảng Hòn La	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Diện tích: 8,8 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 215m Khả năng tiếp nhận tàu: 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -7,8m
7	Cảng Nghi Sơn	Huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá	Diện tích: 35 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 165m, khả năng tiếp nhận tàu 20.000 DWT, độ sâu thủy điện -9,5m. + Bến số 2: chiều dài 225m, khả năng tiếp nhận tàu 50.000 DWT, độ sâu thủy điện -12m

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
8	Cảng Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Diện tích: 15,2 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 330m Khả năng tiếp nhận tàu: 20.000 DWT Độ sâu thủy điện: -7,8m

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CHẾ TẠO, ĐÓNG MỚI CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ

Lĩnh vực dịch vụ cơ khí chế tạo và xây lắp công trình biển là một trong số những loại hình dịch vụ quan trọng có đóng góp lớn nhất vào doanh thu, lợi nhuận của PTSC. Để thực hiện các dự án, PTSC hiện đang sở hữu khu căn cứ thi công chế tạo công trình dầu khí tại Vũng Tàu với điều kiện cơ sở vật chất, cảng bãi, kho hàng, thiết bị cầu kéo, thiết bị nâng hạ và các máy móc thiết bị cơ sở khác... luôn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng, cụ thể:

- Công trường thi công trên diện tích gần 21 héc ta, bao gồm xưởng, kho bãi thi công và văn phòng làm việc hiện đại: xưởng thi công lắp ráp (150.000m²), phân xưởng có mái che (19.000m²), xưởng phun làm sạch (8.000m²), xưởng sơn có mái che (3.500m²)...

- Cầu cảng chiều dài 410 mét (05 phân đoạn), chiều rộng 28 mét và công suất nâng từ 125 đến 1.000 tấn, mực nước sâu 10-15 mét, tải trọng 263-271 tấn/cọc. Đặc biệt, cầu cảng thiết kế 03 đường trượt (6.000 tấn; 15.000 tấn và 25.000 tấn) và tải trọng phân phối trên khu vực mở là 50 tấn/m².

- Hàng loạt các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ các hoạt động thi công chế tạo công trình dầu khí như xe cầu từ 50 - 550 tấn, xe nâng, máy hàn, máy phát điện, máy nén khí cùng nhiều thiết bị dụng cụ chuyên dụng khác.

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC VẬN CHUYỂN, ĐẤU NỔI, XÂY LẮP, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN

Nguồn lực cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nổi, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa các công trình dầu khí biển đã được PTSC đầu tư thời gian qua đã cơ bản đáp ứng các nhu cầu dịch vụ, gồm các cơ sở vật chất chủ đạo sau:

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1	Sà lan nhà ở 300 chỗ PTSC Offshore 01	Sà lan không tự hành, chiều dài 111,6m, chiều rộng 31,7m, chiều cao mạn 7,3m, mớn nước 4,5 m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cầu lớn với sức nâng 300 tấn.
2	Sà lan 5000 tấn PTSC 01	Sà lan có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện... lên đến 5000 tấn phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải ngoài khơi.
3	Xưởng cơ khí bảo dưỡng	Diện tích 11.462 m ² , với các trang thiết bị, máy móc hiện đại, có thể sửa chữa và bảo dưỡng và cung cấp các dịch vụ hoán cải, nâng cấp, chế tạo các cấu kiện có kết cấu lên đến 500 tấn.



CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHẢO SÁT ĐỊA CHẤN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ KHẢO SÁT SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH NGẦM

Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV (Remote Operated Vehicle) là loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, phức tạp với các hoạt động cung cấp, quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, cung cấp vận hành các phương tiện, thiết bị khảo sát chuyên dụng ROV. PTSC hiện đang kiểm soát chi phối 01 Công ty TNHH MTV và 01 Công ty liên doanh với nguồn lực cơ sở vật chất tương đối hoàn chỉnh, có khả năng thực hiện các nhiệm vụ khảo sát trên tất cả các vùng biển thềm lục địa Việt Nam và thế giới:

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1	Tàu khảo sát địa chấn 2D Bình Minh 02	Thực hiện khảo sát địa chấn bằng công nghệ 2D trên tất cả các vùng biển thềm lục địa của Việt Nam và quốc tế.
2	Tàu khảo sát địa chấn 3D CGG Amadeus	Thực hiện khảo sát địa chấn bằng công nghệ 3D trên tất cả các vùng biển thềm lục địa của Việt Nam và quốc tế.
3	Tàu khảo sát địa vật lý PTSC Surveyor	Thực hiện công tác khoan khảo sát địa chất công trình trong vùng nước có độ sâu từ 7m đến 300m và khảo sát địa vật lý trong vùng nước có độ sâu từ 7m đến 500m.
4	Tàu khảo sát PTSC Researcher	Thực hiện khảo sát địa vật lý trong vùng nước có độ sâu đến 1.000m, khảo sát hải dương trên tất cả các vùng biển thềm lục địa Việt Nam và khu vực.
5	Tàu Dầu khí 105	Tàu dịch vụ 1.600 HP phục vụ hỗ trợ các công tác lặn, khảo sát.
6	Thiết bị khảo sát ROV Observation (02 thiết bị)	ROV Panther Plus 911 và ROV Panther Plus 954 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa các công trình ngầm dưới nước có thể lặn sâu tới 2000m.
7	Thiết bị khảo sát ROV WorkClass	ROV Quasar Compact 007 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa với mức độ phức tạp các công trình ngầm dưới nước có thể lặn sâu tới 2000m.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



TẦM NHÌN

Trở thành tập đoàn dịch vụ kỹ thuật với công nghệ cao, mang tầm quốc tế, luôn đổi mới và sẵn sàng đón nhận thách thức nhằm mang lại những giải pháp hữu hiệu, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.



QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Phát triển ổn định, bền vững; kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động sản xuất kinh doanh với bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng, phát huy lợi thế là một thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Hợp tác chặt chẽ với các đơn vị trong ngành nhằm khai thác và sử dụng tối đa nguồn lực tổng thể.

Liên doanh, liên kết với các công ty, đơn vị có năng lực trong và ngoài nước để giảm thiểu cạnh tranh, tránh đối đầu trực tiếp; từng bước tiếp thu, nhận chuyển giao công nghệ, tiến đến làm chủ công nghệ nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước và mở rộng phát triển ra nước ngoài.



MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Về dài hạn, tiếp tục giữ vững mục tiêu xây dựng PTSC trở thành Tổng công ty mạnh có thương hiệu trong khu vực và trên thế giới với các lĩnh vực hoạt động chính: dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dịch vụ khảo sát, hàng hải, công nghiệp, trong đó lấy dịch vụ kỹ thuật dầu khí làm then chốt và nền tảng. Phấn đấu trở thành đơn vị dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp uy tín và thương hiệu hàng đầu của khu vực Đông Nam Á.

Trong bối cảnh giá dầu thô sụt giảm như hiện tại, Tổng công ty phấn đấu duy trì ổn định hoạt động SXKD trong giai đoạn 2016 - 2018 và bắt đầu phục hồi mức tăng trưởng bình quân 6%/năm trong giai đoạn 2019 - 2020.

Phấn đấu tỷ suất lợi nhuận Công ty Mẹ sau thuế trên vốn điều lệ giai đoạn 2016 - 2018 đạt trên 10%/năm; giai đoạn 2019 - 2020 đạt trên 15%/năm.

A photograph of a large offshore oil and gas platform. The structure is composed of a complex network of orange-painted steel beams and pipes. The platform is situated over a blue ocean. The lighting is bright, suggesting a clear day. The overall scene conveys a sense of industrial scale and engineering.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

THÔNG DIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2015 là một năm các tập đoàn, doanh nghiệp dầu khí trên thế giới và trong nước phải chịu tác động lớn do giá dầu giảm sâu và kéo dài. Với đà lao dốc của giá dầu chưa có dấu hiệu dừng đã khiến các doanh nghiệp trong ngành dầu khí phải đưa ra hàng loạt các giải pháp nhằm vượt qua giai đoạn đầy khó khăn, thách thức này.

Nhận thức rõ vấn đề phát triển bền vững là mục tiêu quan trọng hàng đầu của doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh như hiện nay, bên cạnh mục tiêu phát triển lâu dài, để vượt qua giai đoạn khó khăn, thách thức, nhằm tạo đà phát triển ổn định, bền vững trong giai đoạn tiếp theo, PTSC đã tập trung vào 4 mục tiêu chính sau:

- Giữ vững bản sắc văn hóa, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, chất lượng dịch vụ; áp dụng triệt để các giải pháp tiết kiệm chống lãng phí;

GIỮ VỮNG BẢN SẮC VĂN HÓA, NÂNG CAO NĂNG LỰC, NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Với truyền thống văn hoá đã được nhiều thế hệ của PTSC xây dựng và bảo vệ trong suốt 22 năm qua, **“Đoàn kết, Năng động, Sáng tạo, Chuyên nghiệp”, “Dám nghĩ, Dám làm, Dám chịu trách nhiệm”**, tập thể người lao động PTSC luôn đoàn kết nhất trí một lòng vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong bối cảnh nền kinh tế và công nghiệp dầu khí gặp nhiều biến động và bị ảnh hưởng tiêu cực vì giá dầu sụt giảm như hiện nay, việc giữ gìn bản sắc văn hoá, phát huy và nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh lại càng đặc biệt quan trọng. Đây là một trong những vấn đề cốt lõi của chiến lược phát triển bền vững, lâu dài và quyết định đến sự “sống còn” của doanh nghiệp.

Để bảo vệ thành công bản sắc văn hóa, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh, PTSC tập trung vào các giải pháp trọng tâm sau:

Đổi mới, nâng cao hệ thống quản lý, phương thức quản trị

Thực hiện quyết liệt công tác tái cấu trúc doanh nghiệp, đồng thời đánh giá, cải tiến, cơ cấu lại hệ thống quản lý theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, nâng cao hơn nữa tính công khai minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

duy trì phát triển dịch vụ cốt lõi; thúc đẩy hợp tác, phát triển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới.

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trình độ chuyên môn cao đẳng cấp quốc tế.
- Duy trì hoạt động hiệu quả Hệ thống quản lý Sức khoẻ An toàn Môi trường Chất lượng hợp nhất; chú trọng xây dựng hệ thống quản lý, kiểm soát rủi ro.
- Tiếp tục phát huy nét đẹp nhân văn, tấm lòng nhân ái, nỗ lực đóng góp vì sự phát triển của cộng đồng; hoàn thành kế hoạch ASXH được Tập đoàn giao; xây dựng chương trình ASXH cụ thể đối với các địa phương nghèo trên cả nước.

Xây dựng và triển khai quy chế tự thực hiện, phối hợp thực hiện, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất giữa Tổng công ty với các Đơn vị và giữa các Đơn vị trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện đổi mới công tác quản lý và điều hành hoạt động dịch vụ, thực hiện dự án bằng việc giao quyền cho Giám đốc đơn vị, Giám đốc dự án.

Ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại với tiêu chuẩn quốc tế vào hệ thống quản trị doanh nghiệp như: hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP), quản trị quan hệ khách hàng (CRP), quản trị dây chuyền cung cấp (SCM). Các hệ thống quản lý SK-AT-MT-CL hợp nhất được áp dụng đồng bộ trong toàn PTSC theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, OHSAS 18001:2007.

Duy trì việc tăng cường kiểm soát, quản lý chi phí, giảm giá thành dịch vụ, hàng hóa, sản phẩm

Cắt giảm tối đa chi phí hoạt động với mục tiêu đảm bảo chất lượng dịch vụ giá thành cạnh tranh nhất.

Tổ chức đánh giá thận trọng hiệu quả kinh tế của từng hoạt động dịch vụ, dự án đồng thời hạch toán các chi phí rõ ràng để xác định hiệu quả chính xác, từ đó đưa ra phương thức quản lý vốn góp đầu tư hợp lý, hiệu quả.

Tổ chức tuyên truyền văn hóa PTSC và quán triệt chương trình hành động tới từng người lao động nhằm phát huy tối đa sức mạnh đoàn kết, phối hợp cao trong công tác cắt giảm chi phí, thực hành tiết kiệm cùng vượt qua giai đoạn khó khăn thách thức

Nâng cao năng suất lao động; duy trì, giữ vững thị phần các dịch vụ truyền thống; đẩy mạnh công tác phát triển hàng hóa, dịch vụ mới

Ban hành, áp dụng hệ thống Quy chế Khoa học Công nghệ, Sáng kiến, Sáng chế và Cải tiến nhằm áp dụng triệt để ứng dụng, tiến bộ khoa học kỹ thuật và các giải pháp nâng cao năng suất lao động cũng như đẩy mạnh công tác khuyến khích, tưởng thưởng xứng đáng cho người lao động, thu hút, duy trì và phát triển nguồn lực chất lượng cao.

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHUYÊN NGHIỆP, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CAO, ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ

Xác định con người là tài sản quý giá nhất của một tổ chức vì vậy việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, phát triển nguồn nhân lực đảm bảo số lượng, chất lượng luôn được coi là một trong những mục tiêu chính của chiến lược phát triển bền vững. Chính vì vậy, PTSC đã chú trọng xây dựng môi trường làm việc và phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách và giải pháp chủ yếu sau:

- Tiêu chuẩn hóa hoạt động quản lý và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp hóa, đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Hoàn thiện, ban hành, áp dụng cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ quản lý, đào tạo tay nghề, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ theo trình độ quốc tế để có thể nhanh chóng đáp ứng các yêu cầu công việc đối với chức danh do chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm để đảm bảo nguồn nhân lực có trình độ quốc tế cho nhu cầu phát triển dài hạn của PTSC.

Chính sách lương, thưởng

Chính sách lương, thưởng là một trong những chính sách quan trọng nhằm thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần ổn định và phát triển SXKD. PTSC không chỉ xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên mặt bằng lương chung của thị trường, cạnh tranh với các doanh nghiệp

Chủ động cân đối đầu tư nguồn lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, các dự án đang triển khai thuộc các lĩnh vực dịch vụ cốt lõi nhằm đảm bảo thực hiện an toàn, hiệu quả chất lượng và giữ vững thị phần.

Song song với việc liên tục cải tiến hệ thống nhân sự làm công tác phát triển kinh doanh để tăng cường các mối quan hệ hợp tác, tăng khả năng trúng thầu, PTSC đã tập trung đẩy mạnh phát triển kinh doanh vào một số thị trường khả thi nhất như: Brunei, India, Myanmar, Malaysia..., các khu vực dầu khí và công nghiệp trên bờ, trong khi tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ mới theo chiến lược phát triển lâu dài của PTSC.

trong ngành, phù hợp với yêu cầu và khối lượng công việc thực tế mà còn xây dựng chính sách, cơ chế lương thưởng, đãi ngộ riêng đối với nguồn nhân lực chất lượng cao là người Việt Nam có thể thay thế các chuyên gia nước ngoài như quản lý cấp cao, chuyên gia về lắp đặt, bảo dưỡng công trình dầu khí (O&M), chuyên gia thiết kế, thuyền trưởng, máy trưởng...

Việc trả lương tại PTSC được thực hiện theo hệ thống chức danh công việc trên cơ sở đánh giá chung về kết quả sản xuất kinh doanh của Bộ phận, mức độ hoàn thành công việc của từng người lao động, thưởng định kỳ và đột xuất cho người lao động có thành tích cao nhằm đảm bảo tính công bằng, tạo động lực khuyến khích người lao động phát huy năng lực, sáng tạo và nâng cao hiệu quả công việc.

Chính sách phúc lợi

Bên cạnh chính sách lương, thưởng hấp dẫn thì chính sách phúc lợi của PTSC không chỉ tuân thủ đúng, đủ theo yêu cầu pháp luật mà còn bổ sung thêm nhiều chế độ như: thực hiện chế độ bảo hiểm tối ưu nhất như bảo hiểm con người kết hợp với mức bảo hiểm trách nhiệm cao; chế độ bồi dưỡng an toàn và khám sức khỏe định kỳ; tham quan nghỉ mát hàng năm; khuyến học đối với con của người lao động; chế độ hiếu/hi, đặc biệt đã tổ chức tốt các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao cho người lao động.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

PTSC có những quy định, chủ trương khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để người lao động được đào tạo, tiếp cận và cập nhật tri thức mới, khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trên thế giới, được kế thừa vốn tri thức, kinh nghiệm từ đội ngũ quản lý, chuyên gia giỏi. PTSC luôn hướng tới việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật cao, theo hướng chuyên nghiệp hóa thông qua việc tập trung hiệu quả trong công tác đào tạo tay nghề cho người lao động, đào tạo trình độ chuyên môn, ngoại ngữ theo tiêu chuẩn, kỹ năng làm việc quốc tế, trong đó chú trọng đào tạo nguồn nhân lực người Việt Nam để có thể nhanh chóng thay thế và đáp ứng yêu cầu công việc mà PTSC phải thuê chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm.

DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HỆ THỐNG QUẢN LÝ SỨC KHỎE AN TOÀN MÔI TRƯỜNG CHẤT LƯỢNG HỢP NHẤT

Nhận thức sâu sắc và đánh giá cao tầm quan trọng của việc xây dựng, phát triển doanh nghiệp bền vững, để đạt được mục tiêu trở thành nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí hàng đầu, uy tín trong nước, khu vực Đông Nam Á và quốc tế, công tác SK-AT-MT-CL là mối quan tâm hàng đầu và được Ban lãnh đạo PTSC cam kết mạnh mẽ thông qua chính sách SK-AT-MT-CL của PTSC qua các giải pháp cụ thể:

- Tập trung quản lý hiệu quả Hệ thống SK-AT-MT-CL hợp nhất đã được Tổ chức chứng nhận quốc tế (BSI - British Standard Institution - Viện tiêu chuẩn Anh quốc) cấp giấy chứng nhận phù hợp theo 03 tiêu chuẩn quốc tế: OHSAS 18001:2007, ISO 14001:2004 và ISO 9001:2008.
- Quản lý sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu thông qua Hệ thống Quản lý Chất lượng chuyên nghiệp.
- Xử lý, kiểm soát hiệu quả việc tiêu thụ năng lượng, tài nguyên nước theo quy định bảo vệ môi trường hiện hành và công ước quốc tế đối với hoạt động sản xuất trên biển.

Hệ thống quản lý SK-AT-MT-CL hợp nhất

Với mục tiêu liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng và yếu tố an toàn, đảm bảo môi trường, công tác quản lý SK-AT-MT-CL được

Hàng năm, PTSC triển khai kế hoạch đào tạo với nhiều nội dung cho tất cả các đối tượng, dưới nhiều hình thức đa dạng, chú trọng đào tạo chuyên môn sâu; đào tạo chuyên viên không biên giới ở nước ngoài, tăng cường đào tạo nội bộ, đào tạo thực tế tại các công trình sản xuất kinh doanh, đào tạo nâng cao tay nghề; hợp tác với các tổ chức đào tạo uy tín trong và ngoài nước. Năm 2015, PTSC đã dành gần 23,5 tỷ đồng cho công tác đào tạo, cụ thể:

Theo khóa đào tạo:

- Lao động quản lý: 429 khóa, trung bình 10.296 giờ theo khóa
- Lao động trực tiếp: 326 khóa, trung bình 7.824 giờ theo khóa

Theo lượt người được đào tạo:

- 11.400 lượt lao động CBCNV tham dự khóa đào tạo theo kế hoạch và yêu cầu chuyên môn.

triển khai đồng bộ từ cấp Đơn vị đến cấp Tổng công ty, duy trì ổn định, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật, đồng thời từng bước được hoàn thiện, cải tiến Hệ thống quản lý để nâng cao hiệu quả quản lý đi vào chiều sâu và tăng cường nhận thức an toàn lao động.

Sử dụng nguyên vật liệu sản xuất

Với đặc thù cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí nên việc sử dụng các nguyên vật liệu để sản xuất ra các sản phẩm dịch vụ là không đáng kể trong tổng sản lượng dịch vụ (chủ yếu là sắt thép, khí công nghiệp phục vụ cho hoạt động cơ khí), việc quản lý sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu này được PTSC kiểm soát chặt chẽ thông qua Hệ thống Quản lý Chất lượng chuyên nghiệp từ khâu thiết kế, mua sắm, chế tạo và sản xuất bằng công nghệ, trang thiết bị hiện đại, tiên tiến trong ngành công nghiệp dầu khí. Năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện hiệu quả việc tiết giảm tối đa nguyên vật liệu thừa, phế thải.

Tiêu thụ năng lượng

Về tiêu thụ năng lượng, PTSC sử dụng các loại năng lượng trực tiếp (xăng dầu, khí đốt công nghiệp) và gián tiếp (điện năng) để phục vụ sản xuất kinh doanh. Về sử dụng tài nguyên nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh, PTSC chủ yếu sử dụng nguồn nước cấp thủy cục để phục vụ mục đích

sinh hoạt hàng ngày và cung cấp nước sạch cho các giàn khoan, tàu biển. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh đều được thu gom, xử lý, kiểm soát đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường theo quy định bảo vệ môi trường hiện hành và công ước quốc tế đối với hoạt động sản xuất trên biển.

Thực hiện chính sách bảo vệ môi trường đã cam kết cũng như chiến lược xây dựng hình ảnh doanh nghiệp thân thiện với môi trường và phát triển bền vững, năm 2015 PTSC đã liên tục triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng, tài nguyên hiệu quả, tiết kiệm và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường thông qua các hành động cụ thể sau:

- Thu gom, xử lý, kiểm soát triệt để các loại chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp);
- Đầu tư trang bị các phương tiện, trang thiết bị mới hiện đại, công nghệ tiên tiến, sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường để thay thế dần các phương tiện, thiết bị cũ;
- Đánh giá, lựa chọn mua sắm nguyên vật liệu, công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường làm đầu vào cho hoạt động sản xuất;

ĐÓNG GÓP, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh những thành tựu nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp đáng kể vào sự phát triển của nền kinh tế đất nước trong những năm qua, PTSC là đơn vị có truyền thống tốt đẹp trong việc chăm lo, cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho người lao động cũng như các công tác hoạt động xã hội và từ thiện, vì sự phát triển của cộng đồng. Thông qua các hoạt động ASXH trên khắp cả nước, PTSC đã triển khai hiệu quả các chương trình ASXH của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại các tỉnh, thành phố trên cả nước triển khai xây dựng hàng trăm ngôi nhà Đại đoàn kết, công trình trường học, công trình y tế, chương trình học bổng cho học sinh, sinh viên,

Sử dụng các nhiên liệu thân thiện với môi trường phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như (khí CNG, LPG, xăng sinh học, công chất làm lạnh/chữa cháy xanh bảo vệ tầng ozon...);

- Áp dụng các chương trình, biện pháp thực hành tiết kiệm sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên (nguyên vật liệu, nhiên liệu, điện, nước, văn phòng phẩm...);
- Triển khai các chương trình hành động, giải pháp cụ thể để tuân thủ đầy đủ Luật sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng và các quy định hiện hành của Chính phủ;
- Hệ thống quản lý hiệu quả năng lượng, được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận phù hợp sử dụng hiệu quả năng lượng tuân thủ các quy định của Tổ chức hàng hải thế giới (IMO) được áp dụng cho hoạt động của đội tàu dịch vụ dầu khí để giảm thiểu phát thải và bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu quan tâm hàng đầu của PTSC.

chương trình đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ kịp thời các địa phương chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt...

Với những nỗ lực vì cộng đồng của PTSC, đồng thời khẳng định ghi nhận của xã hội đối với những thành tích nổi bật, những đóng góp lớn lao mà PTSC đã mang đến cho xã hội trong những năm qua, đặc biệt là trong năm 2015 với tổng giá trị dành cho công tác ASXH qua các hoạt động hỗ trợ cho các lĩnh vực y tế, giáo dục, nhà cho người nghèo, vùng khó khăn là **52 tỷ đồng** và vinh dự là 1 trong 10 doanh nghiệp nhận giải thưởng **Sao Vàng Đất Việt năm 2015 "Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội"**.

HOẠT ĐỘNG NĂM 2015



38 | Kết quả năm 2015

41 | Đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

52 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty

KẾT QUẢ NĂM 2015

23.735 TỶ VNĐ
TỔNG DOANH THU NĂM 2015

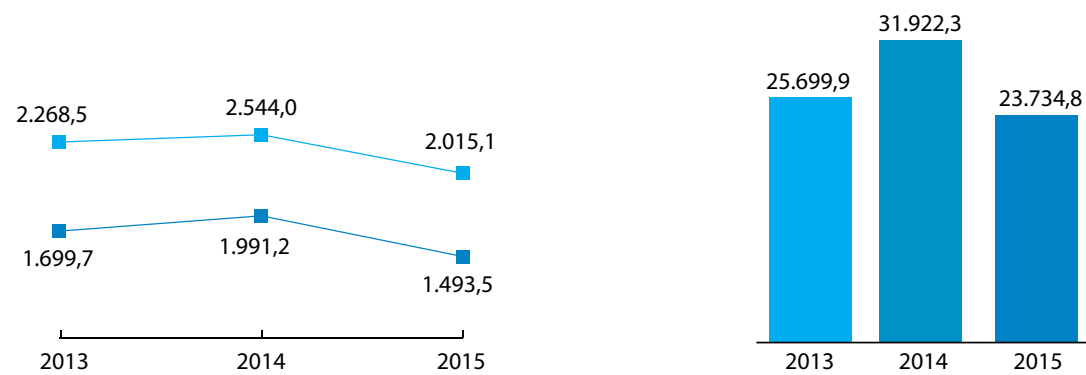
2.015 TỶ VNĐ
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2015



KẾT QUẢ TOÀN TỔNG CÔNG TY PTSC NĂM 2015

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2014	KẾ HOẠCH NĂM 2015	THỰC HIỆN NĂM 2015	SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM	SO VỚI THỰC HIỆN NĂM 2014
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	31.922,3	27.000,0	23.734,8	87,9%	74,4%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.544,0	1.300,0	2.015,1	155,0%	79,2%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.991,2	965,0	1.493,5	154,8%	75,0%

■ Lợi nhuận trước thuế
■ Lợi nhuận sau thuế

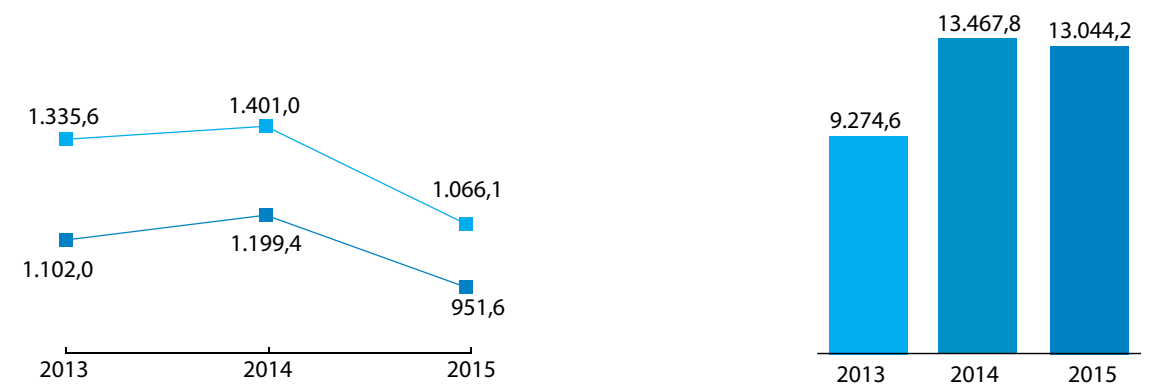


Doanh thu hợp nhất

KẾT QUẢ CÔNG TY MẸ PTSC NĂM 2015

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2014	KẾ HOẠCH NĂM 2015	THỰC HIỆN NĂM 2015	SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM	SO VỚI THỰC HIỆN NĂM 2014
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	4.467,0	4.467,0	4.467,0	100,0%	100,0%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	13.467,8	11.630,0	13.044,2	112,2%	96,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.401,0	920,0	1.066,1	115,9%	76,1%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.199,4	800,0	951,6	119,0%	79,3%
5	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	147,8	1929,0	629,4	32,6%	425,8%
6	Tỷ suất LNST/ Vốn điều lệ	%	26,9%	17,9%	21,3%	119,0%	79,3%

■ Lợi nhuận trước thuế
■ Lợi nhuận sau thuế



Doanh thu Công ty Mẹ PTSC



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2014	NĂM 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
• Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,47	1,62
• Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,42	1,50
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
• Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,59	0,55
• Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,44	1,23
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
• Vòng quay hàng tồn kho:	ngày	44,69	23,83
• Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,19	0,88
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
• Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,28%	6,39%
• Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,18%	12,58%
• Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,46%	5,65%
• Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,37%	8,28%

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

THUẬN LỢI

• Là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao và ủng hộ của Tập đoàn trong công tác SXKD.

• Tổng công ty đã tạo dựng được thương hiệu ở trong nước, khu vực và quốc tế; thiết lập được nhiều mối quan hệ hợp tác lâu dài và tin cậy lẫn nhau; thực hiện, phát triển các công việc, dự án với nhiều đối tác trong và ngoài nước. Tổng công ty luôn duy trì, phát triển có trọng tâm và đa dạng hóa các hoạt động SXKD của mình để phù hợp với môi trường SXKD có nhiều thay đổi.

• Tổng công ty đã tiến hành kiện toàn Công ty Mẹ, hoàn thiện mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con nhằm tăng cường năng lực của Công ty Mẹ, giúp Tổng công ty có đủ khả năng điều phối, hỗ trợ các đơn vị cũng như có thể huy động nguồn lực tổng hợp thực hiện các nhiệm vụ lớn.

• Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Tổng công ty đã trải qua và thâm nhập nhiều nhiệm vụ, có trình độ, tâm huyết và hết lòng vì sự phát triển của Tổng công ty. Cán bộ công nhân viên của Tổng công ty phần lớn là người trẻ tuổi, trình độ, năng động, nhiệt huyết và có kinh nghiệm nhất định trong môi trường làm việc quốc tế. Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Tổng công ty có sự đoàn kết, nhất trí, tạo sự đồng thuận vững chắc trong việc thực hiện kế hoạch SXKD và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong bối cảnh đó, với vai trò là Đơn vị dịch vụ kỹ thuật hàng đầu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, phát huy truyền thống Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới, được sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, địa phương, sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và sự quan tâm, hợp tác của các Đơn vị thành viên Tập đoàn, các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước, Tổng công ty đã thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm duy trì và thực hiện tốt các hợp đồng cung ứng tàu dịch vụ, tàu FPSO, FSO, dịch vụ căn cứ cảng, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng, dịch vụ chế tạo, lắp đặt các công trình dầu khí EPC, EPCI, dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình... cho các công ty và nhà thầu dầu khí, công nghiệp, đẩy mạnh các hoạt động phát triển kinh doanh tìm kiếm các hợp đồng dịch vụ mới, thực hiện triệt để tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả SXKD. Kết quả doanh thu hợp nhất thực hiện cả năm 2015 đạt 23.735 tỷ đồng, đạt 87,9% kế hoạch năm; lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 2.015 tỷ đồng, đạt 155,0% kế hoạch năm.

KHÓ KHĂN

• Việc giá dầu thô thế giới giảm mạnh vào cuối năm 2014 và tiếp tục duy trì ở mức thấp từ đầu năm 2015 đến nay đã làm các hoạt động thăm dò, khai thác, phát triển mỏ, đầu tư trong lĩnh vực dầu khí phải cắt giảm hoặc tạm dừng thực hiện, kéo theo hoạt động của các công ty dịch vụ dầu khí bị giảm sút nghiêm trọng.

• Cơ chế chính sách đang được thay đổi theo hướng giảm bảo hộ cho doanh nghiệp có vốn Nhà nước, bên cạnh đó các thỏa thuận kinh tế quốc tế (WTO, TPP..) dẫn có hiệu lực đã tạo môi trường hội nhập, cạnh tranh khốc liệt làm cho thị trường dịch vụ dầu khí ngày càng thu hẹp. Nhiều nhà cung cấp dịch vụ có năng lực vượt trội về cơ sở vật chất, phương tiện thiết bị, tài chính, quyết liệt xâm nhập vào thị trường cung cấp dịch vụ trong nước.

• Trong khi các nước có hành lang kỹ thuật, chính sách hỗ trợ, bảo hộ sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ nội địa một cách mạnh mẽ thì những chính sách hỗ trợ tương ứng của Việt Nam chưa rõ ràng, còn nhiều bất cập và vẫn trong quá trình hoàn thiện dẫn đến các doanh nghiệp trong nước khi tham gia đấu thầu còn chịu nhiều thua thiệt do sự cạnh tranh thiếu lành mạnh.

TỶ VNĐ
23.735
DOANH THU HỢP NHẤT

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

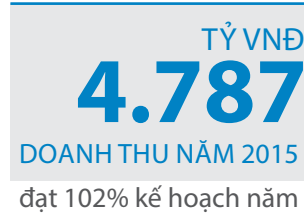
Dịch vụ cung ứng tàu chuyên dụng

Dịch vụ tàu chuyên ngành dầu khí trong năm 2015 đã phải đối mặt với sức ép giảm giá thuê do phát sinh từ việc các khách hàng hạn chế tối đa nhu cầu thuê tàu, nhiều khách hàng đã thay đổi kế hoạch sử dụng tàu nhỏ hơn, cũ hơn với đơn giá thấp hơn, cũng như tăng cường đấu thầu, gọi chào giá từ các đơn vị dịch vụ khác trong và ngoài nước. Trong khi đó chi phí duy trì an toàn cho đội tàu của Tổng công ty cao nên khó cạnh tranh với các chủ tàu tư nhân, tư bản nước ngoài với cơ chế linh hoạt, đặc

biệt đối với các công việc ngắn hạn, đơn giản.

Tổng thời gian khai thác đội tàu Tổng công ty trong năm 2015 là 6.391 ngày, giảm 7% so với thực hiện năm 2014.

Doanh thu thực hiện từ loại hình dịch vụ này năm 2015 là 4.787 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch năm, giảm 32% so với năm trước.

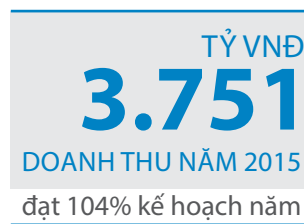


Dịch vụ cung ứng, quản lý, vận hành, khai thác kho nổi FSO/FPSO

Trong năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện tốt công tác cung ứng, quản lý, khai thác, vận hành các kho nổi FSO, FPSO hoạt động an toàn, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu của khách hàng; tiếp tục thực hiện tốt các hợp đồng cung cấp thuyền viên làm việc trên các kho nổi, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, theo dõi thông tin phản hồi từ khách hàng các dự án FSO/Yetagun tại Myanmar, FPSO Cá Rồng Đỏ...

Doanh thu thực hiện từ loại hình dịch vụ này năm 2015 là 3.751 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch năm, tăng 32% so với năm trước.

Nguyên nhân doanh thu tăng so với năm trước chủ yếu do kho nổi FPSO Lam Sơn được đưa vào khai thác từ tháng 6/2014.



Dịch vụ cơ khí dầu khí

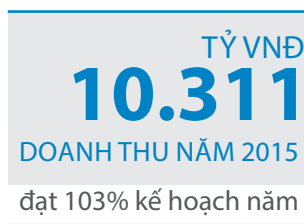
Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các Dự án MLS của Total-Brunei, Dự án TGT H05 của Hoàng Long JOC, Dự án Nhà máy LHD Nghi Sơn - Gói thầu B2, Gói thầu SMP9, Dự án FPSO Ghana, Dự án STT Phase 1..., đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường, chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của khách hàng, hiệu quả dự án.

Bokor EOR (Malaysia, Petronas) và tiếp tục theo dõi các thị trường tiềm năng khác như Australia, Myanmar, Algeria, Middle East...

Dự án Nhà máy NLSH Bio-Ethanol Dung Quất: trong năm 2015, Tổng công ty đã tích cực phối hợp với các bên liên quan để giải quyết các vấn đề về chi phí tăng thêm, thanh kiểm tra, thanh quyết toán của Dự án.

Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1: Hợp đồng EPC Dự án NMNĐ Long Phú 1 đã có hiệu lực từ ngày 22/01/2015. Tổng công ty đã phối hợp với thành viên Liên danh PM nỗ lực triển khai các công việc theo đúng yêu cầu về chất lượng, tiến độ của Dự án với các kết quả đạt được trong năm 2015 như sau:

- Đã hoàn thành và được phê duyệt Bản tiến độ cấp 2 của Dự án, Bản tiến độ cấp 3 cho các công việc cần triển khai trong giai đoạn 06 tháng (6-Months Look Ahead Activities); phối hợp với Nhà thầu PM lập Bản tiến độ cấp 3 cho Dự án;



Tích cực tham gia đấu thầu các dự án quốc tế như Bundled Phase 2 (Thái Lan, PTTEP) Daman (Ấn Độ, ONGC - Tổng thầu Swiber), Neelam (Ấn Độ, ONGC), Zawtika 1C (Myanmar, PTTEPI), RAPID (Malaysia, Petronas) và tiếp tục theo dõi, cập nhật cho các gói thầu đã chào như Bunga Pakma (Talisman Malaysia), British Columbia Modules (Canada, Linde AG), Kasawari CPP Jacket (Myanmar, Petronas - Tổng thầu HHI)...v.v. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn chung của thị trường, các dự án đang đấu thầu bị đẩy lùi tiến độ nên vẫn chưa có kết quả theo kế hoạch. Ngoài ra, do mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt nên kết quả đấu thầu các dự án này cũng khó có thể dự báo được.

Bên cạnh đó, Tổng công ty vẫn đang tiếp tục tiếp cận các chủ đầu tư, đối tác cho các dự án tiềm năng sắp tới như Block A (Cambodia, KrisEnergy),

- Đã hoàn thiện các quy trình quản lý và thực hiện Dự án; thống nhất áp dụng và phối hợp tốt với khách hàng, Nhà thầu PM và các bên liên quan;

- Đã hoàn thiện việc thiết lập tổng mặt bằng thi công, hoàn thành các hạng mục công trình tạm, phụ trợ phục vụ thi công Giai đoạn 1;

- Đã hoàn thành việc ký kết các Hợp đồng thầu phụ và triển khai các công việc xây dựng, đáp ứng các mốc thời gian qui định tại Bản tiến độ cấp 2 của Dự án, đảm bảo an toàn, chất lượng.

Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1: đã tiến hành đàm phán và thống nhất phạm vi công việc

Dịch vụ căn cứ cảng dầu khí

Ngay từ đầu năm 2015, số lượng nhà thầu và kế hoạch khoan có sự suy giảm đáng kể, trung bình 1 tháng giảm khoảng 3 nhà thầu so với năm 2014; dẫn đến sự sụt giảm đáng kể nhu cầu thuê kho bãi, nhà xưởng, thiết bị, nhân lực, các hoạt động hậu cần... của các nhà thầu chính (oil operation) và các nhà thầu dịch vụ (oilfield service contractors). Bên cạnh đó, để chia sẻ khó khăn với khách hàng do ảnh hưởng của sự sụt giảm giá dầu thô thế giới, Tổng công ty đã giảm đơn giá nhiều hạng mục dịch vụ trong khoảng thời gian từ 6 đến 10 tháng cho nhiều khách hàng như Con Son JOC, Lam Son JOC, Premier Oil... Điều này đã gây ảnh hưởng đáng kể đến kết quả SXKD của Cảng hạ lưu Vũng Tàu trong năm 2015.

Đối với các cảng tổng hợp của Tổng công ty gồm Cảng Dịch vụ dầu khí tổng hợp Phú Mỹ, Cảng Hòn La (Quảng Bình), Bến số 1 Cảng Dung Quất (Quảng

Ngãi), Cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa), Cảng Đình Vũ (Hải Phòng)... hầu hết kết quả SXKD của các căn cứ cảng này trong năm 2015 đều tốt, hoàn thành kế hoạch và có mức tăng trưởng so với những năm trước đây do nền kinh tế vĩ mô đã đi vào ổn định và có tăng trưởng sau thời gian khủng hoảng, dẫn đến lượng hàng hóa qua các căn cứ cảng tăng mạnh.

Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau: liên danh nhà thầu Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và Công ty Posco Engineering Co. Ltd (PTSC-PEN) đã ký kết hợp đồng EPC thực hiện dự án với Chủ đầu tư PV Gas ngày 13/08/2015.

Doanh thu thực hiện từ loại hình dịch vụ này năm 2015 là 10.311 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch năm, giảm 25% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu thực hiện từ loại hình dịch vụ này năm 2015 là 2.572 tỷ đồng, đạt 112% kế hoạch năm, tăng 9% so với năm trước. Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh cảng phục vụ dầu khí (Cảng hạ lưu Vũng Tàu) là 914 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch năm, giảm 20% so với thực hiện năm 2014; doanh thu từ các cảng tổng hợp là 1.658 tỷ đồng, tăng 21% so với thực hiện năm 2014.



STT	HẠNG MỤC	THỰC HIỆN NĂM 2014	KẾ HOẠCH NĂM 2015	THỰC HIỆN NĂM 2015
1	Cảng hạ lưu Vũng Tàu	3.150	2.700	2.550
	- Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt)	317.484	220.000	235.000
2	Cảng DVĐK TH Phú Mỹ	175	150	170
	- Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt)	2.860.000	2.600.000	3.800.000
3	Cảng Hòn La - Quảng Bình	300	400	387
	- Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt)	1.400.000	1.400.000	1.450.000
4	Bến số 1 Cảng Dung Quất - Quảng Ngãi	72	145	126
	- Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt)	1.303.000	1.456.000	1.745.000

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

STT	HẠNG MỤC	THỰC HIỆN NĂM 2014	KẾ HOẠCH NĂM 2015	THỰC HIỆN NĂM 2015
5	Cảng Nghi Sơn - Thanh Hóa - Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt) - Khối lượng hàng hóa xếp dỡ (tấn)	580 2.215.000	300 2.400.000	330 2.458.000
6	Cảng Đình Vũ - Hải Phòng - Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt) - Khối lượng hàng hóa xếp dỡ (TEU)	265 264.421	288 295.000	245 242.500
7	Cảng Sơn Trà - Đà Nẵng - Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt) - Khối lượng hàng hóa xếp dỡ (tấn)	Bắt đầu khai thác từ 13/7/15	160 195.000	165 205.000

Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng (O&M) các công trình dầu khí

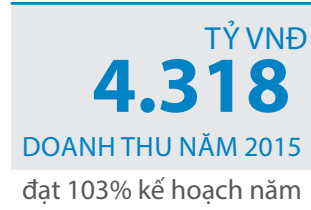
Trong năm 2015, Tổng công ty đã tiếp tục triển khai thực hiện tốt các Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Thái Bình - Hàm Rồng, Lô 102-106 giai đoạn 1 cho PVGAS; Dự án EPCI khí thấp áp Tiên Hải - Thái Bình cho PVGAS; Dự án cung cấp dịch vụ cung ứng và phát triển hệ thống phần mềm CMMS/Maximo cho hệ thống giàn Sư Tử Trắng và Sư Tử Vàng North East; Dự án tháo dỡ, lai kéo và lắp đặt lại giàn Đại Hùng; Dự án HUC WHP-H5; Dự án T&I WHP-H5 Topsides & pipeline, HUC STV South West, HUC & FAB MLS Brunei...;

Đối với công tác cung cấp các dịch vụ vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình dầu khí, Tổng công ty đã tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện tốt các hợp đồng dịch vụ, đáp ứng yêu cầu của các khách hàng như: Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Cừu Long JOC, PCVL, EMAS, Hoàng Long JOC, TNK, Biển

Đông POC, COSALT, NCSP..., đồng thời duy trì thực hiện tốt các hợp đồng cung cấp nhân lực theo các hợp đồng dài hạn cho khách hàng JVPC.

Tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 và Sà lan vận chuyển PTSC 01. Tổng số ngày làm việc của Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 đạt 142 ngày (giảm 40% so với năm 2014) và của Sà lan vận chuyển PTSC 01 đạt 98 ngày (tăng 46% so với thực hiện năm 2014).

Doanh thu thực hiện từ loại hình dịch vụ này năm 2015 là 4.318 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch năm, giảm 18% so với năm trước



Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV

Với tình hình thị trường hiện tại và giá dầu vẫn duy trì ở mức thấp, các hoạt động khảo sát địa chấn 2D, 3D bị thu hẹp, cắt giảm nghiêm trọng, trong khi các thiết bị, tàu khảo sát trên thế giới đang dư thừa dẫn tới cạnh tranh khốc liệt. Các công ty sở hữu tàu khảo sát địa chấn đều sẵn sàng chào với mức giá hòa vốn hoặc thậm chí dưới giá thành, chào phá giá để cắt lỗ nhằm duy trì qua giai đoạn khó khăn hiện nay. Do vậy, trong năm 2015 mặc dù được sự hỗ trợ to lớn của Tập đoàn, Tổng công ty cũng đã phải giảm giá nhiều mới giành được một số hợp đồng dịch vụ. Ngoài ra, việc các tàu khảo sát địa chấn 2D Bình Minh 02 và tàu khảo sát địa chấn 3D Amadeus không có việc các tháng cuối năm đã làm hiệu quả kinh doanh từ lĩnh vực dịch vụ này cả năm 2015 bị sụt giảm nghiêm trọng.

Đối với các hoạt động khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm: Tổng công ty đã tiếp tục khai thác hiệu quả tàu khảo sát PTSC Surveyor, PTSC Researcher và kết hợp với các tàu địa vật lý thuê ngoài khác để thực hiện tốt các dịch vụ khảo sát địa chất công trình, địa vật lý cho các khách hàng; tiếp tục huy động thiết bị và nhân sự thực hiện các dịch vụ ROV và khảo sát công trình ngầm cho các nhà thầu dầu khí và được khách hàng đánh giá cao.

Doanh thu thực hiện từ loại hình dịch vụ này năm 2015 là 2.409 tỷ đồng, đạt 80% kế hoạch năm, giảm 31% so với cùng kỳ năm trước.



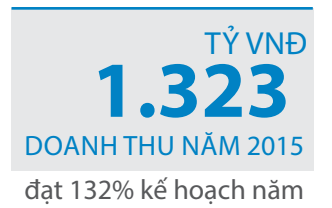
Dịch vụ khác

Các dịch vụ khác như dịch vụ kinh doanh khách sạn, dịch vụ bảo vệ... vẫn tiếp tục được duy trì ổn định.

• Tổ chức khai thác ổn định, hiệu quả khách sạn Đà Nẵng Petro, khách sạn Dầu khí Vũng Tàu đảm bảo đáp ứng các nhu cầu dịch vụ khách sạn, tổ chức hội thảo, hội nghị... của Tập đoàn, các đơn vị trong và ngoài ngành, các công ty lý hành cũng như khách du lịch tại địa phương.

• Tổ chức triển khai hiệu quả, an toàn các Hợp đồng

cung cấp dịch vụ bảo vệ đã ký kết, đảm bảo an ninh an toàn cao nhất tại các mục tiêu bảo vệ, đặc biệt là các mục tiêu trọng điểm.



Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2015 là 1.323 tỷ đồng, đạt 132% kế hoạch năm, tăng 100% so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Do ảnh hưởng của việc sụt giảm giá dầu thô nên công tác đầu tư của Tổng công ty chủ yếu là thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm 2014 và triển khai nghiên cứu, cập nhật, đánh giá tình hình thị trường đối với các dự án đầu tư trong kế hoạch năm được phê duyệt. Một số công tác đầu tư chủ yếu thực hiện trong năm như sau:

• Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác cảng Sơn Trà từ tháng 7/2015.

• Hoàn tất thanh toán hợp đồng nhận chuyển nhượng Bến số 2 Cảng Dung Quất.

• Triển khai các thủ tục đầu tư căn cứ cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp Phú Quốc.

• Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác tàu 7.000 BHP.

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2015 của Công ty Mẹ-Tổng công ty đạt 629 tỷ đồng, đạt 33% kế hoạch năm. Toàn bộ các dự án đầu tư đều được triển khai theo đúng các quy định hiện hành, đảm bảo hiệu

quả đầu tư. Một số dự án đầu tư không hoàn thành kế hoạch năm 2015 dự kiến từ đầu năm như sau:

• Các công trình kho, nhà văn phòng, khu dịch vụ phục vụ khách hàng tại Căn cứ Cảng hạ lưu Vũng Tàu với tổng giá trị kế hoạch đầu năm là 100 tỷ đồng: do sự sụt giảm của giá dầu, nhiều khách hàng tại Căn cứ Cảng hạ lưu Vũng Tàu đã phải tiết giảm chi phí, không tiếp tục kế hoạch phát triển mở rộng nên nhiều công trình kho, xưởng, văn phòng dự kiến đầu tư cho các khách hàng thuê trong năm 2015 đã phải tạm dừng triển khai hoặc giảm quy mô, dẫn đến kết quả thực hiện đầu tư các hạng mục này trong năm 2015 giảm so với kế hoạch ban đầu.

• Theo kế hoạch đầu tư đầu năm, Tổng công ty sẽ hoàn thành đầu tư tàu 10.000BHP trong năm 2015. Tuy nhiên, do ảnh hưởng sụt giảm giá dầu, Tổng công ty đã phải tiếp tục nghiên cứu, rà soát thận trọng các tác động, ảnh hưởng trước khi quyết định đầu tư.

• Hạng mục đầu tư tài chính mua cổ phần tăng vốn của PV Shipyard để nắm cổ phần chi phối với tổng giá trị kế hoạch là 250 tỷ đồng dừng thực hiện.

CÔNG TÁC TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

Về cơ bản, các mục tiêu trong kế hoạch Tái cấu trúc của Tổng công ty giai đoạn 2011-2015 đã hoàn thành. Một số kết quả thực hiện được trong năm 2015 như sau:

• Tổng công ty đã triển khai công tác rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quản trị và đang tiến hành sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định cũng như yêu cầu của đề án Tái cấu trúc, nâng cao năng lực, năng

lực cạnh tranh: tiến hành sửa đổi và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ, sửa đổi các Quy chế quản trị nội bộ theo hướng phân cấp và xác định rõ thẩm quyền, nhiệm vụ của các thành phần trong sơ đồ tổ chức bộ máy đối với từng lĩnh vực cụ thể: đầu tư, đầu thầu, tài chính, nhân sự, công nợ...; quyết liệt triển khai chương trình cải tiến trong toàn Tổng công ty ở mọi lĩnh vực công tác; xây dựng Hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

lượng hợp nhất toàn Tổng công ty theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, OHSAS 18001:2007.

- Hoàn thành việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các Ban tham mưu theo hướng tăng cường vai trò của bộ máy giúp việc, đáp ứng yêu cầu của tái cấu trúc là Công ty Mẹ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực chính trong toàn Tổng công ty; phát huy vai trò trung tâm, điều hành, điều phối; đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực để nâng cao trình độ cũng như đảm bảo chế độ đối với Người lao động trong quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp.

- Hoàn thành mua thêm 4,47 triệu cổ phiếu của Công ty SMBĐ để tăng tỷ lệ nắm giữ từ 42,6% lên 51% vốn điều lệ theo phương án tái cơ cấu được phê duyệt.

- Hoàn thành mua lại toàn bộ phần vốn của các cổ đông để nắm giữ 100% vốn tại Công ty CP Cảng Tổng hợp – Dầu khí Sơn Trà.

- Đã thoái toàn bộ phần vốn góp của Tổng công ty tại các Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam, Công ty CP Đầu tư và kinh doanh tài sản Việt Nam và Công ty CP phát triển nguồn lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam.

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI, HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ

Song song với việc tập trung cải thiện, nâng cao chế độ chính sách và chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV, Tổng công ty cũng đã thực hiện tốt các công tác An sinh Xã hội dành cho cộng đồng, đặc biệt là các đối tượng đang gặp khó khăn, các địa phương nghèo trên khắp cả nước.

Năm 2015, Tổng công ty đã phối hợp với UBMT Tổ quốc Việt Nam tại các tỉnh, thành phố trên cả nước

triển khai xây dựng hàng trăm ngôi nhà Đại đoàn kết, xây dựng nhiều công trình trường học, y tế kết hợp với công trình phòng tránh thiên tai cho các tỉnh miền Trung, hỗ trợ nhiều chương trình hỗ trợ giáo dục, học bổng cho học sinh, sinh viên, hỗ trợ kịp thời các địa phương chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt... Tổng giá trị tiền dành cho công tác ASXH năm 2015 của Tổng công ty đạt trên 52 tỷ đồng.

CÔNG TÁC KHÁC

Bên cạnh công tác SXKD, Tổng công ty cũng đã quan tâm chú trọng các hoạt động khác và đạt được nhiều kết quả khả quan, cụ thể như sau:

- Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch tuyển dụng, đào tạo phù hợp với thực tế SXKD. Tổng số lao động của toàn Tổng công ty đến hiện tại là 9.819 người. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2015 là 17,3 triệu đồng VN/tháng. Trong năm 2015 toàn Tổng công ty đã tổ chức cho trên 11.400 lượt CBCNV tham dự các khóa đào tạo theo kế hoạch và theo yêu cầu chuyên môn với tổng kinh phí 23,5 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm.

- Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, quản trị chi đạo, triển khai quyết liệt chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tăng cường tiết kiệm các loại chi phí, nhiên liệu và

điện năng trong sản xuất, cắt giảm chi tiêu... nhằm giảm thiểu tối đa tác động của biến động các yếu tố vĩ mô đến hoạt động SXKD. Kết quả trong năm 2015, toàn Tổng công ty đã thực hiện tiết giảm 62 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch tiết giảm các chi phí quản lý, chi phí nguyên, nhiên vật liệu, chi phí đầu tư năm 2015 để ra.

- Duy trì hoạt động hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, quản lý an toàn theo ISM Code, OSAH 18001 và ISO 14001 tại Tổng công ty và các Đơn vị trực thuộc.

- Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất kinh doanh dịch vụ. Các chất thải và rác công nghiệp, rác độc hại được quản lý và xử lý theo đúng quy định...

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2016

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2015 và nhận định, đánh giá các cơ hội thị trường trong năm 2016, Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đề xuất kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện trong năm 2016 như sau:

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2016

a) Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2016
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	22.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.200
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	960

b) Kế hoạch Công ty Mẹ

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2016
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	4.467
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.500
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	800
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	730
5	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	934

Kế hoạch năm 2016 được xây dựng trên cơ sở đánh giá những thuận lợi, khó khăn và cơ hội thị trường năm 2016, trong đó giá dầu thô dự kiến dao động ở mức bình quân 60 USD/ thùng. Tuy nhiên, thực tế những tháng đầu năm 2016 cũng như dự báo giá dầu thô vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục và có

xu hướng biến động khó lường. Trong khi đó, trên 90% hoạt động SXKD của Tổng công ty là cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cho các công ty, nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước. Việc giá dầu biến động sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các quyết định thực hiện hoặc dừng triển khai các dự án tìm kiếm, thăm dò

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



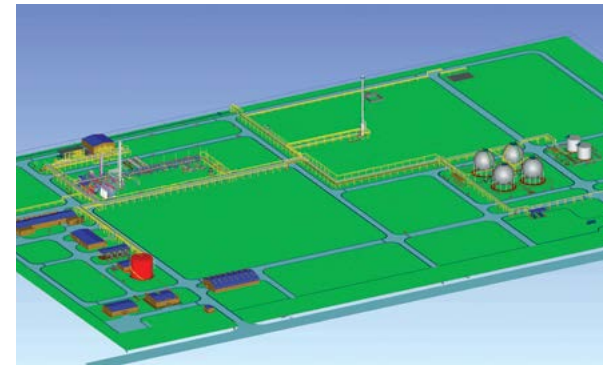
khai thác dầu khí, từ đó tác động rất lớn đến kế hoạch SXKD dịch vụ của Tổng công ty. Tổng công ty đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá khả năng thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2016 trong các trường hợp giá dầu biến động sụt giảm hơn so với kế hoạch dự kiến như sau:

- Trường hợp giá dầu thô bình quân năm 2016 giảm xuống mức 40 USD/ thùng, nhiều mỏ tại Việt Nam và khu vực phải hoạt động ở mức dưới điểm hòa vốn. Để có thể duy trì hoạt động, các chủ mỏ sẽ phải triển khai triệt để các giải pháp tiết giảm chi phí, cắt giảm tối đa khối lượng công việc cũng như chi phí hoạt động. Quan điểm cung cấp dịch vụ trong bối cảnh giá dầu này là cùng chia sẻ lỗ với các công ty dầu khí để vượt qua giai đoạn khó khăn, nếu không thì công ty dầu khí sẽ đóng mỏ/ phá sản và các công ty dịch vụ cũng sẽ không còn nguồn doanh thu và sẽ thiệt hại nặng nề hơn.

Dự kiến trong trường hợp này, sức ép giảm giá dịch vụ sẽ càng căng thẳng, bên cạnh việc khối lượng công việc bị sụt giảm đáng kể, giá dịch vụ cung cấp cho các công ty, nhà thầu dầu khí cũng chỉ áp dụng ở mức bằng với giá thành, thậm chí thấp hơn giá thành đối với các mỏ bị lỗ, dẫn đến kết quả doanh thu và lợi nhuận bị giảm sút nghiêm trọng so với giai đoạn trước đây. Trong trường hợp này, dự kiến doanh thu: hợp nhất đạt 16.000 tỷ đồng, Công ty Mẹ đạt 8.500 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế: hợp nhất đạt 850 tỷ đồng, Công ty Mẹ đạt 550 tỷ đồng.

- Trường hợp giá dầu thô bình quân năm 2016 giảm xuống mức 25-30 USD/thùng: phần lớn các công ty dầu khí hiện là khách hàng của Tổng công ty sẽ dừng khai thác, thậm chí phá sản dẫn đến doanh thu dịch vụ dầu khí của Tổng công ty sẽ bị sụt giảm nghiêm trọng; lĩnh vực dịch vụ khảo sát, dịch vụ tìm kiếm thăm dò hầu như không còn việc; hàng loạt các hợp đồng cung cấp tàu dịch vụ dài hạn, tàu FSO/FPSO của Tổng công ty bị dừng triển khai do nhiều mỏ buộc phải dừng hoạt động do giá thành khai thác cao hơn giá bán; các dự án cơ khí chế tạo và lắp đặt đấu nối công trình dầu khí biển trong nước hoàn toàn không được triển khai mới; doanh thu cung cấp dịch vụ căn cứ cảng dầu khí bị sụt giảm nghiêm trọng do khách hàng trả văn phòng, kho, bãi và hầu như không còn các hoạt động dầu khí tại căn cứ...

Doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty trong trường hợp này chủ yếu là từ các nguồn công việc ngoài ngành dầu khí và từ một số hợp đồng, dự án đang triển khai đang dở mà khách hàng buộc phải tiếp tục thực hiện trong năm. Thị trường dịch vụ dầu khí ở nước ngoài trong trường hợp này lại càng khó khăn do cung nhiều hơn cầu, dẫn đến cạnh tranh càng khốc liệt. Trong trường hợp này, dự kiến doanh thu: hợp nhất đạt 14.500 tỷ đồng, Công ty Mẹ đạt 7.500 tỷ đồng; lỗ hợp nhất trước thuế là 250 tỷ đồng, Công ty Mẹ sẽ không còn lợi nhuận. Ngoài ra, việc các FSO/FPSO của Tổng công ty đã đầu tư phải dừng hoạt động do đóng mỏ không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD hợp nhất của Tổng công ty trong năm 2016 mà còn tiềm ẩn rủi ro lớn do không có nguồn thu để trả nợ các khoản vay đầu tư đến hạn.



NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- Quản lý và khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu dịch vụ chuyên dụng của Tổng công ty và đội tàu thuê ngoài, chiếm lĩnh thị trường cung cấp tàu dịch vụ, tàu bảo vệ cho thị trường trong nước. Phối hợp chặt chẽ với Quân chủng Hải quân cung cấp tàu trực an ninh cho tất cả các công ty Dầu khí tại Việt Nam, đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và phương tiện, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo. Vận dụng, kết hợp tối đa những hỗ trợ của Tập đoàn để phát triển cung cấp dịch vụ tàu cho các dự án thăm dò dầu khí của Tập đoàn tại nước ngoài, đặc biệt là thị trường Myanmar và Malaysia.

- Triển khai hiệu quả, an toàn, chất lượng và đúng tiến độ các dự án đã trúng thầu như Dự án Sư Tử Trắng Full Field Development Phase 1, Dự án FPSO Ghana và các dự án tiềm năng khác như Cá Rồng Đỏ, Kinh Ngư Trắng, Sư Tử Trắng Full Field Development Phase 2..., tham gia thực hiện tốt phần việc của Tổng công ty tại Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú, NMLD Nghi Sơn, LNG Sơn Mỹ, GPP Cà mau, NH3, NPK..., đảm bảo chất lượng, tiến độ. Tăng cường công tác phát triển kinh doanh, tham gia chào giá, chào thầu các dự án thuộc khu vực công nghiệp mà Tổng công ty có thể tham gia và các dự án EPC, EPCI công trình dầu khí biển ngoài Việt Nam, chế tạo tại Việt Nam chuyển ra nước ngoài, kể cả các công trình công nghiệp ở nước ngoài.

- Quản lý và khai thác an toàn hiệu quả các tàu FPSO Ruby II, FSO PTSC Biển Đông 01, FPSO PTSC Lam Sơn. Thực hiện tốt việc cung cấp nhân sự vận hành tàu cho các tàu FSO Orkid, Thái Bình VN, MV12; tăng tỷ trọng cung cấp nhân sự vận hành và dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa tàu.

- Khai thác an toàn, hiệu quả các căn cứ Cảng hạ lưu Vũng Tàu, Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Bến số 1 - Cảng Dung Quất, Cảng Hòn La, Cảng Đình Vũ - Hải Phòng, Cảng Nghi Sơn - Thanh Hoá, Cảng Sơn Trà - Đà Nẵng đảm bảo cung cấp và chiếm lĩnh thị trường dịch vụ căn cứ hậu cần phục vụ cho các hoạt

động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam đồng thời mở rộng phục vụ các thành phần kinh tế khác.

- Tổ chức triển khai an toàn, chất lượng, đúng tiến độ và hiệu quả các dự án vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành và bảo dưỡng (O&M) các công trình dầu khí biển, đáp ứng yêu cầu của các nhà thầu dầu khí. Tăng cường công tác phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường nhằm khai thác hiệu quả Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 và Sà lan vận chuyển 5000 tấn PTSC-01. Triển khai nghiên cứu, đầu tư nguồn lực cơ sở vật chất, tìm kiếm hợp tác với các đối tác có năng lực để phát triển mở rộng lĩnh vực dạn mô theo định hướng chiến lược phát triển, kế hoạch đã đề ra.

- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn, hiệu quả các tàu khảo sát địa vật lý PTSC Surveyor, PTSC Researcher. Tích cực tìm kiếm thị trường, công việc cho tàu khảo sát địa chấn 2D Bình Minh 02 và tàu khảo sát địa chấn 3D CGG Amadeus. Chiếm lĩnh thị phần cung cấp dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình trong nước, từng bước phát triển ra thị trường nước ngoài. Thực hiện tốt lộ trình đào tạo nhân sự kỹ thuật, quản lý để nhanh chóng tiếp thu công nghệ và dẫn đưa nhân sự Việt Nam vào làm việc tại các vị trí quan trọng trên tàu thay thế người nước ngoài. Tiếp tục phát triển các dịch vụ phụ trợ xung quanh dịch vụ cốt lõi, có nhu cầu về hàm lượng chất xám cao như: định vị, xử lý số liệu, thí nghiệm, lập báo cáo... Duy trì chiếm lĩnh hoàn toàn mảng dịch vụ ROV hỗ trợ khoan và khảo sát In-water trong nước; đẩy mạnh thâm nhập mảng thị trường ROV hỗ trợ xây lắp trong nước và phát triển đưa dịch vụ ROV của Tổng công ty ra thị trường nước ngoài.

- Tiếp tục duy trì và phát triển các dịch vụ khác như dịch vụ khách sạn, dịch vụ bảo vệ... nhằm đảm bảo sự phát triển cân bằng và ổn định, đáp ứng một cách toàn diện các nhu cầu của khách hàng cũng như đảm bảo việc làm cho người lao động.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ Kế hoạch năm 2016, Tổng công ty đã yêu cầu các Đơn vị, các tổ chức chính trị, xã hội, toàn thể cán bộ công nhân viên tổ chức triển khai, thực hiện đồng bộ các giải pháp trên tất cả các lĩnh vực, trong đó, tập trung chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chính như sau:

1. Hoàn thiện hệ thống quản lý, nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp

- Thực hiện quyết liệt công tác Tái cấu trúc doanh nghiệp, cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý theo hướng tinh gọn nhân sự, nâng cao hiệu quả, kỷ luật nghiêm minh, môi trường minh bạch, gắn kết trực tiếp đãi ngộ với đóng góp.

- Tăng cường sự phối hợp giữa Tổng công ty với các Đơn vị và giữa các Đơn vị với nhau trong công tác phát triển kinh doanh, chào giá, đấu thầu cũng như trong quá trình tổ chức SXKD.

- Áp dụng Đề án Năng lực cạnh tranh vào trong quản lý, thực hiện dự án, trong đó mấu chốt là cơ chế giao quyền, trách nhiệm cho Giám đốc dự án, nguồn lực phục vụ thực hiện dự án linh hoạt, cơ chế khoán trong lao động, gắn kết trực tiếp thu nhập và đãi ngộ người lao động với đóng góp thực tế và hiệu quả lao động.

- Hoàn thiện và tăng cường công tác quản lý, giám sát tài chính, duy trì hệ số nợ một cách thích hợp, đảm bảo tính tự chủ, an toàn về tài chính và bảo toàn vốn.

2. Duy trì, giữ vững thị trường dịch vụ hiện có; đẩy mạnh phát triển kinh doanh khu vực dầu khí,

công nghiệp trên bờ và mở rộng phát triển thị trường ra nước ngoài; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới

- Tập trung cung cấp các dịch vụ, hàng hóa, sản phẩm thuộc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính an toàn, hiệu quả, chất lượng, đặc biệt tích cực tìm kiếm thị trường, công việc cho tàu khảo sát địa chấn 2D Bình Minh 02 và tàu khảo sát địa chấn 3D CGG Amadeus nhằm đảm bảo hiệu quả khai thác phương tiện.

- Cải tiến và đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, tập trung vào một số thị trường khả thi nhất như Brunei, India, Myanmar, Malaysia, Australia...

- Tăng cường bám sát đại lý, đại diện, phối kết hợp với các đối tác bản địa trong việc đẩy mạnh công tác phát triển, kết hợp khả năng đầu tư ra thị trường nước ngoài.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tận dụng các cơ hội SXKD, phát triển sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mới như: công trình ngầm (subsea), cắt hủy giếng khoan và thu dọn mỏ, đầu tư hợp lý và hiệu quả cho bảo dưỡng sửa chữa nhỏ công trình biển... Đẩy mạnh phát triển sản phẩm, dịch vụ mới bền vững hơn, sản phẩm công nghiệp phụ trợ cho dầu khí và công nghiệp, dịch vụ cho các nhà sản xuất thiết bị hiện đại từ Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... (bảo trì, sửa chữa, dịch vụ hậu mãi...) theo đúng tinh thần của Đề án Phát triển sản xuất.

- Tiếp tục phát triển năng lực kỹ thuật, thiết kế và thị phần dịch vụ kỹ thuật dầu khí trên bờ, công nghiệp và kinh tế khác.



3. Tăng cường công tác giám sát, quản lý chi phí; đẩy mạnh công tác tiết kiệm, chống lãng phí; rà soát, áp dụng quyết liệt tất cả giải pháp khả thi, phù hợp nhằm giảm tối đa giá thành dịch vụ, hàng hóa, sản phẩm để đáp ứng yêu cầu của khách hàng

- Rà soát, làm việc với các đối tác, nhà thầu phụ, cắt giảm tối đa tất cả các cấu thành giá chưa cạnh tranh so với thị trường.

- Quản triệt việc sử dụng dịch vụ nội bộ giữa các Đơn vị trong Tổng công ty với mức giá cạnh tranh so với thị trường, phù hợp.

- Rà soát chi phí có tính chất lương, định biên, cơ cấu tổ chức, đánh giá chất lượng nhân sự đảm bảo chi phí tính chất lương cạnh tranh theo mức thị trường.

- Liên tục cập nhật công nghệ, rà soát các hệ thống định mức, điều chỉnh sát thực tế với cơ chế khoán theo hướng tăng năng suất cao nhất, tự động hóa.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, phổ biến kêu gọi sự đoàn kết và phối hợp cao của Người lao động đối với các giải pháp của Ban lãnh đạo Tổng công ty, đặc biệt liên quan công tác tiết kiệm, chống lãng phí.

- Rà soát danh mục tất cả chi phí của Tổng công ty, lập danh mục, kế hoạch cải tiến, mức độ cắt giảm với thời hạn và người phụ trách cụ thể, chi tiết. Cam kết thực hiện vượt mức kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016 được Tập đoàn phê duyệt, phục vụ tốt cho thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2016.

- Thực hiện nghiêm túc việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ tuân thủ Quy định hiện hành và giá chỉ phí là cạnh tranh nhất của thị trường;

- Tổ chức quản lý chặt chẽ vốn góp đầu tư tại các

Công ty con, Đơn vị và các Liên doanh. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ để đảm bảo việc chấp hành các chính sách chế độ tài chính kế toán tại các Đơn vị.

4. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật cao; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến, sáng chế, cải tiến, công nghệ thông tin để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả SXKD

- Tiêu chuẩn hóa hoạt động quản lý và phát triển nguồn nhân lực theo hướng đạt chuẩn quốc tế.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp đẳng cấp quốc tế, "chuyên viên không biên giới".

- Xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp, hiệu quả đáp ứng với yêu cầu tiêu chuẩn hóa và quốc tế hóa của Tập đoàn và yêu cầu phát triển của Tổng công ty.

- Hợp tác với các tổ chức và chuyên gia giỏi trên thế giới để đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ thiết kế, đội ngũ bảo dưỡng, sửa chữa, tháo dỡ công trình dầu khí, công trình công nghiệp.

- Ban hành, kiện toàn, áp dụng Hệ thống Quy chế Khoa học Công nghệ, Sáng kiến, Sáng chế và Cải tiến trong toàn Tổng công ty, nhằm tạo cơ chế, hành lang khuyến khích đẩy mạnh các công tác liên quan, tưởng thưởng xứng đáng cho người lao động.

- Xem xét đổi mới và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động SXKD, công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng xây dựng các phần mềm như thư viện điện tử, quản lý thông tin công việc, nhân sự, hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP), quản trị quan hệ khách hàng (CRP), quản trị dây chuyền cung cấp (SCM)...

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

Bên cạnh những biến động về địa chính trị của khu vực và thế giới, sự cạnh tranh khốc liệt của các nhà thầu trong và ngoài nước đã gây nhiều áp lực lên hoạt động SXKD, tình hình khó khăn của thị trường dầu mỏ là vấn đề mấu chốt tác động trực tiếp làm giảm doanh số cung cấp dịch vụ của Tổng công ty trong năm 2015. Trong bối cảnh đó Tổng công ty đã đạt được những kết quả quan trọng như sau:

- Tổng công ty đã đạt được các chỉ tiêu cơ bản đề ra cho năm tài chính 2015; tiếp tục duy trì và phát huy được thế mạnh của đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí hàng đầu tại Việt Nam, giảm thiểu được ảnh hưởng xấu từ các yếu tố liên quan đến dầu mỏ, khẳng định được thương hiệu trên thị trường khu vực ở một số lĩnh vực chính, tạo tiền đề để bám sát, thực hiện các mục tiêu chiến lược đã hoạch định; tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình hoạt động.

- Công tác quản lý, giám sát tài chính được thực hiện chặt chẽ đúng theo chuẩn mực và quy định của pháp luật. Tình hình tài chính của Tổng công ty lành mạnh và bền vững.

- Thực hiện quyết liệt và hoàn thành mục tiêu tái cấu trúc giai đoạn 2011 - 2015. Đẩy mạnh cải tiến hệ thống quản lý, khẳng định vai trò chủ đạo, trực tiếp thực hiện SXKD của Công ty Mẹ đối với toàn tổ hợp. Việc kiện toàn bộ máy, nghiên cứu và áp dụng các giải pháp nâng cao năng lực cạnh

tranh trong tất cả các lĩnh vực kinh doanh đang tạo những chuyển biến mới, chuẩn bị những điều kiện cần thiết thích ứng với môi trường hội nhập, cạnh tranh khốc liệt.

- Thực hiện đúng các quy định và hài hòa các nghĩa vụ đối với Nhà nước, chủ sở hữu, các bên liên quan. Chăm lo tốt đời sống người lao động và có trách nhiệm với cộng đồng.

Để vượt qua những khó khăn thách thức trong năm 2016, tạo tiền đề cho việc triển khai thành công kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, Tổng công ty PTSC cần tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp để ra nhằm mục tiêu:

- Ổn định, tăng cường nguồn lực để vượt qua thách thức khó khăn do khủng hoảng giá dầu.

- Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động, đồng thời từng bước nâng cao khả năng cung ứng, cạnh tranh về giá cả và chất lượng dịch vụ thuộc nhóm lĩnh vực chính.

- Tiếp tục phát triển năng lực và thị phần dịch vụ kỹ thuật dầu khí trên bờ, công nghiệp và kinh tế khác.

- củng cố năng lực, nghiên cứu, đánh giá thị trường nhằm tăng khả năng cạnh tranh khi hội nhập.



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Sự ổn định của Tổng công ty trong suốt năm 2015 có phần đóng góp rất quan trọng từ những nỗ lực và giải pháp điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Trong điều kiện khó khăn toàn diện đối với ngành dầu khí, Tổng công ty đã đạt được những kết quả khả quan. Hội đồng quản trị đánh giá cao và trân trọng những cố gắng của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là cá nhân Tổng Giám đốc trong việc giúp Tổng công ty vượt qua một năm khó khăn, thể hiện những điểm sau:

- Bám sát và chỉ đạo triển khai kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với tình hình thực tế, điều hành linh hoạt, chủ động ứng phó với các diễn biến phức tạp, bất lợi của thị trường dầu khí.

- Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có, quyết liệt cắt giảm chi phí, nâng cao chất lượng, giảm giá thành dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, giữ vững thị phần, chia sẻ các khó khăn với khách hàng đồng thời đảm bảo các lợi ích lâu dài của Tổng công ty.

- Thúc đẩy phong trào sáng kiến cải tiến trên mọi phương diện, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý điều hành nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty;

- Quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động theo đúng thẩm quyền, có sự phân công, phân cấp rõ ràng giữa các cấp quản lý phù hợp với quy định hiện hành.

- Kịp thời động viên, ổn định tinh thần người lao động trước những diễn biến bất lợi của thị trường. Duy trì mặt bằng tiền lương và chính sách đãi ngộ hợp lý trong bối cảnh suy giảm chung của ngành Dầu khí. Có chính sách khen thưởng minh bạch đồng thời tăng cường đào tạo, nâng cao tính kỷ luật, chuyên nghiệp của người lao động để đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



56 | Hoạt động năm 2015 và Kế hoạch năm 2016 của HĐQT

60 | Đánh giá về hoạt động năm 2015 và Kế hoạch năm 2016 của BKS

65 | Quản trị rủi ro

HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2016 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

Cơ cấu nhân sự HĐQT của Tổng công ty và thông tin các chức danh thành viên HĐQT đang nắm giữ chức vụ tại các công ty khác hiện tại như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY KHÁC
1	Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	-
2	Phan Thanh Tùng	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	-
3	Nguyễn Văn Dân	Thành viên HĐQT	-
4	Đoàn Minh Mẫn	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT tại Ngân hàng PVcomBank
5	Nguyễn Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-
6	Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT	-
7	Nguyễn Văn Mậu	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	Chủ tịch HĐQT tại Công ty PTSC Phú Mỹ

CƠ CẤU BAN CHUYÊN MÔN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với vai trò là Ban chuyên môn giúp việc cho HĐQT, Ban thư ký đã hỗ trợ và giúp đẩy nhanh quá trình xử lý công việc của các thành viên HĐQT, tổ chức các cuộc họp và triển khai thủ tục quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT phù hợp với quy định hiện hành; quản lý chung, cung cấp kịp thời và bảo mật thông tin trong quá trình hoạt động của HĐQT.

Hiện nay Ban thư ký bao gồm Phòng Thư ký tổng hợp và Phòng Kiểm soát nội bộ với 5 thành viên. Từng thành viên được giao phụ trách các nhiệm vụ chuyên môn cụ thể, phù hợp với kinh nghiệm chuyên môn, lĩnh vực công tác.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM ĐÃ ĐỀ RA

“ Ngoài việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể do Đại hội đồng cổ đông giao tại Nghị quyết số 345/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015, HĐQT đã triển khai thực hiện và hoàn thành các nội dung công việc đã đề ra trong chương trình công tác năm:

CHỈ ĐẠO HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỔNG CÔNG TY

Nắm bắt định hướng phát triển, nhu cầu thị trường đối với loại hình dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình trên bờ, HĐQT đã phê duyệt định hướng phát triển cung cấp dịch vụ vận hành và bảo dưỡng (O&M) cho loại hình dịch vụ mới này.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá môi trường, điều kiện kinh doanh trong những năm tới, HĐQT đã chỉ đạo hoàn chỉnh Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 và Chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 của Tổng công ty. Kế hoạch và Chiến lược này đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận thông qua ngày 26/05/2015.

Để thực hiện thành công mục tiêu, chiến lược phát triển của Tổng công ty và các kế hoạch dài hạn đến 2025 và định hướng đến 2035 đối với loại hình dịch vụ quản lý, tham gia thực hiện, thi công, xây lắp tiến tới thực hiện trọn gói hợp đồng tổng thầu EPC các công trình công nghiệp trên bờ cả trong và ngoài ngành dầu khí, HĐQT đã kiện toàn Chi nhánh Tổng công ty - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC thành Chi nhánh Tổng công ty - Ban Xây dựng PTSC.

HĐQT đã thông qua chủ trương lập báo cáo khả thi Dự án đầu tư xây dựng Cảng tổng hợp dịch vụ dầu khí tại Phú Quốc để nâng cao năng lực phục vụ hoạt động khai thác mỏ Lô B & 48/49, Lô 52/97 và các hoạt động dầu khí tại khu vực vùng biển Tây Nam.

CHỈ ĐẠO HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUẢN TRỊ

Công tác rà soát, cập nhật, sửa đổi và ban hành mới các văn bản quản lý đã được HĐQT chỉ đạo quyết liệt nhằm đáp ứng những quy định mới của pháp luật và sự thay đổi môi trường kinh doanh để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác

quản lý, điều hành của tất cả các cấp tại Công ty Mẹ cũng như trong toàn tổ hợp Công ty Mẹ-Con, cụ thể:

- HĐQT đã chỉ đạo hoàn tất thủ tục đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh sau khi được ĐHĐCĐ 2015 phê duyệt, sửa đổi một số điểm và nội dung chưa hợp lý trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đồng thời chỉ đạo hoàn thiện việc cập nhật các nội dung mới vào Điều lệ Tổng công ty theo đúng các quy định hiện hành.

- HĐQT đã chỉ đạo bộ phận giúp việc nghiên cứu và đánh giá những điểm mới của Luật Doanh nghiệp 2014 để chuẩn bị cho việc xây dựng dự thảo Điều lệ mới và sửa đổi bổ sung một số văn bản quản trị.

- Nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý trong các quan hệ, giao dịch, đồng thời sử dụng hiệu quả sức mạnh tập thể, lợi thế của từng Đơn vị, HĐQT đã phê duyệt nội dung Thỏa thuận khung giữa Tổng công ty và Đơn vị, tạo cơ sở để Tổng Giám đốc triển khai việc ký Thỏa thuận khung với từng Đơn vị.

- Để cập nhật các quy định mới và sửa đổi bổ sung một số nội dung đã lỗi thời không còn phù hợp với tình hình thực tế, HĐQT đã rà soát và ban hành áp dụng Quy chế quản lý tài chính mới.

CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN TÁI CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY

Nhằm bảo toàn vốn, tập trung tối đa nguồn lực cho các hoạt động thuộc những lĩnh vực cốt lõi, năm 2015 HĐQT tiếp tục chỉ đạo tái cấu trúc Tổng công ty trên cơ sở các quy định mới của nhà nước, chỉ đạo của Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc thực hiện giảm tỷ lệ góp vốn, thoái vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp không thuộc ngành nghề chính, gia tăng tỷ lệ góp vốn tại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh doanh sở trường của Tổng công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015 (tiếp theo)



Song song với việc xúc tiến tái cơ cấu mô hình tổ chức, HĐQT cũng đã sát sao cùng Ban Điều hành chỉ đạo triển khai quyết liệt công tác cải tiến trong lĩnh vực quản lý, điều hành nhằm nâng cao năng lực của toàn bộ máy, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý toàn Tổng công ty.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA PTSC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC

HĐQT đã chỉ đạo bộ phận giúp việc lập danh sách, cơ sở dữ liệu về đội ngũ cán bộ đang được cử làm Người đại diện của Tổng công ty tại Đơn vị; thực hiện bổ nhiệm lại cán bộ thuộc quyền quản lý của HĐQT theo quy định, kịp thời thay đổi, bổ sung Người đại diện để phù hợp với yêu cầu quản lý của Tổng công ty tại các Đơn vị.

HĐQT đã chỉ đạo rà soát, bổ sung các văn bản quản lý có liên quan để phù hợp với các quy định hiện hành nhằm mục đích nâng cao trách nhiệm của Người đại diện đối với việc bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty đã đầu tư, tại các đơn vị hoặc ủy quyền/giao cho Người đại diện quản lý cũng như thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Tổng công ty.

CÔNG TÁC THƯỜNG XUYÊN

Ngoài các hoạt động trong kế hoạch năm, HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên thuộc thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động của Tổng công ty, cụ thể:

- Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên của Tổng công ty và ĐHCĐ thường niên các Đơn vị.



- Giám sát và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn tại các Đơn vị, dự án lớn.

- Thực hiện công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư.

- Ban hành các nghị quyết liên quan đến công tác quản lý hoạt động bình thường của Tổng công ty: phê duyệt phát hành Bảo lãnh hoàn tạm ứng cho Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1; phê duyệt và ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật cho các tàu; phê duyệt Quỹ tiền lương năm 2015 của Công ty Mẹ, giao Quỹ tiền lương năm 2015 cho các Đơn vị thành viên; phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận cho các công ty TNHH 1TV; phê duyệt việc tái cấu trúc khoản vay của Công ty PTSC Asia Pacific Pte Ltd...

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm 2015, các nội dung ĐHCĐ giao và kết quả thực tế triển khai thực hiện, HĐQT đánh giá các hoạt động trong năm 2015 là đúng thẩm quyền và hiệu quả. HĐQT đã thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng và phù hợp nhằm xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền phục vụ SXKD của Tổng công ty. Các Thành viên đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng, thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2016

“ Năm 2016 là năm đầu tiên trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020, do đó những kết quả đạt được trong năm 2016 sẽ là tiền đề quan trọng cho việc thực hiện kế hoạch các năm tiếp theo.

Trước tình hình bất ổn tại Biển Đông cùng với việc giá dầu giảm sâu và có khả năng vẫn duy trì ở mức thấp trong năm 2016, để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, trên cơ sở tình hình thực tế sản xuất kinh doanh, HĐQT Tổng công ty đề ra kế hoạch công tác năm 2016 như sau:

1. Phê duyệt nội dung chương trình và chỉ đạo tổ chức ĐHCĐ thường niên 2016 của Tổng công ty và của các Đơn vị thành viên.

2. Chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổ chức thực hiện thành công các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2016 và các nội dung đã được ĐHCĐ phê duyệt phù hợp chiến lược phát triển của Tổng công ty đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035.

- Chỉ đạo đẩy mạnh nghiên cứu, khuyến khích áp dụng giải pháp khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả SXKD; triển khai quyết liệt các giải pháp tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm/dịch vụ, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư, dự án kinh doanh, đẩy nhanh công tác đầu tư theo các mục tiêu kế hoạch; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các bộ phận.

- Tổ chức làm việc với các Đơn vị gặp khó khăn để kiểm tra tình hình triển khai Kế hoạch SXKD năm 2016 và có giải pháp hỗ trợ Đơn vị.

3. Chỉ đạo triển khai thủ tục chi trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông.

4. Chỉ đạo dự thảo Điều lệ và một số văn bản quản trị phù hợp với Luật Doanh nghiệp mới và các quy

định pháp luật có liên quan.

5. Rà soát, cải tiến hệ thống quản trị: cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp quy định pháp luật và tình hình hoạt động SXKD của Tổng công ty.

6. Tăng cường chỉ đạo hoàn thiện công tác quản trị rủi ro doanh nghiệp, quản trị rủi ro dự án. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác quản lý các nguồn lực như nhân lực, tài sản, nguồn vốn.

7. Tiến hành rà soát, đánh giá để cập nhật và đề nghị cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt điều chỉnh Phương án tái cấu trúc Tổng công ty cho phù hợp với thực tế trên nguyên tắc hiệu quả và tính khả thi cao nhất.

8. Tiếp tục chỉ đạo hoàn chỉnh Đề án Năng lực cạnh tranh, Đề án Phát triển sản xuất, theo dõi, giám sát chặt chẽ việc áp dụng Đề án này vào trong thực tế SXKD; nghiên cứu, ban hành những chính sách, quy định đặc thù để áp dụng một phần hoặc toàn bộ Đề án trong phạm vi cụ thể, Đơn vị cụ thể, tổ chức rút kinh nghiệm và có giải pháp điều chỉnh kịp thời những nội dung còn hạn chế của Đề án.

9. Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của HĐQT Tổng công ty phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2016 CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY KHÁC
1	Bà Hồ Thị Oanh	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	
2	Bà Bùi Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	
3	Ông Triệu Văn Nghị	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm	Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm toán nội bộ Ngân hàng PVcomBank

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ TRIỂN KHAI

Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm 2015, các nội dung ĐHCĐ giao và kết quả thực tế triển khai thực hiện, Ban Kiểm soát đã thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng và phù hợp cho từng Thành viên, nhằm xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền phục vụ kịp thời SXKD của Tổng công ty. Các Thành viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng. Ban Kiểm soát đã thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban được quy định trong Điều lệ doanh nghiệp.

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam; căn cứ kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đã được ĐHCĐ thường niên năm 2015 thông qua; Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Giám sát tình hình chấp hành Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị Quyết của ĐHCĐ, HĐQT;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đối với PTSC;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Phương án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2014 - 2015;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm;

- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với Tổng công ty, các Đơn vị thành viên/trực thuộc; xem xét báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Tổng công ty và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty;

- Phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn;

- Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2015.

Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát PTSC được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, các Đơn vị thành viên, để giúp Tổng công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch SXKD và đã thẩm định báo cáo kết quả SXKD năm 2015 của Tổng công ty và thống nhất đánh giá, kết quả cụ thể như sau:

Tổng doanh thu hợp nhất thực hiện năm 2015 đạt 23.879 tỷ đồng (bao gồm doanh thu từ hoạt động SXKD chính: 23.357 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 378 tỷ, Doanh thu khác: 145 tỷ), đạt 88,4% kế hoạch năm, giảm 24,8% so với cùng kỳ năm 2014. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 2.015 tỷ đồng, đạt 155,0 % kế hoạch năm, giảm 13,4% so cùng kỳ năm 2014.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐẦU TƯ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN; TÁI CẤU TRÚC; QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Công tác quản lý, đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản

Trong năm 2015, Tổng công ty PTSC đã tổ chức quản lý và kiểm soát chặt chẽ công tác đầu tư, đảm bảo dự án đầu tư chỉ tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính, có hiệu quả đầu tư tốt và phương án thu xếp vốn khả thi, phục vụ công tác sản xuất kinh doanh, duy trì sự phát triển bền vững, ổn định và mở rộng thị trường. Toàn bộ các dự án đầu tư đều được tổ chức thực hiện đúng theo quy định hiện hành, giám sát chặt chẽ, đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư.

Công tác tái cấu trúc, quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác

Công tác đầu tư tài chính của PTSC được thực hiện nghiêm túc theo đúng các quy định hiện hành, tập trung vào những ngành nghề, hoạt động kinh doanh chính, không đầu tư dàn trải.

- Đầu tư thêm 38,4 tỷ đồng, tăng tổng vốn góp của Công ty Mẹ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình tính đến 31/12/2015 là 254 tỷ đồng, tương đương 51% vốn điều lệ tại Đơn vị.

- Thực hiện mua lại cổ phần của Công ty CP Cảng Tổng hợp - Dầu khí Sơn Trà 156,25 tỷ đồng. Chuyển đổi Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà thành Công ty TNHH Một Thành viên và sát nhập vào Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng.

- Thoái vốn tại một số Công ty theo phương án Tái cấu trúc được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt: Công ty Cổ phần kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam 23 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh Tài sản Việt Nam 10,3 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Phát triển nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam 2,8 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức 39 tỷ đồng.

Thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức năm 2014

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng thường niên số 345/NQ-DVKT-ĐHCĐ ngày 24/4/2015 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2014; với tỷ lệ chi trả 12% bằng tiền mặt. Công tác chi trả cổ tức năm 2014 được thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết của ĐHCĐ.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Tổng công ty trong năm tài chính 2015, kết thúc 31/12/2015 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2015 đã được thực hiện kiểm toán theo qui định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Tổng công ty.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2016 CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

• Báo cáo tài chính năm 2015 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.

• Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành; thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ theo đúng các quy định hiện hành.

• Các chỉ tiêu về lợi nhuận hợp nhất trước thuế, lợi nhuận hợp nhất sau thuế, tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế trên vốn điều lệ đều vượt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua, tuy nhiên chỉ tiêu về doanh thu chỉ đạt 87,9% kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua.

• Trong năm 2015, PTSC đã thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh: thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, phân phối lợi nhuận, chế độ

tài chính, chế độ kế toán theo quy định của pháp luật; mua bảo hiểm đầy đủ cho các tài sản thuộc sở hữu của PTSC theo quy định; trích lập đầy đủ các khoản dự phòng bao gồm dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp. Hệ số bảo toàn vốn năm 2015 của PTSC là 1,08 lần. Hệ số bảo toàn vốn > 1 cho thấy PTSC đã bảo toàn và phát triển được vốn.

• Các khoản nợ phải thu quá hạn đều đã được đơn vị trích lập dự phòng đầy đủ.

• Đơn vị không có nợ phải trả quá hạn. Việc thanh toán nợ phải trả được đảm bảo trên cơ sở cân đối dòng tiền.

• Tại thời điểm 31/12/2015, hệ số thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả) là 1,82 lần. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 1,62 lần. Hệ số thanh toán nhanh là 1,50. Các hệ số này thể hiện tình hình tài chính của PTSC lành mạnh, an toàn.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Năm 2015, tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam có nhiều biến động, khó khăn, bất ổn môi trường hội nhập quốc tế khiến cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng khốc liệt, các chính sách bảo hộ doanh nghiệp, bảo hộ nền kinh tế của một số quốc gia trong khu vực ngày càng mạnh mẽ; trong khi đó Việt Nam chưa có cơ chế rõ ràng hay đủ mạnh để bảo hộ doanh nghiệp trong nước, Luật Đấu thầu mới tạo thêm cho doanh nghiệp nhà nước nhiều khó khăn. Sự suy giảm của giá dầu thô làm suy giảm thị trường truyền thống của PTSC.

Các yếu tố trên, cùng với một số hạn chế về nguồn lực so với yêu cầu khiến cho Tổng công ty PTSC đã gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại trong hoạt động SXKD năm 2015. Tuy nhiên, với sự nỗ lực, quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV của PTSC; được sự quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện giúp đỡ của Chính Phủ, các Bộ ngành Trung ương, địa phương; sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PTSC đã vượt qua được các khó khăn, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao.

Công tác điều hành SXKD của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty trong năm 2015 đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT PTSC, các quy định pháp luật có liên quan.

Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp trực tiếp và 56 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 200 văn bản trong đó có 106 nghị quyết/quyết định và 94 văn bản khác để quản lý các hoạt động của Tổng công ty. HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của các Đơn vị thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Đơn vị.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm trong quản lý Tổng công ty, tích cực chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, các tổ chức Chính trị-Xã hội của Tổng công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.



Trong năm 2015, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Tổng công ty; chủ động nghiên cứu, thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn; tích cực mở rộng và gìn giữ thị trường, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, giảm giá thành và đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài; tổ chức

triển khai nhiều chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua, huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực, tối ưu hóa quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại vào quản lý, điều hành; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý giúp tiết giảm chi phí, tiết kiệm chi phí.

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2016

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo qui định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

• Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty;

• Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ, tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị Tổng công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

• Kiểm tra giám sát tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư của Tổng công ty;

• Thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; phối hợp với Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc quản lý phần vốn của Tập đoàn tại PTSC và phần vốn của PTSC đầu tư vào doanh nghiệp khác;

• Giám sát việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền;

• Giám sát việc thực hiện Phương án tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2016-2020;

• Giám sát việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm theo chỉ thị của Chính phủ và của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

• Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn, của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán.

• Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015 và phương hướng hoạt động chủ yếu của Ban Kiểm soát năm 2016.

THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2015



Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác cho từng thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý được công bố rõ ràng và cụ thể:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		(Đơn vị: đồng)
Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch	1.420.445.746
Phan Thanh Tùng	Thành viên/ Tổng Giám đốc	1.351.770.847
Nguyễn Văn Dân	Thành viên	992.046.450
Phạm Văn Dũng	Thành viên	984.086.450
Nguyễn Thanh Hương	Thành viên	981.108.450
Đoàn Minh Mẫn	Thành viên	60.000.000
Nguyễn Văn Mậu	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	1.131.796.450
BAN KIỂM SOÁT		
Hồ Thị Oanh	Trưởng Ban	899.490.151
Bùi Thu Hà	Thành viên	543.053.884
Triệu Văn Nghị	Thành viên	36.000.000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		
Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc	985.606.450
Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	992.896.450
Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	1.002.956.450
Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.084.796.450
Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc	701.664.851
Nguyễn Xuân Cường	Kế toán trưởng	945.322.151
TỔNG CỘNG		14.113.041.233

QUẢN TRỊ RỦI RO



RỦI RO VỀ CÔNG NGHỆ

Phần lớn các dịch vụ kinh doanh của PTSC là dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao, do vậy, các yêu cầu về đầu tư, đổi mới phương tiện, thiết bị để theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ là yếu tố then chốt đảm bảo khả năng cung cấp dịch vụ cũng như nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh của PTSC trên thị trường. Sự phát triển nhanh về công nghệ, đặc biệt là công nghệ mới thay thế công nghệ hiện tại với nhiều tính năng mới và khả năng khai thác vượt trội sẽ dẫn đến các phương tiện, thiết bị của PTSC nhanh chóng bị lạc hậu và giảm sút về năng lực cạnh tranh trên thị trường. Do đó, PTSC đã chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ, thay thế các phương tiện, thiết bị hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường dịch vụ kỹ thuật dầu khí công nghệ cao.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho PTSC. PTSC đã thực hiện chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi để đánh giá sự ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của rủi ro tín dụng đến khả năng tài chính của PTSC. Hiện tại, các khoản phải thu của PTSC đối với một lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau và hoạt động tại các địa phương khác nhau, tuy nhiên PTSC không có khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với khách hàng hoặc đối tác.

RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Biến động về tỷ giá có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của Tổng công ty. Rủi ro này được Tổng công ty quản trị bằng việc xin Giấy phép nhận thanh toán trực tiếp ngoại tệ của

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cân đối nguồn thu - chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các Khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho Nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

RỦI RO LÃI SUẤT

Việc biến động của lãi suất có ảnh hưởng nhất định đến kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty. Hiện tại, Tổng công ty có một số khoản vay dài hạn với lãi suất thả nổi được tính trên cơ sở lãi suất huy động của các tổ chức tín dụng và biên độ lãi suất cố định được thống nhất giữa Tổng công ty với các Tổ chức tín dụng. Do đó, một khi lãi suất huy động của Tổ chức tín dụng tăng sẽ dẫn đến lãi vay phải trả cho các khoản vay của Tổng công ty cũng tăng lên tương ứng và ngược lại. Tổng công ty đã quản trị rủi ro lãi suất bằng cách tiếp cận huy động vốn từ thị trường vốn quốc tế với chi phí vốn rẻ, thực hiện các nghiệp vụ phát sinh để cố định lãi suất, duy trì mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các dịch vụ của PTSC được cung cấp chủ yếu để phục vụ cho các dự án thăm dò, khai thác dầu khí trong và ngoài nước. Vì vậy, khi có bất kỳ sự biến động giảm hoặc không phát sinh thêm các dự án đầu tư phát triển mỏ cũng như kế hoạch thăm dò của các nhà thầu dầu khí sẽ có tác động lớn đến việc duy trì, tăng trưởng, phát triển thị phần của PTSC. Thực tế việc giá dầu thô giảm sâu và liên tục duy trì ở mức thấp từ cuối năm 2014 đã tác động rất lớn đến các hoạt động SXKD của PTSC. Tuy nhiên, nhờ vào chiến lược đẩy mạnh phát

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

triển thực hiện các dự án công trình công nghiệp trên bờ để bù đắp cho sự suy giảm các công trình dầu khí ngoài khơi từ những năm trước đây, đồng thời với việc chú trọng nâng cao nội lực, kịp thời đầu tư phương tiện, thiết bị hiện đại, ban hành và áp dụng Đề án năng lực, năng lực cạnh tranh nhằm quản lý hiệu quả, giảm giá thành, PTSC đã hạn chế ở mức cao nhất những khó khăn do biến động giảm nhu cầu dịch vụ dầu khí trên thị trường.

RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

Với việc sở hữu, quản lý đội tàu dịch vụ quy mô cùng với lượng phương tiện, máy móc thiết bị đa dạng và các dự án cơ khí đã và đang triển khai thì lượng tiêu hao nguyên nhiên, vật liệu để chế tạo, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hàng năm của PTSC là rất lớn. Bất kỳ sự biến động về giá nguyên nhiên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động SXKD của PTSC. PTSC đã quản trị rủi ro nguyên vật liệu thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về giá nguyên vật liệu.

RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH

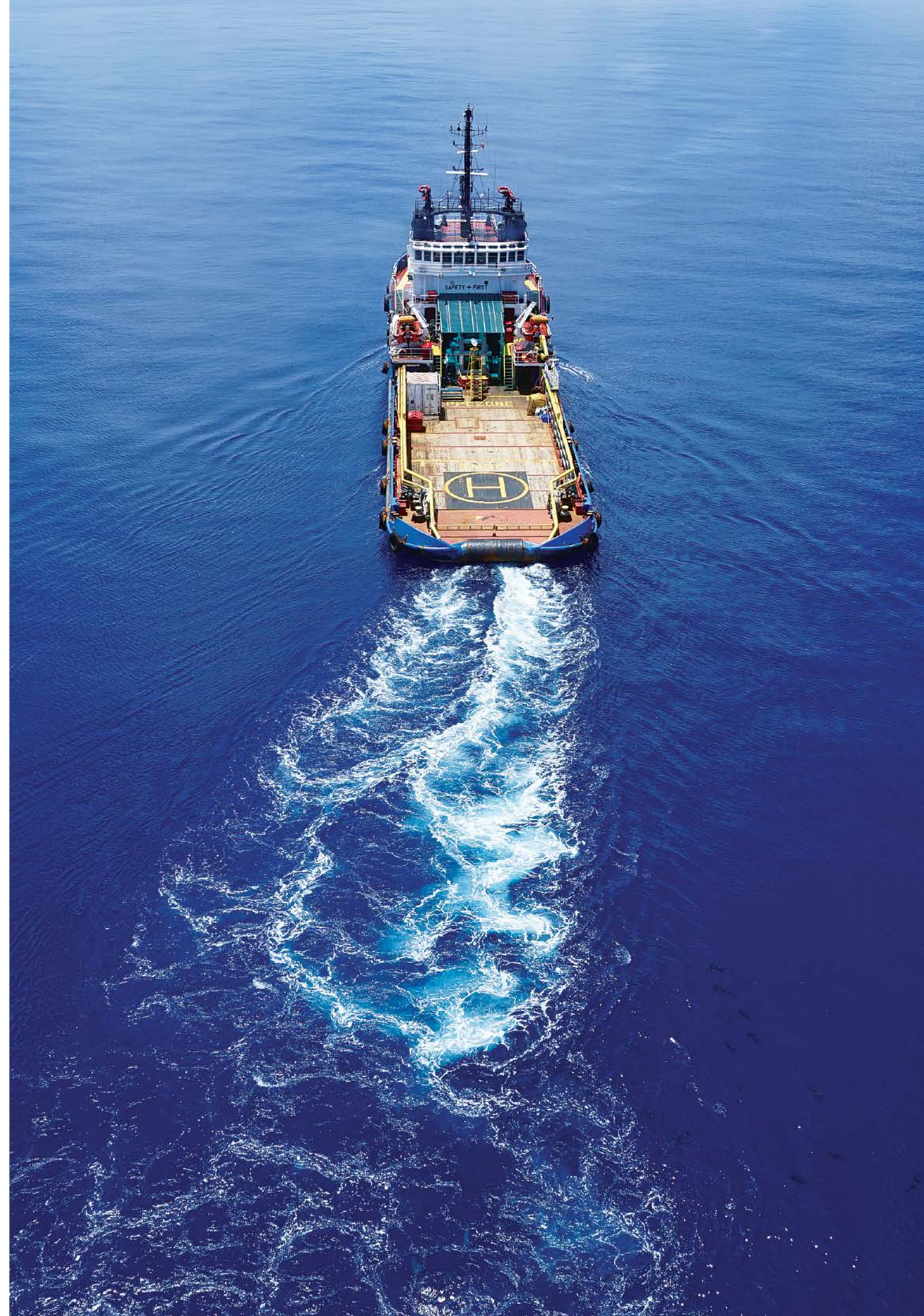
Trong thời gian gần đây, Việt Nam gia nhập sâu hơn vào những hiệp hội, tổ chức quốc tế, đàm phán và ký kết tham gia nhiều hiệp định quan trọng như WTO, AFTA, TPP và sắp tới là EVFTA. Bên cạnh đó, những thay đổi cụ thể về chính sách pháp luật cũng dẫn đến những điều chỉnh cần thiết và bắt buộc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Sự bảo hộ đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước cũng ngày càng giảm dần, các doanh nghiệp phải đối mặt với những thách thức mới khi phải cạnh tranh gắt gao với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có tiềm lực vượt trội về công nghệ và tài chính thâm nhập thị trường dịch vụ trong nước. Bên cạnh đó là sự cạnh tranh với chính các doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế khác, thậm chí cạnh tranh nội bộ ngành. Một số bất cập, tồn tại khác về chính sách thuế, các quy định về thủ tục chưa được tháo gỡ.

Đối phó với các rủi ro này, trong năm 2015, Tổng công ty đã chủ động cải tiến mạnh mẽ hệ thống các quy chế, quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ, cập nhật các nội dung đảm bảo phù hợp các

quy định của pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong quản lý, điều hành. Đồng thời, Tổng công ty cũng tham gia xây dựng pháp luật, chủ động đóng góp ý kiến đối với các văn bản pháp luật liên quan, dự kiến có tác động đến hoạt động của Tổng công ty ngay từ giai đoạn dự thảo. Đối với những khó khăn, bất cập khi áp dụng chính sách pháp luật, Tổng công ty chủ động kiến nghị lên Tập đoàn, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chính phủ và các cơ quan Bộ ngành liên quan khác như: kiến nghị về các cơ chế đặc thù ngành, cơ chế đối với sản phẩm dịch vụ thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn, chính sách thuế nhà thầu đối với hoạt động cung cấp dịch vụ dầu khí đặc thù; kiến nghị chính sách ưu tiên, phát triển dịch vụ trong nước, dịch vụ ngành, ưu tiên phát triển dịch vụ ra nước ngoài; kiến nghị thiết lập các tiêu chí, hàng rào kỹ thuật, bảo hộ hợp lý để tạo sự bảo hộ cho doanh nghiệp dịch vụ trong nước.

RỦI RO VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT

PTSC hoạt động sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực dịch vụ dầu khí với số lượng lớn người lao động bao gồm CBCNV của PTSC (gần 10.000 người) và cùng lúc quản lý nhiều nhà thầu phụ tham gia sản xuất đặc biệt tại các dự án; hơn nữa điều kiện môi trường lao động nguy hiểm, khắc nghiệt trên biển xa bờ và ngay cả trên bờ là các hoạt động công nghiệp nặng tiềm ẩn nhiều mối nguy mất an toàn. PTSC luôn luôn phải đối mặt với các rủi ro cao trong công tác quản lý an toàn sản xuất nhằm không để xảy ra các tai nạn lao động gây thương tật cho con người, sự cố gây thiệt hại về môi trường và phương tiện, công trình có giá trị tài sản lớn, nếu để xảy ra sẽ gây tổn thất nghiêm trọng về tài chính cũng như danh tiếng của doanh nghiệp. Vì vậy, PTSC đã liên tục không ngừng cải tiến, phát triển Hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng để kiểm soát rủi ro đến mức có thể chấp nhận được trong hoạt động sản xuất, quản lý dự án bằng hệ thống các quy định, quy trình, hướng dẫn sản xuất an toàn; quản lý, kiểm soát chặt chẽ tình trạng kỹ thuật an toàn của các phương tiện, trang thiết bị dụng cụ sản xuất; tổ chức lực lượng lao động các cấp có đủ năng lực và được đào tạo, huấn luyện thường xuyên nhằm phát triển nền văn hóa an toàn, lao động chuyên nghiệp đáp ứng được các yêu cầu an toàn nghiêm ngặt của ngành dầu khí.



CHỨNG KHOÁN PVS



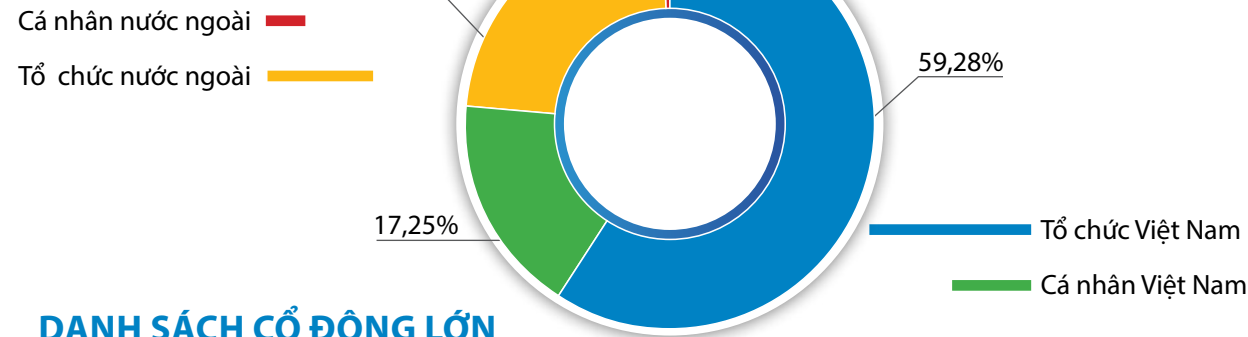
70 | Cổ đông

71 | Quan hệ cổ đông

72 | Cổ phiếu PVS

CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	CỔ ĐÔNG LỚN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	229.500.000	51,38%

(Dữ liệu ngày 23/3/2016)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ SỰ THAY ĐỔI CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TRONG KỲ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU HIỆN TẠI	CÁC GIAO DỊCH ĐÃ THỰC HIỆN TRONG KỲ		GHI CHÚ
				BÁN	MUA	
1	Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	357.233	-	-	
2	Phan Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/TGD	45.375	-	-	
3	Nguyễn Văn Dân	Thành viên HĐQT	6.956	-	-	
4	Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT	1.295	-	-	
5	Nguyễn Văn Mậu	Thành viên HĐQT/PTGD	40.000	-	-	
6	Hồ Thị Oanh	Trưởng Ban KS	87	-	-	
7	Triệu Văn Nghị	Thành viên BKS	172	-	-	
8	Nguyễn Tấn Hòa	Phó TGD	219	-	-	Nghỉ hưu từ ngày 01/3/2016
9	Nguyễn Trần Toàn	Phó TGD	3.546	-	-	
10	Lê Mạnh Cường	Phó TGD	51.799	-	-	
11	Nguyễn Hữu Hải	Phó TGD	51.069	-	-	
12	Đỗ Quốc Hoan	Phó TGD	10.680	-	-	
13	Nguyễn Xuân Cường	Kế toán trưởng	18	-	-	

(Dữ liệu ngày 23/3/2016)

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ CỦA TỔNG CÔNG TY

Trong năm 2015 không phát sinh giao dịch giữa Tổng công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



“TĂNG CƯỜNG ĐỐI THOẠI, MINH BẠCH THÔNG TIN, BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG”

“ Tăng cường đối thoại, đảm bảo minh bạch thông tin và bảo vệ tối đa quyền lợi của các cổ đông góp phần nâng cao uy tín thương hiệu là những mục tiêu quan trọng của công tác quan hệ cổ đông, nhà đầu tư mà PTSC luôn nỗ lực hướng tới trong nhiều năm qua.

Tăng cường đối thoại, đảm bảo minh bạch thông tin và bảo vệ tối đa quyền lợi của các cổ đông góp phần nâng cao uy tín thương hiệu là những mục tiêu quan trọng của công tác quan hệ cổ đông, nhà đầu tư mà PTSC luôn nỗ lực hướng tới trong nhiều năm qua.

Tăng cường đối thoại: Năm 2015, bên cạnh thông lệ tổ chức gặp gỡ các Nhà đầu tư nhằm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Tổng công ty hàng quý, PTSC đã hân hạnh được đón tiếp nhiều Nhà đầu tư quan tâm tìm hiểu thông tin tại trụ sở Tổng công ty và thăm các đơn vị. Ngoài ra, PTSC thường xuyên giải đáp các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của các cổ đông, cung cấp thông tin đầy đủ, đúng quy định về tình hình SXKD của Tổng công ty qua email, điện thoại...

Minh bạch thông tin: Nhằm đảm bảo các thông tin công bố đến cổ đông được minh bạch và kịp thời, PTSC đã tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin như: sử dụng hệ thống công bố thông tin qua CIMS của Sở giao dịch chứng

khoán; đăng tải, cập nhật các thông tin công bố trên trang website của PTSC, đồng thời áp dụng nhiều hình thức công bố khác như đăng báo, tạp chí (đối với Báo cáo tài chính, thư mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo phát hành cổ phiếu,...) và dịch vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - Ezsearch.

Bảo vệ quyền lợi cổ đông: Nhằm đảm bảo tất cả các cổ đông được hưởng đầy đủ các quyền của mình theo quy định như: quyền tham dự và biểu quyết tại đại hội, quyền nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, quyền tiếp cận thông tin..., bộ phận quan hệ cổ đông của PTSC luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, đáp ứng các điều kiện tốt nhất, xử lý linh hoạt và nhanh chóng tất cả các yêu cầu từ cổ đông về việc thực hiện quyền cổ đông.

Năm 2015, bộ phận quan hệ cổ đông của PTSC đã hỗ trợ các cổ đông trong việc thanh toán cổ tức cho cổ đông chưa lưu ký, điều chỉnh thông tin cổ đông, cấp lại giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, lưu ký cổ phiếu.

CÁC SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG TRONG KỲ

STT	NGÀY	SỰ KIỆN
1	19/3/2015	Chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2015
2	24/4/2015	Tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2015
3	31/7/2015	Chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2015 bằng Tiền (12%)
4	23/3/2016	Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHCĐ thường niên 2016

PVS - THÔNG TIN CƠ BẢN

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	446.700.421
Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết	446.700.421
Cổ phiếu quỹ:	0
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	7,459.89
Room NN còn lại (%)	25.0 (%)
EPS cơ bản (nghìn đồng)	3.089
EPS pha loãng (nghìn đồng)	3.40
P/E	4.97
Giá trị sổ sách /cp (nghìn đồng)	26.52
Giá giao dịch cao nhất trong năm 2015 (nghìn đồng)	30.20
Giá giao dịch thấp nhất trong năm 2015 (nghìn đồng)	15.50

(Dữ liệu tại ngày 9/4/2016)

LỊCH SỬ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA PTSC

NĂM	TỶ LỆ CHI TRẢ	SỐ LƯỢNG PHÁT HÀNH (cổ phần)	VỐN ĐIỀU LỆ (đồng)
2006	Chào bán lần đầu ra công chúng (IPO)	100.000.000	1.000.000.000.000
2008	Phát hành cho cổ đông hiện hữu.	73.803.431	1.738.034.310.000
2009	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	25.000.000	1.988.034.310.000
2010	Phát hành cho cổ đông hiện hữu.	98.998.663	2.978.020.940.000
2012	Phát hành cho cổ đông hiện hữu.	148.898.327	4.467.004.210.000

(Dữ liệu tại ngày 9/4/2016)

LỊCH SỬ TRẢ CỔ TỨC

NĂM	TỶ LỆ CHI TRẢ	NGÀY CHỐT DANH SÁCH
2007	14%	Ngày 14/03/2008
2008 (đợt 1)	10%	Ngày 20/11/2008
2008 (đợt 2)	5%	Ngày 25/6/2009
2009	20%	Ngày 12/5/2010
2010	15%	Ngày 13/12/2010
2011	20%	Ngày 25/5/2012
2012 (đợt 1)	10%	Ngày 17/1/2013
2012 (đợt 2)	5%	Ngày 5/9/2013
2013	12%	Ngày 28/7/2014
2014	12%	Ngày 31/7/2015
2015	12% (dự kiến)	Chưa xác định

PVS VỮNG VÀNG TRƯỚC THỬ THÁCH



“Đây đã là đáy?” Là câu hỏi quen thuộc nhất của năm 2015, một năm đáng quên đối với các nhà đầu tư sở hữu chứng khoán các Công ty Dầu khí.

Tiếp tục xu hướng giảm mạnh, giá dầu trong năm 2015 đã chạm đáy trong 10 năm gần nhất và không nhiều thông tin tốt mang tính hỗ trợ đã kéo giá chứng khoán nhóm các công ty dầu khí lao dốc. Mặc dù trong năm đã có một vài thời điểm hồi phục mang tính kỹ thuật, tuy nhiên kết thúc phiên giao dịch của năm 2015, giá cổ phiếu nhóm dầu khí vẫn giảm gần 40% so với đầu năm.

Không nằm ngoài xu hướng chung của nhóm cổ phiếu dầu khí, PVS vốn có thương hiệu và bám trụ thành công trước nhiều cơn bão giảm giá trong các năm qua cũng đã mất đi 37% giá trị so với phiên giao dịch đầu năm 2015. Sự giảm sút về giá cổ phiếu PVS phản ánh tâm lý tiêu cực của nhà đầu tư trước bối cảnh giá dầu thô tiếp tục giảm và chưa có dấu hiệu ổn định. Nhà đầu tư quan tâm PVS thể hiện sự lúng túng và dường như bị kẹt giữa hai dòng thông tin: đó là dòng hỗ trợ của chỉ số tài chính, kinh doanh của PVS qua mỗi kỳ công bố Báo cáo tài chính và dòng còn lại - tin tức về giá dầu thô lao dốc khi phiên giao dịch mở cửa hàng ngày. Các chỉ số P/E, PB của PVS diễn biến trong năm kích thích dòng tiền “bắt đáy” ngày một tăng. Tuy nhiên, kết thúc năm 2015, đà giảm của PVS vẫn chưa dừng lại. Vì vậy, “đâu là đáy?” vẫn chưa có câu trả lời.

Có một điều chắc chắn rằng, với diễn biến và tương lai của giá dầu thô theo các phân tích hiện nay, những nhà đầu tư mới với xu hướng nắm giữ lâu dài đang xuất hiện ngày càng nhiều.

Chứng khoán toàn cầu đã bắt đầu năm 2016 bằng diễn biến của thị trường “hình con gấu” tại nhiều nền kinh tế lớn. Việt Nam, thị trường mới nổi, chịu nhiều sức ép khi các lợi thế so sánh bị giảm sút bởi các yếu tố: chính sách tiền tệ, sản xuất ảm đạm, đặc biệt giá các hàng hóa cơ bản, trong đó có dầu thô chưa có dấu hiệu phục hồi trở lại trong ngắn hạn.

Trong bức tranh nhiều màu sắc đó, PVS đang thu hút giới đầu tư ở vùng đáy của 5 năm gần nhất. Hình dạng biểu đồ giá chứng khoán nhóm Oil & Gas đang như bản sao của biểu đồ giao dịch dầu thô. Mặc dù vậy, tính thanh khoản của PVS vẫn duy trì ổn định và những nhà đầu tư kiên trì tích lũy chắc chắn có lý do của họ.

Là nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp hàng đầu của Việt Nam và khu vực, với nền tảng cơ bản nội tại ổn định, PVS đang tích cực nâng cao năng lực cạnh tranh; tìm kiếm, đa dạng hóa khách hàng, mở rộng thị trường; áp dụng các biện pháp cắt giảm chi phí và tối ưu hóa các nguồn lực hiện có như là những giải pháp căn bản để giảm thiểu ảnh hưởng và vượt qua cơn bão giá dầu.

Năm 2016 có thể là năm mở đầu một giai đoạn mới, rất khó khăn nhưng không ít cơ hội, với đặc thù riêng của mình, PVS hẳn là mã cổ phiếu dành cho những nhà đầu tư bản lĩnh và chuyên nghiệp.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mậu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) được lập ngày 21 tháng 3 năm 2016, từ trang 5 đến trang 63, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến các điều chỉnh liên quan đến việc trình bày lại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được đề cập tại Thuyết minh số 4 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Theo ý kiến của chúng tôi, việc trình bày này là phù hợp và đã được phản ánh đầy đủ.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1867-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.006.011.595.166	16.930.157.471.293
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	7.996.669.754.080	8.194.248.685.277
1. Tiền	111		3.982.903.553.183	4.271.825.574.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.013.766.200.897	3.922.423.110.330
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		570.070.000.000	4.110.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	570.070.000.000	4.110.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.725.328.822.123	7.870.722.910.686
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	4.229.681.576.031	5.853.568.751.986
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		475.565.519.498	199.453.519.993
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		4.765.479.848	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	28.757.555.368	36.515.902.584
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.142.556.125.176	1.821.729.296.365
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(155.997.433.798)	(40.544.560.242)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.190.080.622.597	587.657.841.570
1. Hàng tồn kho	141		1.195.777.537.746	592.316.102.390
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.696.915.149)	(4.658.260.820)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		523.862.396.366	273.418.033.760
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	23.353.448.130	48.859.148.465
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		460.395.529.830	173.928.156.852
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	40.113.418.406	50.630.728.443
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.431.041.391.728	9.753.500.396.614
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		76.639.707.725	61.517.311.592
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		56.227.502.258	9.147.069.540
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	-	27.386.928.007
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	20.412.205.467	24.983.314.045
II. Tài sản cố định	220		4.727.816.332.623	4.628.104.831.473
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.701.785.351.363	4.601.222.404.035
- Nguyên giá	222		11.653.416.894.534	10.674.309.633.119
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.951.631.543.171)	(6.073.087.229.084)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	26.030.981.260	26.882.427.438
- Nguyên giá	228		71.167.554.725	60.166.827.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.136.573.465)	(33.284.400.007)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	202.277.135.763	-
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.003.650.691)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	16	424.420.945.500	429.563.309.799
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		369.678.895.035	338.243.865.136
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		54.742.050.465	91.319.444.663
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.203.786.295.223	3.981.739.820.822
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	18	4.166.493.636.903	3.886.533.596.834
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	61.030.000.000	133.783.043.710
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(23.737.341.680)	(38.576.819.722)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		796.100.974.894	652.575.122.928
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	746.045.339.983	652.523.086.884
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		50.055.634.911	52.036.044
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.437.052.986.894	26.683.657.867.907

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.562.178.949.277	15.728.723.327.457
I. Nợ ngắn hạn	310		9.872.435.220.921	11.506.376.906.451
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	4.355.312.301.426	5.111.786.817.079
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		987.427.659.341	1.060.268.509.195
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	175.425.464.475	424.856.260.805
4. Phải trả người lao động	314		443.398.334.923	424.254.456.352
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	1.779.598.558.385	2.291.794.091.814
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		20.520.328.878	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		11.613.862.192	14.952.901.201
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	1.038.096.538.745	1.170.292.053.321
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	684.347.404.258	751.764.086.591
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		83.201.867.977	37.171.638.955
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		293.492.900.321	219.236.091.138
II. Nợ dài hạn	330		4.689.743.728.356	4.222.346.421.006
1. Phải trả người bán dài hạn	331	20	66.267.935.109	132.535.870.219
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		1.226.805.535.537	1.029.858.268.584
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		221.204.931.276	2.242.606.886
4. Phải trả dài hạn khác	337	23	203.242.385	636.932.135
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	1.563.412.865.200	1.827.999.608.092
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	26	282.883.021.027	107.157.361.894
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	1.280.954.820.004	1.092.112.627.098
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		48.011.377.818	29.803.146.098
D. NGUỒN VỐN	400		11.874.874.037.617	10.954.934.540.450
I. Vốn chủ sở hữu	410	28	11.874.874.037.617	10.954.934.540.450
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.545.660.000	39.545.660.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.418.539.906.053	1.847.210.152.285
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.326.188.546.305	3.159.343.755.210
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.831.264.703.174	1.180.547.013.915
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.494.923.843.131	1.978.796.741.295
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	30	1.623.595.715.259	1.441.830.762.955
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		26.437.052.986.894	26.683.657.867.907

Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng

Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	
			2015	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	23.356.897.865.989	31.704.046.085.934
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	32	23.356.897.865.989	31.704.046.085.934
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	21.181.966.606.269	29.109.644.578.512
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.174.931.259.720	2.594.401.507.422
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	377.947.935.838	218.211.425.598
6. Chi phí tài chính	22	36	378.085.339.930	193.415.402.193
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		70.937.160.828	95.491.794.579
7. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	37	753.186.652.840	543.824.853.736
8. Chi phí bán hàng	25	38	98.571.639.097	116.107.066.644
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	896.467.983.169	708.908.058.045
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		1.932.940.886.202	2.338.007.259.874
11. Thu nhập khác	31	39	144.558.270.036	226.676.721.808
12. Chi phí khác	32	40	62.419.150.229	20.694.364.339
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		82.139.119.807	205.982.357.469
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		2.015.080.006.009	2.543.989.617.343
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	41	350.424.712.724	451.143.350.776
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	171.116.435.819	101.655.443.589
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		1.493.538.857.466	1.991.190.822.978
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.517.394.760.704	1.974.763.911.955
19. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	30	(23.855.903.238)	16.426.911.023
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	3.089	3.927

Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng

Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2014	
		31/12/2015	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.015.080.006.009	2.543.989.617.343
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	904.020.669.964	982.740.876.328
Các khoản dự phòng	03	336.524.471.771	(3.588.290.854)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	45.086.595.470	19.124.728.474
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(947.048.021.972)	(697.972.818.277)
Chi phí lãi vay	06	70.937.160.828	95.491.794.579
Các khoản điều chỉnh khác	07	18.208.231.720	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.442.809.113.790	2.939.785.907.593
Thay đổi các khoản phải thu	09	2.428.839.727.683	(301.892.191.003)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(677.968.559.417)	(211.537.729.382)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.999.111.919.808)	2.170.024.140.768
Thay đổi chi phí trả trước	12	(67.638.283.727)	(59.552.492.743)
Tiền lãi vay đã trả	14	(76.563.627.232)	(102.733.432.479)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(442.942.805.801)	(509.399.228.960)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.546.411.696	16.293.404.013
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(185.478.789.954)	(179.574.281.572)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.427.491.267.230	3.761.414.096.235
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(772.995.240.381)	(269.873.037.894)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	5.598.152.126	9.237.911.657
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(867.070.000.000)	(4.110.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	793.484.145.852	36.197.370.505
5. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	(38.412.998.000)	(36.571.200.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	47.524.303.246	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	158.688.237.098	140.878.011.344
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(673.183.400.059)	(124.240.944.388)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2014	
		31/12/2015	(Trình bày lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	358.910.191.041	28.594.428.783
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(786.478.291.675)	(774.463.151.130)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(578.772.068.210)	(573.205.286.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.006.340.168.844)	(1.319.074.008.682)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(252.032.301.673)	2.318.099.143.165
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	8.194.248.685.277	5.856.522.432.948
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	54.453.370.476	19.627.109.164
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	7.996.669.754.080	8.194.248.685.277

Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng

Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là "Tổng công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 số 0100150577 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Tổng công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn") là cổ đông chính và là công ty mẹ của Tổng công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.655 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 9.004 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ dầu khí; Quản lý, kinh doanh, Khai thác các tàu dịch vụ dầu khí; Dịch vụ căn cứ Cảng; Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa; Quản lý kinh doanh và Khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu (FPSO); Quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; Chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; Dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát bằng thiết bị ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, Khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; Sản xuất, cung cấp vật tư thiết bị dầu khí; Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình Khai thác dầu khí; Kinh doanh khách sạn, nhà ở, văn phòng làm việc và dịch vụ sinh hoạt dầu khí; Kinh doanh các sản phẩm dầu khí; Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; sản xuất mua bán các sản phẩm dầu khí, phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm)...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam có 7 Chi nhánh trực thuộc, 12 Công ty con và 6 Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Chi nhánh:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát Công trình ngầm PTSC
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
- Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV
- Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Sao Mai – Bến Đình

Công ty liên doanh, liên kết:

- Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12
- Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Limited
- Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Terminal Limited
- Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte. Limited
- Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte. Limited
- Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày lại để thực hiện các điều chỉnh theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 02 năm 2016. Những thay đổi trong một số khoản mục của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong bảng sau:

Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014		
		Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại theo KTNV VND	Thay đổi thuần (tăng)/giảm VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
I. Tài sản				
1. Phải thu khách hàng	131	5.646.895.381.826	5.853.568.751.986	206.673.370.160
2. Các khoản phải thu khác	135	1.719.315.800.084	1.726.184.077.282	6.868.277.198
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(41.278.386.517)	(40.544.560.242)	733.826.275
4. Hàng tồn kho	141	903.248.770.304	930.612.003.570	27.363.233.266
5. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	46.904.669.115	48.859.148.465	1.954.479.350
6. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	174.003.277.948	173.928.156.852	(75.121.096)
7. Tài sản cố định vô hình	227	25.601.411.271	26.882.427.438	1.281.016.167
- Nguyên giá	228	58.824.135.445	60.166.827.445	1.342.692.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(33.222.724.174)	(33.284.400.007)	(61.675.833)
8. Chi phí trả trước dài hạn	261	652.105.153.551	652.523.086.884	417.933.333
II. Nguồn vốn				
1. Phải trả người bán	312	5.118.264.822.271	5.111.786.817.079	(6.478.005.192)
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	352.909.921.821	424.856.260.805	71.946.338.984
3. Chi phí phải trả	316	2.257.413.411.257	2.328.965.730.769	71.552.319.512
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.173.182.888.149	1.170.292.053.321	(2.890.834.828)
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337	1.148.486.853.990	1.092.112.627.098	(56.374.226.892)
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420	2.998.016.072.265	3.159.343.755.210	161.327.682.945
7. Lợi ích cổ đông thiểu số	439	1.435.697.022.831	1.441.830.762.955	6.133.740.124

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Mã số	2014		
		Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại theo KINN	Thay đổi thuần (tăng)/giảm
			VND	VND
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31.516.161.203.972	31.704.046.085.934	187.884.881.962
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29.070.471.588.799	29.109.644.578.512	39.172.989.713
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	710.659.081.658	708.908.058.045	(1.751.023.613)
4. Thu nhập khác	31	160.933.654.896	226.676.721.808	65.743.066.912
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	402.398.791.071	451.143.350.776	48.744.559.705
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.060	3.927	(133)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT				
Lợi nhuận trước thuế	01	2.327.783.634.569	2.543.989.617.343	216.205.982.774
Khấu hao tài sản cố định	02	982.679.200.495	982.740.876.328	61.675.833
Các khoản dự phòng	03	16.348.123.358	(3.588.290.854)	(19.936.414.212)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(88.425.664.741)	(301.892.191.003)	(213.466.526.262)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(184.174.496.116)	(211.537.729.382)	(27.363.233.266)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.583.132.549.994	2.170.024.140.768	586.891.590.774
Thay đổi chi phí trả trước	12	(57.180.080.060)	(59.552.492.743)	(2.372.412.683)
Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(268.530.345.894)	(269.873.037.894)	(1.342.692.000)

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty mẹ lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn liên doanh được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh sau ngày góp vốn vào công ty liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải thu về cho vay, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản khác	4 - 14

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các loại phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành thì không tính khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chi phí thiết bị sửa chữa, giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn theo Thông tư số 45 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian sử dụng của lô đất.

Tiền thuê văn phòng trả trước liên quan đến việc thuê văn phòng Tổng công ty tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn với thời hạn 50 năm bắt đầu từ tháng 10 năm 2010. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các chi phí trả trước khác bao gồm các công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi (từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng tài sản cố định cho năm tài chính trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong năm. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	10.845.491.662	5.851.935.643
Tiền gửi ngân hàng	3.965.301.277.854	4.265.737.696.117
Tiền đang chuyển	6.756.783.667	235.943.187
Các khoản tương đương tiền	4.013.766.200.897	3.922.423.110.330
	<u>7.996.669.754.080</u>	<u>8.194.248.685.277</u>

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 4%/năm đến 5,3%/năm.

7. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất được hưởng từ 5,3% đến 6,6%/năm.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	(Trình bày lại) <u>VND</u>
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	610.194.370.810	1.228.246.991.813
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	483.710.619.276	442.519.421.436
Phải thu khách hàng khác	3.135.776.585.945	4.182.802.338.737
	<u>4.229.681.576.031</u>	<u>5.853.568.751.986</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		31/12/2014 (Trình bày lại)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 (i)	12.575.464.419	-	587.655.082.100	-
Tổ hợp nhà thầu JGCS (ii)	160.751.821.743	-	99.000.802.393	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (iii)	230.819.875.570	-	230.819.875.570	-
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (iv)	124.740.417.492	-	124.740.417.492	-
Văn Phòng Điều Hành Idemitsu Kosan Co., Ltd tại TP. HCM (Lô 39&40/02) (v)	179.567.269.713	-	-	-
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	90.847.767.158	-	52.345.374.030	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (vi)	77.003.500.000	-	1.000.584.000	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	67.529.647.074	-	66.692.831.979	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) (vii)	40.811.003.545	-	16.850.156.471	-
Văn Phòng Điều Hành Eni Việt Nam B.V. Tại TP.Hồ Chí Minh	13.900.487.576	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	14.265.945.718	-	5.536.232.124	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	12.624.211.512	-	2.322.297.651	-
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (viii)	5.925.839.415	-	1.730.764.700	-
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	14.151.516.545	-	5.013.338.694	-
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd	7.033.848.822	-	11.691.853.169	-
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	5.618.032.041	-	8.456.605.641	-
Ký cược, ký quỹ	23.557.303.823	-	35.870.747.107	-
Talisman Malaysia Limited	20.293.373.860	-	56.924.499.844	-
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd	-	-	89.385.784.972	-
Văn phòng điều hành tại TP.HCM - Pearl Oil (Tephrite) Limited	-	-	171.155.857.061	-
Công ty SK Engineering & Construction Co., Ltd	-	-	28.743.632.143	-
Văn phòng điều hành Murphy Nha Trang Oil Co., Ltd	-	-	10.298.289.965	-
Phải thu thuế nộp hộ khách hàng	-	-	17.304.895.757	-
Văn phòng điều hành Công ty TNHH Origin Energy (Song Hong) - Lô 121	-	-	9.540.977.852	-
TL Offshore Sdn Bhd	-	-	9.990.954.859	-
Phải thu khác	40.538.799.150	-	178.657.440.791	-
	1.142.556.125.176	-	1.821.729.296.365	-
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (viii)	11.516.550.273	-	11.516.550.273	-
Ký cược, ký quỹ	3.131.717.694	-	5.146.882.778	-
Phải thu khác	5.763.937.500	-	8.319.880.994	-
	20.412.205.467	-	24.983.314.045	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (i) Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản phải thu từ doanh thu trích trước theo tiến độ hoàn thành mốc 8 của hợp đồng EPC – Các hạng mục công trình phục vụ cho thi công giai đoạn 1 cho Nhà máy Nhiệt điện Long Phú.
- (ii) Khoản phải thu ngắn hạn Tổ hợp nhà thầu JGCS là khoản phải thu trích trước doanh thu dịch vụ thực hiện các gói thầu UGPX, Tank 04, SFF2 thuộc dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- (iii) Phải thu ngắn hạn khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Tổng công ty nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn") theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Tổng công ty. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (iv) Phải thu ngắn hạn khác từ Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất là khoản phải thu về việc chuyển nhượng 15 triệu cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (trước đây là Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC). Khoản phải thu này có thể được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (v) Phải thu ngắn hạn khác từ Văn Phòng Điều Hành Idemitsu Kosan Co., Ltd tại Thành Phố Hồ Chí Minh là những khoản trích trước doanh thu cho dự án Idemitsu tàu AMA tháng 12 năm 2015.
- (vi) Khoản phải thu ngắn hạn Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited chủ yếu là khoản phải thu về cổ tức được chia của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo thông báo của Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited.
- (vii) Phải thu ngắn hạn khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty TNHH Một Thành Viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước là những khoản trích trước doanh thu của dịch vụ khảo sát địa chấn 2D/3D đã thực hiện trong quý 4 năm 2015.
- (viii) Phải thu dài hạn khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn Thông là khoản phải thu mà Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC đã chi hộ liên quan đến dự án Bio Ethanol từ năm 2011.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	25.661.984.631	-	3.034.660.599	-
Nguyên liệu, vật liệu	75.506.120.923	(5.696.915.149)	147.919.120.379	(4.658.260.820)
Công cụ, dụng cụ	43.569.400.889	-	16.863.138.359	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	1.046.524.633.778	-	418.694.604.070	-
Hàng hóa	4.515.397.525	-	5.804.578.983	-
	1.195.777.537.746	(5.696.915.149)	592.316.102.390	(4.658.260.820)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2015		31/12/2014 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Sư Tử Trắng Full Field	535.463.865.959	535.463.865.959	-	-
Dự án Maharaja Lela South (MLS)	143.146.645.256	143.146.645.256	142.716.040.090	142.716.040.090
Dự án PVN Tie-lines	86.967.265.455	86.967.265.455	-	-
Dự án Khí Thấp áp PTSC-PVGas	64.164.153.447	64.164.153.447	-	-
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Gói Jetty	43.686.567.588	43.686.567.588	196.457.882	196.457.882
Dự án Chế tạo cầu kiện cho Sapura	21.761.976.344	21.761.976.344	-	-
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn -Gói SMP9	37.493.934.879	37.493.934.879	11.136.658.756	11.136.658.756
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Kết cấu thép SSF2	22.828.786.197	22.828.786.197	21.513.176	21.513.176
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Gói Tank	9.698.679.483	9.698.679.483	197.806.306	197.806.306
Dự án Thái Bình Hàm Rồng	1.193.226.209	1.193.226.209	134.366.618.652	134.366.618.652
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	518.115.454	518.115.454	209.988.731	209.988.731
Dự án Ruby A Gaslift	-	-	10.744.625.541	10.744.625.541
Dịch vụ sửa chữa thay thế xích neo cho Mô Đại Hùng	-	-	13.317.849.342	13.317.849.342
Dự án nạo vét Cảng Nghi Sơn	-	-	15.984.472.469	15.984.472.469
Khác	79.601.417.507	79.601.417.507	89.802.573.125	89.802.573.125
	1.046.524.633.778	1.046.524.633.778	418.694.604.070	418.694.604.070

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 5.696.915.149 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.658.260.820 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thiết bị tàu Bình Minh 02 và CGG Amadues	4.789.313.798	10.853.590.063
Chi phí bảo hiểm tàu FPSO Ruby II	4.568.862.973	4.523.678.761
Chi phí di chuyển tàu	-	14.929.137.921
Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ	6.424.673.304	-
Chi phí sửa chữa tàu PTSC	-	2.114.225.372
Chi phí trả trước về tiền bảo hiểm	2.105.904.819	-
Chi phí trả trước khác	5.464.693.236	16.438.516.348
	23.353.448.130	48.859.148.465
b) Dài hạn		
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn (i)	308.895.368.087	313.390.953.975
Thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ (ii)	120.762.280.007	124.616.395.331
Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGG Amadeus, Bình Minh 02 (iii)	112.252.844.716	123.310.141.986
Chi phí sửa chữa tàu PTSC Researcher 106	9.916.260.348	13.882.764.492
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà	105.042.820.015	-
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng khác chờ phân bổ	40.327.860.499	-
Chi phí trước hoạt động tàu FPSO Lam Sơn	24.914.233.081	42.536.101.769
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.471.403.674	642.441.361
Chi phí sửa chữa tàu Bình Minh 02	-	6.436.940.821
Chi phí trang thiết bị, dụng cụ nội thất văn phòng mới	-	7.087.084.058
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	17.462.269.556	20.620.263.091
	746.045.339.983	652.523.086.884

- (i) Khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn thuê 50 năm. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.
- (ii) Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã thực hiện thuê 138.269 m² đất tại Khu kinh tế Đình Vũ - Hải Phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Cảng phục vụ Khu Công nghiệp. Thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Giá trị quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ tháng 7 năm 2008 đến hết thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- (iii) Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGG Amadues, Bình Minh 02 thể hiện các khoản chi phí sửa chữa, bảo trì các thiết bị trên tàu CGG Amadues và Bình Minh 02. Chi phí thiết bị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Khoản thu về cho vay thể hiện khoản cho vay Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR cộng biên độ cố định và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của Hợp đồng số 235-2006/PTSC-TCKT/MDV ngày 22 tháng 11 năm 2006 với Công ty Liên doanh Rông Đồi MV Pte, Ltd., đây là khoản vay tín chấp và không có bảo đảm. Mục đích của khoản cho vay này nhằm cung cấp vốn đóng mới tàu "Rông Đồi MV12" (FSO).

Chi tiết khoản phải thu về cho vay được trình bày như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	1.280.960	28.757.555.368	1.707.947	36.515.902.584
	1.280.960	28.757.555.368	1.707.947	36.515.902.584
b) Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	-	-	1.280.960	27.386.928.007
	-	-	1.280.960	27.386.928.007
	1.280.960	28.757.555.368	2.988.907	63.902.830.591

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUỒN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2015	3.022.134.219.158	1.437.721.867.883	6.100.884.724.229	108.773.059.516	4.795.762.333	10.674.309.633.119					
Mua sắm trong năm	289.288.859	181.821.010.552	424.142.137.396	19.109.228.047	675.274.785	626.036.939.639					
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	95.624.836.766	10.404.624.314	-	397.592.636	5.773.303.410	112.200.357.126					
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	197.674.815.458	4.264.795.716	44.166.502.528	619.425.099	21.044.746.737	267.770.285.538					
Tăng khác	3.376.504.403	21.599.003.778	-	-	-	24.975.508.181					
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.558.237.530)	(23.726.185.201)	(2.954.296.266)	-	(28.238.718.997)					
Giảm khác	-	-	(23.525.910.072)	(111.200.000)	-	(23.637.110.072)					
Tại ngày 31/12/2015	3.319.099.664.644	1.654.253.064.713	6.521.941.268.880	125.833.809.032	32.289.087.265	11.653.416.894.534					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Tại ngày 01/01/2015	1.514.072.476.794	726.352.188.261	3.753.051.784.162	77.938.794.859	1.671.985.008	6.073.087.229.084					
Trích khấu hao trong năm	173.353.563.564	192.286.435.012	503.786.373.006	18.407.250.223	1.996.355.672	889.829.977.477					
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	4.777.780.542	1.069.892.995	8.084.334.218	465.319.477	9.277.703.836	23.675.031.068					
Tăng khác	-	18.561.048.175	-	-	-	18.561.048.175					
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.889.927.258)	(24.813.385.201)	(2.996.796.266)	-	(29.700.108.725)					
Giảm khác	(3.004.607.428)	-	(20.748.326.480)	(68.700.000)	-	(23.821.633.908)					
Tại ngày 31/12/2015	1.689.199.213.472	936.379.637.185	4.219.360.779.705	93.745.868.293	12.946.044.516	6.951.631.543.171					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày 31/12/2015	1.629.900.451.172	717.873.427.528	2.302.580.489.175	32.087.940.739	19.343.042.749	4.701.785.351.363					
Tại ngày 31/12/2014	1.508.061.742.364	711.369.679.622	2.347.832.940.067	30.834.264.657	3.123.777.325	4.601.222.404.035					

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Tổng công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.368.643 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.118.965 triệu đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.942.914 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.066.522 triệu đồng).

Trong năm, Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV đã thay đổi thời gian tính khấu hao tài sản cố định của tàu Bình Minh 02 từ 07 năm lên 10 năm và tàu CGG Amadeus từ 10 năm lên 15 năm. Theo đó, nếu áp dụng tỷ lệ khấu hao năm trước, chi phí khấu hao và lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty trong năm 2015 sẽ tăng/giảm tương ứng với số tiền là 79.787.521.068 đồng.

Tài sản tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu thể hiện tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Cảng Tổng hợp – Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà khi thực hiện sát nhập vào Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng theo Nghị quyết số 906/NQ-DVKT-HĐQT của Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành ngày 15 tháng 12 năm 2015. Ngoài ra, tài sản tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu còn thể hiện tài sản cố định của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo Nghị quyết số 53/NQ-DVKT-HĐQT ngày 27 tháng 01 năm 2015 về thực hiện tái cấu trúc của Tổng công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình chính thức trở thành công ty con của Tổng công ty kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2015.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)	1.310.220.000	58.824.607.445	32.000.000	60.166.827.445
Mua trong năm	-	8.680.371.600	916.862.800	9.597.234.400
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	-	53.372.880	-	53.372.880
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.654.730.000	-	1.654.730.000
Giảm khác	-	(304.610.000)	-	(304.610.000)
Tại ngày 31/12/2015	1.310.220.000	68.908.471.925	948.862.800	71.167.554.725
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)	-	33.258.329.928	26.070.079	33.284.400.007
Khấu hao trong năm	-	11.235.126.710	587.929.849	11.823.056.559
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	-	53.372.880	-	53.372.880
Giảm khác	-	-	(24.255.981)	(24.255.981)
Tại ngày 31/12/2015	-	44.546.829.518	589.743.947	45.136.573.465
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	1.310.220.000	24.361.642.407	359.118.853	26.030.981.260
Tại ngày 31/12/2014 (Trình bày lại)	1.310.220.000	25.566.277.517	5.929.921	26.882.427.438

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	-
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	229.280.786.454
Tại ngày 31/12/2015	229.280.786.454
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	-
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	24.636.014.763
Khấu hao trong năm	2.367.635.928
Tại ngày 31/12/2015	27.003.650.691
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	202.277.135.763
Tại ngày 31/12/2014	-

Tài sản tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu thể hiện tài sản cố định của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo Nghị quyết số 53/NQ-DVKT-HĐQT ngày 27 tháng 01 năm 2015 về thực hiện tái cấu trúc của Tổng công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình chính thức trở thành công ty con của Tổng công ty kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2015.

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Tổng công ty như sau:

	31/12/2015
	VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hectare (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hectare (ii)	97.399.118.187
	229.280.786.454

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai - Bến Đình được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm.

Tiền thuê Tổng công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 5.203.799.784 VND (năm 2014: 5.203.799.784 VND). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 4.735.271.856 VND (năm 2014: 4.735.271.856 VND).

16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	301.308.440.489	301.308.440.489	274.173.592.409	274.173.592.409
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	68.370.454.546	68.370.454.546	64.070.272.727	64.070.272.727
Dự án Bio Ethanol	369.678.895.035	369.678.895.035	338.243.865.136	338.243.865.136

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Cải tạo Nhà hàng tầng 1 Khách sạn Dầu khí
Máy phát điện 100KVA
Dự án xây dựng căn cứ Hàng hải Sao Mai- Bến Đình
Dự án khu dịch vụ Dầu khí 35 ha - Sao Mai Bến Đình
PTSC Tower Vũng Tàu
Cầu thép 16 tấn số 03
Văn phòng làm việc PTSC Hà Nội
Đầu tư xây dựng mở rộng cầu Cảng Đình Vũ
Cải tạo xử lý nước thải KSDK Vũng Tàu
Đầu tư Bến số 2- Cảng Tổng hợp Dung Quất
Hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung
Dự án nâng cấp cầu Cảng PTSC Thanh Hóa
Nâng cấp cầu cảng, nhà kho tại Cảng Hòn La
Máy chủ hệ thống quản lý văn bản tài liệu
Xây dựng cơ bản dở dang khác

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	17.995.830.691	-	-	-
	4.740.000.000	-	-	-
	15.258.780.716	-	-	-
	2.718.983.969	-	-	-
	-	-	8.620.653.020	-
	-	-	4.039.334.818	-
	-	-	2.784.490.476	-
	-	-	3.444.071.479	-
	-	-	1.047.770.000	-
	-	-	51.440.892.500	-
	-	-	15.746.865.753	-
	-	-	2.105.470.000	-
	-	-	505.871.968	-
	-	-	415.450.000	-
	14.028.455.089	-	1.168.574.649	-
	54.742.050.465	-	91.319.444.663	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí Hàng hải PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khách sạn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Việt Nam	95,19	95,19	Thương mại, xây dựng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95	84,95	Vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69	54,69	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	59,61	59,61	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (i)	Việt Nam	51,00	60,80	Dịch vụ dầu khí
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (ii)	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng

(i) Theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 ngày 08 tháng 4 năm 2014, tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PV Security) là 51%, tương đương 15,30 tỷ đồng. Trong năm, các cổ đông khác của PV Security góp thêm 3,28 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ vốn thực góp của Tổng công ty giảm từ 69,91% xuống còn 60,80% và tỷ lệ sở hữu của các cổ đông không kiểm soát tăng lên từ 30,09% đến 39,2%.

Vốn góp của các bên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 25.165.800.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.885.800.000 đồng).

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình là công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Tổng công ty, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các cổ đông khác theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 49121000147 ngày 27 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ là 500.000.000.000 đồng. Trong năm 2015, Tổng công ty đã đầu tư thêm 38.412.998.000 đồng để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình lên 51%. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình chính thức trở thành công ty con của Tổng công ty kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Giá trị khoản đầu tư gốc	2.479.809.740.787	2.820.333.240.787
Phần kết quả thuần từ các công ty liên kết, liên doanh:		
Lũy kế các năm trước	1.063.518.743.276	635.026.841.704
Lợi nhuận trong năm	753.186.652.840	543.824.853.736
Trừ: Cổ tức được chia trong năm	(130.021.500.000)	(111.215.970.000)
Điều chỉnh lợi nhuận các năm trước	-	(1.435.369.393)
	4.166.493.636.903	3.886.533.596.834

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	Singapore	33,00	33,00	Dịch vụ dầu khí
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (i)	Malaysia	49,00	49,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	Malaysia	60,00	60,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	28,75	28,75	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (iii)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (iv)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải (v)	Việt Nam	21,46	21,46	Bốc xếp hàng hóa, lưu giữ kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ khác
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà (vi)	Việt Nam	-	-	Dịch vụ căn cứ cảng

(i) Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (gọi tắt là "MVOT") là Liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chống lẩn thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO "Orkid" đã đi vào hoạt động từ năm 2009.

(ii) Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là Liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi "FPSO Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.

(iii) Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC SEA") là Liên doanh đồng kiểm soát được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng công ty cùng với đối tác Yinson Holdings Berhad (Malaysia) theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHDT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 10 năm 2011 để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) phục vụ Dự án Biển Đông 1. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478 triệu đồng, trong đó vốn góp là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó vốn góp của Tổng công ty là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613 triệu đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

"PTSC Biển Đông 01". PTSC SEA đã đi vào hoạt động từ năm 2011 và đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào PTSC SEA là 16.320.000 Đô la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.

(iv) Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC AP") là Liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Tổng công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHDT-ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Son JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 Đô la Mỹ, tương đương 9.113.372.709.795 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 27,9% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Tổng công ty góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.

(v) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải (gọi tắt là "Cảng Thị Vải") là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502259121 ngày 21 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cảng Thị Vải, Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ nắm giữ 36% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Theo quy định về cách tính tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ đối với các khoản đầu tư của công ty con, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 21,46% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Căn cứ vào nguyên tắc xác định quyền kiểm soát, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ trong công ty con của Thông tư số 202/2014/TT-BTC, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Cảng Thị Vải là công ty liên kết của Tổng công ty theo quy định.

(vi) Ngày 24 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 864/NQ-DVKT-HĐQT về việc chuyển đổi Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà thành Công ty TNHH Một Thành viên. Ngày 15 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 906/NQ-DVKT-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà và bàn giao cho Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà và giao chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng tiếp nhận nguyên trạng toàn bộ Công ty TNHH MTV Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN**19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (i)	-	-	-	8.094.278.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (i)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (i)	10.000.000.000	(6.400.000.000)	3.600.000.000	3.400.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (i)	-	-	-	(2.815.343.710)
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức (ii)	3.000.000.000	(468.757.619)	2.531.242.381	47.011.200.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	37.500.000.000	(6.338.584.061)	31.161.415.939	47.011.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	10.530.000.000	(10.530.000.000)	-	2.514.723.332
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	61.030.000.000	(23.737.341.680)	37.292.658.320	95.206.223.988

(i) Theo Nghị quyết số 136/NQ-DVKT-HDQT ngày 04 tháng 02 năm 2015, Tổng công ty đã phê duyệt phương án tái cấu trúc Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện thoái vốn hoàn toàn 03 Công ty gồm: Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam, Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam.

(ii) Theo Nghị quyết số 912/NQ-DVKT-HDQT ngày 18 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã thoái vốn Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức cho các cổ đông bên ngoài theo hình thức bán cổ phiếu qua sàn của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiết biến động trong năm của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Đầu tư dài hạn khác VND
Tại ngày 01/01/2014	36.021.866.132
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	2.554.953.590
Tại ngày 31/12/2014	38.576.819.722
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	11.038.668.464
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	10.530.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(661.957.589)
Bù đắp giá trị khoản đầu tư đã thoái vốn	(35.746.188.917)
Tại ngày 31/12/2015	23.737.341.680

Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu thể hiện khoản lập dự phòng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo Nghị quyết số 53/NQ-DVKT-HDQT ngày 27 tháng 01 năm 2015 về thực hiện tái cấu trúc của Tổng công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình chính thức trở thành công ty con của Tổng công ty kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2015.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd	416.809.680.000	416.809.680.000	343.917.686.258	343.917.686.258
TL Offshore Sdn. Bhd,	263.724.256.796	263.724.256.796	21.190.459.031	21.190.459.031
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	145.724.373.148	145.724.373.148	66.267.935.109	66.267.935.109
Phải trả khác	3.529.053.991.482	3.529.053.991.482	4.680.410.736.681	4.680.410.736.681
	4.355.312.301.426	4.355.312.301.426	5.111.786.817.079	5.111.786.817.079
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (i)	66.267.935.109	66.267.935.109	132.535.870.219	132.535.870.219
(i) Phải trả dài hạn người bán thể hiện khoản công nợ liên quan đến giá trị chuyển nhượng tàu Bình Minh 02 từ Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí. Khoản nợ này được thanh toán đều trong vòng 8 năm với số tiền 66.267.935.110 đồng/năm, kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2011 và kết thúc vào ngày 01 tháng 01 năm 2018.				

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	10.126.900.479	91.928.069.364
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.268.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.109.437.000	202.281.625.017
Thuế thu nhập cá nhân	22.078.518.431	22.023.558.796
Các loại thuế khác	44.110.608.565	108.605.739.454
	<u>175.425.464.475</u>	<u>424.856.260.805</u>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
	(Trình bày lại)	VND	VND	VND
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	91.928.069.364	488.458.731.782	570.259.900.667	10.126.900.479
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	156.142.017.595	156.142.017.595	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	171.850.793	171.850.793	-
Thuế xuất, nhập khẩu	17.268.174	24.164.216.999	24.181.485.173	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	151.650.896.574	350.424.712.724	442.942.805.801	59.132.803.497
Thuế thu nhập cá nhân	22.023.558.796	151.217.111.061	151.180.661.797	22.060.008.060
Thuế tài nguyên	-	421.516.268	421.516.268	-
Thuế nhà đất	25.463.787	10.056.455.401	5.868.432.405	4.213.486.783
Thuế môn bài	-	45.000.000	45.000.000	-
Các loại thuế khác	108.580.275.667	768.792.729.575	837.594.157.992	39.778.847.250
Các khoản khác	-	757.094.000	757.094.000	-
	<u>374.225.532.362</u>	<u>1.950.651.436.198</u>	<u>2.189.564.922.491</u>	<u>135.312.046.069</u>

Trong đó

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	50.630.728.443	40.113.418.406
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	424.856.260.805	175.425.464.475

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Biển Đông	299.504.178.883	561.646.278.222
Chi phí dự phòng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	231.128.430.307	147.505.000.000
Dự án Thái Bình Hàm Rồng	202.090.860.645	42.922.266.838
Dự án Hải Sư Trắng Đen	64.593.419.068	330.407.263.475
Giá vốn dịch vụ thực hiện cho Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn	90.715.795.761	130.755.252.186
Dự án Sư Tử Nâu	176.519.134.415	107.596.625.579
Chi phí thực hiện dịch vụ tàu CGG Amadeus, Bình Minh 02	97.166.073.548	103.586.367.328
Dự án Maharaja Lela South (MLS)	15.736.205.478	336.111.283.249
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	52.438.032.663	96.572.281.670
Dự án khối thượng tầng giàn Công nghệ trung tâm Heera (HRD)	51.597.502.775	88.975.832.848
Giá vốn liên quan đến cung cấp dịch vụ cho Talisman	24.991.255.825	41.444.878.536
Giá vốn Dự án Nạo vét Cảng Nghi Sơn	10.740.479.804	37.146.692.300
Chi phí thuê bãi tại Khu công nghiệp Tàu thủy Nghi Sơn	10.000.000.000	5.000.000.000
Lãi trả chậm phải trả PVEP do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	9.940.190.266	13.253.587.022
Chi phí sửa chữa lớn Sà lan PTSC 01 và POS 01	9.077.803.890	32.557.029.441
Lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	9.550.821.209	15.479.172.332
Chi phí hoạt động tàu FPSO Ruby II	5.637.891.655	8.795.202.051
Dự án Ghana Yinson	50.763.803.907	-
Hợp đồng cung cấp hệ thống neo và dịch vụ rải neo BD1 - DC-019	15.513.795.645	-
Dự án Bio Ethanol	28.542.446.554	-
Dự án Ghana Kanfa	49.566.360.713	-
Dự án Sư Tử Vàng 6X	49.161.840.000	-
Dự án Sư Tử Trắng Fullfill	48.547.509.167	-
Dự án xây dựng nhà máy phân bón NH3	28.134.735.905	-
Chi phí Dự án Thái Bình T&I	14.771.393.352	-
Dự án xử lý dữ liệu 3D tại lô 103-107	10.488.167.781	-
Dự án NPK	15.476.352.091	-
Dự án Nghi Sơn Jetty	16.090.419.238	-
Chi phí dự án Đại Hùng, Tam đảo 05, Chim Sáo	10.615.867.760	-
Chi phí bảo trì, thi công giàn khoan tại đơn vị Khai thác dầu khí	10.592.449.760	-
Dự án khảo sát địa chất công trình nhiệt điện Sông Hậu	6.987.323.000	-
Chi phí dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất và khảo sát công trình ngầm	-	30.510.134.076
Dự án Thăng Long - Đông Đô	-	27.728.599.736
Dự án Sư Tử Trắng	-	8.572.399.818
Dự án Booster Compressor	-	2.477.411.076
Trích trước chi phí dự án vận chuyển ống cho TLO	-	12.805.849.919
Giá vốn dịch vụ Tàu dầu khí	-	48.699.589.495
Chi phí phải trả khác	62.918.017.320	61.245.094.617
	<u>1.779.598.558.385</u>	<u>2.291.794.091.814</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	2.687.070.993	1.011.837.369
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	105.550.648	468.461.853
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	12.285.493.723	7.226.542.273
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	349.068.201.763	382.752.004.016
Tổng công ty Công nghiệp Tàu Thủy ("SBIC") (ii)	402.177.441.565	400.700.531.130
Tổng công ty Xây dựng Đường Thủy (iii)	58.209.744.759	55.561.395.338
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	49.873.999.702	40.518.408.320
Tiền lương thưởng phải trả người lao động	35.020.333.214	48.404.069.023
Nordic Maritime Pt. Ltd	6.762.000.000	6.414.000.000
OffShore Ltd	7.552.986.709	7.552.986.709
Chi Cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng Dung Quất	828.428.160	12.284.228.892
Tạm thu thuế TNCN người lao động	8.814.464.483	9.901.812.844
Thuế nhà thầu phải nộp	90.844.674	6.554.086.832
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	508.838.739	784.636.271
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	-	83.202.468.286
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Thanh Hóa	-	39.338.750.137
Các khoản khác liên quan đến hoạt động SXKD	-	9.637.417.250
Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long	3.759.479.209	-
PC Vietnam Limited	14.219.767.472	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited	6.655.616.068	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Chứng khoán Thăng Long	3.078.500.783	-
Công ty TNHH Đa Dạng Yên Sơn	9.891.423.655	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	66.506.352.426	57.978.416.778
	<u>1.038.096.538.745</u>	<u>1.170.292.053.321</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	203.242.385	636.932.136
	<u>203.242.385</u>	<u>636.932.136</u>

- (i) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như giá trị chuyển nhượng Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch gồm 355.559.451.500 đồng và cần trừ với các khoản Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam chi hộ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- (ii) Khoản phải trả cho Tổng công ty Công nghiệp Tàu Thủy ("SBIC") là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và SBIC là nhà thầu thực hiện.
- (iii) Khoản phải trả Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Xây dựng Đường Thủy là khoản phải trả liên quan đến Dự án Nạo vét cảng Nghi Sơn được giữ lại theo thỏa thuận liên danh đã ký kết.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	-	-	5.463.872.936	5.463.872.936
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	684.347.404.258	684.347.404.258	746.300.213.655	746.300.213.655
	<u>684.347.404.258</u>	<u>684.347.404.258</u>	<u>751.764.086.591</u>	<u>751.764.086.591</u>

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam	516.099.944.352	516.099.944.352	634.763.611.654	634.763.611.654
Đô la Mỹ	1.731.660.325.106	1.731.660.325.106	1.939.536.210.093	1.939.536.210.093
	<u>2.247.760.269.458</u>	<u>2.247.760.269.458</u>	<u>2.574.299.821.747</u>	<u>2.574.299.821.747</u>

Vay dài hạn bằng Đồng Việt Nam bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước. Các khoản vay này có lãi suất vay từ lãi suất từ 4,1%/năm đến 10,0375%/năm.

Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Các khoản lãi vay này có lãi suất vay từ 1,7%/năm đến 5,65%/năm.

Mục đích các khoản vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là đầu tư tài sản dài hạn như cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và góp vốn liên doanh các dự án FSO/FPSO với các đối tác nước ngoài.

Các khoản vay dài hạn được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản và chi phí xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 13 hoặc không có bảo đảm.

Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tương đương 76.826.102 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 90.717.310 Đô la Mỹ). Trong đó, đối với khoản vay 26.926.671 Đô la Mỹ của Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV ("PTSC CGGV"). Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần, không cố định trong vòng 5 năm bắt đầu từ ngày con tàu Amadeus, tài sản nhận góp vốn từ CGG Holding B.V., được đăng ký dưới tên của PTSC CGGV (ngày 07 tháng 8 năm 2012). PTSC CGGV cam kết sử dụng ít nhất 70% lợi nhuận sau thuế hàng năm cho việc thanh toán trước khoản vay này. Khoản vay này được Tổng công ty bảo lãnh 51% giá trị vay, không chịu lãi suất, phí thu xếp, hoa hồng hay bất kỳ chi phí nào khác liên quan đến khoản vay.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	684.347.404.258	746.300.213.655
Năm thứ 2	1.089.890.972.986	1.209.681.880.620
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	360.590.577.503	585.398.262.499
Trên 5 năm	112.931.314.711	32.919.464.973
	2.247.760.269.458	2.574.299.821.747
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (trình bày trong phần vay và nợ tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 24))	684.347.404.258	746.300.213.655
Số phải trả sau 12 tháng	1.563.412.865.200	1.827.999.608.092

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Lợi nhuận chưa thực hiện	Khấu hao TSCĐ	Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	57.236.533.788	(5.503.074.514)	1.131.973.847	67.343.951.593	(125.711.303.019)	(5.501.918.305)
Chỉ nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(9.829.425.344)	(1.341.159.503)	2.581.415.412	(18.062.394.998)	(75.003.879.156)	(101.655.443.589)
Tại ngày 31/12/2014	47.407.108.444	(6.844.234.017)	3.713.389.259	49.281.556.595	(200.715.182.175)	(107.157.361.894)
Chỉ nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(57.960.862.962)	(3.067.396.132)	(3.447.929.304)	(18.163.706.649)	(88.476.540.772)	(171.116.435.819)
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	-	-	-	(4.609.223.314)	-	(4.609.223.314)
Tại ngày 31/12/2015	(10.553.754.518)	(9.911.630.149)	265.459.955	26.508.626.632	(289.191.722.947)	(282.883.021.027)

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(299.103.353.096)	(207.559.416.192)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16.220.332.069	100.402.054.298
	(282.883.021.027)	(107.157.361.894)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV có các khoản lỗ tính thuế lần lượt là 378.076.922.653 đồng và 459.080.081.875 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 588.729.746.322 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	(VND)	(Phân loại lại) (VND)
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng:		
- Dự án Biên Đông	525.047.170.282	525.047.170.282
- Dự án Sư Tử Nâu	305.716.586.414	181.401.290.146
- Dự án Hải Sư Trắng - Đen	155.860.354.444	155.860.354.444
- Dự án Chim Sáo	100.390.150.982	100.390.150.982
- Dự án Sư Tử Vàng 6X	84.525.593.656	44.892.456.093
- Dự án HRD	54.028.471.982	54.028.471.982
- Dự án Sư Tử Trắng	30.492.733.169	30.492.733.169
- Dự án Thái Bình Hàm Rồng	9.844.800.000	-
Chi phí dự phòng sửa chữa lớn theo định kỳ cho tàu FPSO Lam Sơn	15.048.959.075	-
	1.280.954.820.004	1.092.112.627.098

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	446.700.421

Tổng công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng công ty.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn điều lệ của Tổng công ty là 4.467.004.210.000 đồng (năm 2014: 4.467.004.210.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	%	(VND)	%	(VND)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	2.295.000.000.000
Công ty TNHH Vina Capital Corporate Financial Việt Nam	5,53	249.755.220.000	6,12	273.403.700.000
Nhóm quỹ FTIF-Templeton Frontier Markets	5,03	224.871.740.000	5,79	258.800.740.000
Vốn góp của các cổ đông khác	38,06	1.697.377.250.000	39,85	1.639.799.770.000
	100,00	4.467.004.210.000	103,14	4.467.004.210.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2014	4.467.004.210.000	-	1.342.993.164.011	1.425.333.945.688	2.421.651.611.070	9.696.522.170.606
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.426.911.023	1.974.763.911.955	1.991.190.822.978
Điều chỉnh mua PV Security	-	-	3.357.513.142	1.445.222.880	4.032.829.340	8.835.565.362
Trích lập các quỹ	-	-	500.859.475.132	-	(698.443.805.058)	(197.584.329.926)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(536.040.505.200)	(536.040.505.200)
Điều chỉnh lợi nhuận các công ty liên doanh, liên kết các năm trước	-	-	-	-	(1.435.369.393)	(1.435.369.393)
Khác	-	6.420.163	-	(1.375.316.636)	(5.184.917.504)	(6.553.813.977)
Tại ngày 31/12/2014	4.467.004.210.000	39.539.239.837	1.847.210.152.285	1.441.830.762.955	3.159.343.755.210	10.954.934.540.450
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	3.280.000.000	-	3.280.000.000
Điều chỉnh mua Sao Mai - Bến Đình	-	-	22.470.917.573	275.174.870.988	(22.470.917.573)	275.174.870.988
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(23.855.903.238)	1.517.394.760.704	1.493.538.857.466
Trích lập các quỹ	-	-	549.265.629.802	(22.307.884.709)	(791.595.857.165)	(264.638.112.072)
Chia cổ tức	-	-	-	(50.529.500.000)	(536.040.505.200)	(586.570.005.200)
Khác	-	-	(406.793.607)	3.369.263	(442.689.671)	(846.114.015)
Tại ngày 31/12/2015	4.467.004.210.000	39.545.660.000	2.418.539.906.053	1.623.595.715.259	3.326.188.546.305	11.874.874.037.617

Theo Nghị quyết số 345/NQ-DVKT-DHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, các cổ đông của Tổng công ty đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức của năm 2014 là 12% trên mệnh giá cổ phần với số tiền 536.040.505.200 đồng, trích Quỹ dự phòng tài chính là 59.066.049.761 đồng, trích Quỹ đầu tư phát triển là 444.455.920.837 đồng, trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi là 141.758.519.427 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2014 và trích lập các quỹ theo Nghị quyết nêu trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	31/12/2014
Đô la Mỹ (USD)	120.476.279	134.350.464
Euro (EUR)	3.930	18.933
Đô la Singapore (SGD)	-	117.762
Bảng Anh (GBP)	319.468	2.989

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC - khí Đinh Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC- CCGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Tổng
Vốn điều lệ của công ty con (đồng)	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	25.165.800.000	500.000.000.000	3.746.664.441.420
Trong đó:										
Vốn phần bỏ cho Tổng công ty (đồng)	339.807.000.000	102.000.000.000	285.581.000.000	208.645.000.000	218.773.000.000	204.000.000.000	597.817.104.000	15.300.000.000	255.000.000.000	2.226.923.104.000
Vốn phần bỏ cho cổ đông không kiểm soát (đồng)	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	9.865.800.000	245.000.000.000	1.519.741.337.420
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	15,05%	49,00%	4,81%	40,39%	45,31%	49,00%	48,97%	39,20%	49,00%	

Đơn vị: VND

Lợi ích cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đinh Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC- CCGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Tổng
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm (đồng)	121.729.819.908	50.405.617.481	31.482.524.274	49.167.228.440	45.862.211.076	33.793.558.493	14.511.720.749	(407.321.814)	80.387.919.602
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông không kiểm soát (đồng)	18.318.207.624	24.698.752.566	1.513.155.058	19.857.238.789	20.778.677.317	16.558.843.662	4.955.801.221	(199.587.689)	(23.855.903.238)

Đơn vị: VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 09 - DN/HN

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Lập đất, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Tổng
Tổng tài sản	2.237.498.925.348	498.144.437.155	932.520.342.607	538.080.005.410	618.019.311.087	709.072.445.346	2.057.717.408.125	126.273.402.375	851.888.573.986	8.569.214.851.439	
Tổng nợ phải trả	1.379.545.101.522	248.528.130.591	980.958.878.211	123.846.374.786	154.273.947.622	266.077.001.878	1.056.661.575.943	82.540.854.175	293.074.416.159	4.585.506.280.887	
Tài sản thuần	857.953.823.826	249.616.306.564	(48.438.535.604)	414.233.630.624	463.745.363.465	442.995.443.468	1.001.055.832.182	43.732.548.200	558.814.157.827	3.983.708.570.552	
<i>Chi tiết như sau:</i>											
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	-	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	25.165.800.000	500.000.000.000	3.746.664.441.420	
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	(140.000.000)	-	-	-	(140.000.000)	
Quy đầu tư phát triển	77.835.964.235	6.211.978.409	4.707.250.551	9.881.436.350	24.762.484.050	5.086.206.617	-	6.231.785.563	44.060.622.692	178.777.728.467	
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	380.117.859.591	43.404.328.155	(353.145.786.155)	54.352.194.274	38.982.879.415	38.049.236.851	(170.442.809.238)	12.334.962.637	14.753.535.135	58.406.400.665	

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Chi tiết như sau:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	9.865.800.000	245.000.000.000	1.519.741.337.420
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	(68.600.000)	-	-	-	(68.600.000)
Quy đầu tư phát triển	11.712.950.488	3.043.869.420	226.246.152	3.990.829.815	11.219.076.742	2.492.241.242	-	1.918.900.182	21.589.705.119	56.193.819.160
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	57.201.085.806	21.268.120.796	(16.973.363.635)	21.951.298.347	17.661.875.719	18.644.126.057	(83.465.647.666)	4.212.431.038	7.229.232.217	47.729.158.679
Tổng	129.107.036.294	122.311.990.216	(2.328.117.483)	167.297.128.162	210.107.952.461	217.067.767.299	490.215.889.754	15.997.131.220	273.818.937.336	1.623.595.715.259

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 09 - DN/HN

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh

Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí
 Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO
 Dịch vụ khảo sát địa chấn địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Cung cấp dịch vụ càn cú cặng
 Cơ khí, đóng mới và xây lắp
 Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển

Cung cấp các dịch vụ khác

Hoạt động

Cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí
 Dịch vụ cung cấp kho nổi, chứa, xử lý và xuất dầu thô
 Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Cung cấp dịch vụ càn cú cặng, cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ khác có liên quan
 Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí
 Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí

Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo bảy bộ phận kinh doanh như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Tài sản	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và ,khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ càn cú cặng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Tài sản bộ phận	1.903.208.082.362	3.275.134.639.378	2.561.209.974.527	3.488.666.350.843	8.795.033.118.190	2.756.831.977.632	19.552.578.918.460
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	(3.671.137.338.202)	1.686.683.896.116
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	5.197.790.172.318
Tổng tài sản hợp nhất	1.903.208.082.362	3.275.134.639.378	2.561.209.974.527	3.488.666.350.843	8.795.033.118.190	(3.671.137.338.202)	26.437.052.986.894

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ

Tổng nợ phải trả hợp nhất

Nợ phải trả bộ phận	1.166.476.627.529	1.441.515.456.088	1.523.995.892.922	1.815.002.502.375	7.843.459.031.566	1.780.713.156.457	12.159.182.872.123
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.402.996.077.154
Tổng nợ phải trả hợp nhất	1.166.476.627.529	1.441.515.456.088	1.523.995.892.922	1.815.002.502.375	7.843.459.031.566	(3.671.137.338.202)	14.562.178.949.277

Đơn vị: VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09 - DN/HN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Dịch vụ tàu kỹ thuật đầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/PPSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ càn cứ càn	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Tài sản									
Tài sản bộ phận	2.948.783.764.850	3.826.753.352.989	3.072.589.383.475	4.317.843.372.793	9.708.159.739.794	3.349.255.503.878	419.102.812.303	(4.411.365.419.686)	23.231.122.510.396
Lãi từ công ty liên kết									1.066.200.356.047
Tài sản không phân bổ									2.386.335.001.464
Tổng tài sản hợp nhất									26.683.657.867.907

Đơn vị: VND

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận	2.946.429.212.419	1.574.519.598.780	1.861.492.388.214	2.103.650.001.923	8.748.409.486.381	2.326.367.391.302	112.239.514.169	(4.411.365.419.686)	15.261.742.173.502
Nợ phải trả không phân bổ									466.981.153.955
Tổng nợ phải trả hợp nhất									15.728.723.327.457

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09 - DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Dịch vụ đầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/PPSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ càn cứ càn	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Doanh thu									
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	4.514.895.375.206	3.280.372.474.995	2.173.921.020.333	2.190.069.141.904	8.523.327.678.624	1.525.669.351.473	1.148.642.823.454	-	23.356.897.865.989
Lợi nhuận thuần từ bán ra các bộ phận khác	271.806.781.068	470.424.791.598	234.844.630.188	381.902.048.495	1.787.828.476.929	2.792.777.304.864	174.391.181.408	(6.113.975.214.550)	-
Tổng doanh thu	4.786.702.156.274	3.750.797.266.593	2.408.765.650.521	2.571.971.190.399	10.311.156.155.553	4.318.446.656.337	1.323.034.004.862	(6.113.975.214.550)	23.356.897.865.989
Giá vốn									
Giá vốn bán ra bên ngoài	3.954.805.225.599	3.121.195.633.236	2.232.027.304.915	1.696.822.422.028	7.784.082.065.786	1.266.085.514.593	1.126.948.440.112	-	21.181.966.606.269
Lợi nhuận thuần từ bán ra các bộ phận khác	271.806.781.068	470.424.791.598	234.844.630.188	381.902.048.495	1.787.828.476.929	2.792.777.304.864	75.079.372.410	(6.014.663.405.552)	-
Tổng giá vốn	4.226.612.006.667	3.591.620.424.834	2.466.871.935.103	2.078.724.470.523	9.571.910.542.715	4.058.862.819.457	1.202.027.812.522	(6.014.663.405.552)	21.181.966.606.269
Lợi nhuận gộp	560.090.149.607	159.176.841.759	(58.106.284.582)	493.246.719.876	739.245.612.838	259.583.836.880	21.694.383.342	-	2.174.931.259.720
Lợi nhuận gộp bộ phận									
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	995.039.622.266
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	(137.404.092)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	1.179.754.233.362
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	82.139.119.807
Phân lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	753.186.652.840
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	2.015.080.006.009
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	350.424.712.724
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	171.116.435.819
Lợi nhuận trong năm									1.493.538.857.466

Đơn vị: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ đầu tư	Dịch vụ vận tải hàng hóa và xử lý dầu thô FSO/PPSO	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ càn cứ càn	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Doanh thu										
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	6.910.080.386.166	2.550.695.190.406	3.229.049.561.965	1.998.617.280.233	13.666.750.206.666	2.865.370.118.506	482.918.146.992	-	-	31.704.046.085.934
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	209.264.604.616	297.166.898.284	242.203.427.471	351.896.050.404	266.850.515.521	2.411.061.075.748	179.499.629.499	(3.957.942.201.543)	-	-
Tổng doanh thu	7.119.344.990.782	2.847.862.088.690	3.471.252.989.436	2.350.513.330.637	13.933.600.722.187	5.276.431.194.254	662.417.776.491	(3.957.942.201.543)		31.704.046.085.934
Giá vốn										
Giá vốn bán ra bên ngoài	6.248.830.123.860	2.401.769.260.434	3.218.544.624.895	1.542.527.734.961	13.066.649.262.612	2.180.798.687.520	450.524.884.230	-	-	29.109.644.578.512
Giá vốn bán cho các bộ phận khác	209.264.604.616	297.166.898.284	242.203.427.471	351.896.050.404	266.850.515.521	2.411.061.075.748	62.584.143.547	(3.841.026.715.591)	-	-
Tổng giá vốn	6.458.094.728.476	2.698.936.158.718	3.460.748.052.366	1.894.423.785.365	13.333.499.778.133	4.591.859.763.268	513.109.027.777	(3.841.026.715.591)		29.109.644.578.512
Lợi nhuận gộp	661.250.262.306	148.925.929.972	10.504.937.070	454.306.396.372	600.100.944.054	684.571.430.986	32.393.262.762			2.594.401.507.422
Lợi nhuận gộp bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	825.015.124.689
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	24.796.023.405
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.794.182.406.138
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	205.982.357.469
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	543.824.853.736
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.543.989.617.343
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	451.143.350.776
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	101.655.443.589
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.991.190.822.978
Lợi nhuận trong năm										1.991.190.822.978

Tổng công ty chỉ hoạt động ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	2.565.739.077.774	3.573.228.237.295
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.390.114.472.699	19.835.510.061.706
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.401.044.315.516	8.295.307.786.933
23.356.897.865.989	31.704.046.085.934	

33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.315.141.454.218	3.419.784.979.482
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.879.189.270.119	17.718.860.734.839
Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.987.635.881.932	7.970.998.864.191
21.181.966.606.269	29.109.644.578.512	

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.391.403.563.228	5.815.399.749.076
Chi phí nhân công	2.792.820.102.335	2.628.792.483.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	904.020.669.964	982.740.876.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.333.198.900.369	20.012.312.779.319
Chi phí khác	817.982.142.865	516.108.178.860
22.239.425.378.761	29.955.354.067.540	

35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	162.246.149.733	142.736.236.861
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.487.280.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	168.998.748.103	75.475.140.226
Doanh thu hoạt động tài chính khác	42.215.758.002	48.511
377.947.935.838	218.211.425.598	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	70.937.160.828	95.491.794.579
Lỗi chênh lệch tỷ giá	210.494.663.049	73.680.057.338
Chênh lệch do mua Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	41.557.748.054	-
Dự phòng/(Hoàn nhập)các khoản đầu tư dài hạn	10.376.710.875	2.554.953.590
Chi phí tài chính khác	44.719.057.124	21.688.596.686
	378.085.339.930	193.415.402.193

37. PHẦN LÃI TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	2015	2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	11.121.620.923	5.806.828.970
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	14.883.742.658	7.633.904.772
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	162.331.298.360	133.346.688.843
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	4.388.467.001	(2.427.350.335)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	-	555.589.384
Công ty Liên doanh PTSC SEA	288.171.011.414	261.955.817.126
Công ty Liên doanh PTSC AP	272.290.512.484	138.657.006.647
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	-	(1.703.631.671)
	753.186.652.840	543.824.853.736

38. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Lương nhân viên bán hàng	16.573.821.516	18.629.111.155
Chi phí quảng cáo	15.529.081.224	27.452.344.996
Khác	66.468.736.357	70.025.610.493
	98.571.639.097	116.107.066.644

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Lương nhân viên quản lý	225.810.519.386	225.062.333.302
Dịch vụ mua ngoài	275.762.544.926	282.802.741.445
BHXH, BHYT, KPCĐ quản lý	33.190.906.486	28.712.452.406
Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	43.589.942.951	34.018.275.588
Các khoản dự phòng	103.406.731.337	12.749.470.920
Khác	214.707.338.083	125.562.784.384
	896.467.983.169	708.908.058.045

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. THU NHẬP KHÁC

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Hoàn nhập các khoản phải trả liên quan đến Dự án Bên số 1, 2 Cảng Nghi Sơn - Thanh Hóa	39.338.750.137	51.900.455.018
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.931.389.015	10.528.694.729
Thu từ bồi thường	13.942.533.529	23.487.564.542
Chênh lệch do mua Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	62.856.534.599	-
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán phế liệu	1.029.527.273	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	248.362.816	-
Hoàn nhập các khoản phải trả liên quan đến Dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển Nghi Sơn	-	29.621.687.266
Hoàn nhập các khoản phải trả liên quan đến Dự án Nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch	-	18.320.980.480
Hoàn nhập dự phòng Dự án Sư Tử Đen, Thăng Long Đông Đô	-	56.374.226.892
Thu nhập cung cấp nhân sự quản lý cho MVOT	-	10.410.540.000
Hoàn nhập bảo hành dự án Topaz	-	7.474.540.648
Các khoản thu nhập khác	18.211.172.667	18.558.032.233
	144.558.270.036	226.676.721.808

40. CHI PHÍ KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Thuế nộp thêm, tiền chậm nộp sau thanh tra	23.279.639.237	-
Tiền phạt, bồi thường	2.311.431.381	1.844.236.434
Chi thanh lý tài sản cố định	3.102.236.161	1.290.783.072
Chi phí phúc lợi	2.721.464.294	3.137.275.332
Chi phí xây dựng cơ bản của Dự án 266 Lê Lợi	11.792.020.639	-
Hoàn phí bảo hiểm tàu FPSO Ruby II từ 09/6/2010 đến 31/3/2011	4.626.828.036	-
Chi tài trợ xây dựng Trường cấp II Hoàng Xuân Hãn	-	3.000.000.000
Các khoản chi phí khác	14.585.530.481	11.422.069.501
	62.419.150.229	20.694.364.339

41. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	2.015.080.006.009	2.543.989.617.343
Các khoản điều chỉnh tăng	481.337.695.346	515.414.601.477
Các khoản điều chỉnh giảm	(845.701.159.952)	(850.659.802.660)
Thu nhập chịu thuế	1.650.716.541.403	2.208.744.416.160
Chuyển lỗ các năm trước	(29.262.502.487)	(22.524.582.139)
Thu nhập tính thuế	1.621.454.038.916	2.186.219.834.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	356.719.888.562	480.968.363.485
Miễn giảm thuế (i)	(12.556.224.430)	(9.633.447.464)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	6.261.048.592	342.858.627.00
Điều chỉnh thuế	-	(20.534.423.872)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thuần	350.424.712.724	451.143.350.776

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(i) Miễn giảm thuế chủ yếu thể hiện số thuế được miễn trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa.

42. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng công ty	1.517.394.760.704	1.974.763.911.955
Trừ: Trích tạm quỹ khen thưởng, phúc lợi theo kế hoạch	137.370.093.785	220.397.550.598
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.380.024.666.919	1.754.366.361.357
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	446.700.421	446.700.421
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.089	3.927

Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được tính toán lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để so sánh với số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm này.

43. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.173.897.588.278	1.440.904.051.392

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	619.232.648.790	822.589.634.382
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	863.946.754.265	1.405.178.454.502
Sau năm năm	874.327.953.275	648.010.492.663
	2.357.507.356.330	2.875.778.581.547

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động; thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC; thuê đất với mục đích kinh doanh dịch vụ Cảng của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ; thuê tài sản với mục đích kinh doanh dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC không hủy ngang.

Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ năm 2013. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với kỳ hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002. Thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài sản đến năm 2021.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

44. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Các khoản vay	2.247.760.269.458	2.579.763.694.683
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.996.669.754.080	8.194.248.685.277
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	11.874.874.037.617	10.954.934.540.450
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.996.669.754.080	8.194.248.685.277
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.140.224.852.743	7.497.878.540.167
Phải thu về cho vay	28.757.555.368	63.902.830.591
Đầu tư tài chính	607.362.658.320	99.316.223.988
Các khoản ký quỹ	26.689.021.517	115.351.650.350
	13.799.703.842.028	15.970.697.930.373
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.247.760.269.458	2.579.763.694.683
Phải trả người bán và phải trả khác	5.427.466.442.539	6.359.621.061.458
Chi phí phải trả	1.779.598.558.385	2.144.289.091.814
Dự phòng phải trả	1.364.156.687.981	1.129.284.266.053
	10.818.981.958.363	12.212.958.114.008

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các khoản đầu tư và giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	6.209.965.379.842	8.303.999.643.650	4.325.123.704.974	5.557.748.268.060
Bảng Anh (GBP)	30.156.577.071	97.858.222	4.290.141.023	1.575.903.529
Euro (EUR)	87.159.122	474.720.597	27.432.488.908	11.031.403.493
Đô la Singapore (SGD)	-	1.866.054.297	13.332.847.863	13.217.059.863

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng công ty sẽ giảm các khoản tương ứng như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	2015	2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	18.848.416.749	27.462.513.756

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 44.955.205.389 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 46.555.672.691 đồng).

Quản lý rủi ro về giá các khoản đầu tư

Tổng công ty chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Tổng công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.996.669.754.080	-	-	7.996.669.754.080
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.120.569.735.057	19.655.117.686	-	5.140.224.852.743
Phải thu về cho vay	28.757.555.368	-	-	28.757.555.368
Đầu tư tài chính	570.070.000.000	37.292.658.320	-	607.362.658.320
Các khoản ký quỹ	23.999.587.251	2.689.434.266	-	26.689.021.517
	13.740.066.631.756	59.637.210.272	-	13.799.703.842.028
31/12/2015				
Các khoản vay	684.347.404.258	1.450.481.550.489	112.931.314.711	2.247.760.269.458
Phải trả người bán và phải trả khác	5.294.871.024.465	132.595.418.074	-	5.427.466.442.539
Chi phí phải trả	1.779.598.558.385	-	-	1.779.598.558.385
Dự phòng phải trả	108.095.627.052	1.256.061.060.929	-	1.364.156.687.981
	7.866.912.614.160	2.839.138.029.492	112.931.314.711	10.818.981.958.363
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.873.154.017.596	(2.779.500.819.220)	(112.931.314.711)	2.980.721.883.665
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014 (Trình bày lại)				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.194.248.685.277	-	-	8.194.248.685.277
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.472.895.226.122	24.983.314.045	-	7.497.878.540.167
Phải thu về cho vay	36.515.902.584	27.386.928.007	-	63.902.830.591
Đầu tư tài chính	-	99.316.223.988	-	99.316.223.988
Các khoản ký quỹ	112.697.706.856	2.653.943.494	-	115.351.650.350
	15.816.357.520.839	154.340.409.534	-	15.970.697.930.373
31/12/2014 (Trình bày lại)				
Các khoản vay	751.764.086.591	1.795.080.143.119	32.919.464.973	2.579.763.694.683
Phải trả người bán và phải trả khác	6.226.448.259.104	133.134.802.354	38.000.000	6.359.621.061.458
Chi phí phải trả	2.144.289.091.814	-	-	2.144.289.091.814
Dự phòng phải trả	37.171.638.955	1.092.112.627.098	-	1.129.284.266.053
	9.159.673.076.464	3.020.327.572.571	32.957.464.973	12.212.958.114.008
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.656.684.444.375	(2.865.987.163.037)	(32.957.464.973)	3.757.739.816.365

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

45. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình II	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty trong Tập đoàn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần PVI	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đóng mới và sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sinh Học Dầu Khí Miền Trung	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty trong Tập đoàn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả		
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	211.992.308.257	265.071.740.439
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	91.491.347.204	103.343.940.905
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	27.089.929.607	39.610.321.438
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	24.675.202.868	19.587.497.969
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	21.450.017.085	29.330.715
Tổng công ty Dầu Việt Nam	17.769.324.088	8.258.364.149
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam	2.358.470.558	1.134.150.638
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	2.201.815.875	21.066.031.627
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	1.266.003.566	804.286.664
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	627.599.808	-
Tổng công ty Khí Việt Nam	498.013.200	50.950.862.754
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí	287.940.125	56.591.385
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	208.266.420	184.538.450
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.051.381.785.330	1.331.640.082.386
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	174.510.601
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	244.585.600.839	198.093.992.027
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	312.666.955.829	-
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sinh Học Dầu Khí Miền Trung	50.466.725.642	51.874.951.142
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	76.022.200.000	78.037.000.000
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	27.698.260.149
Phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	349.068.201.763	382.752.004.016
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	49.873.999.702	40.518.408.320
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	492.543.919.502	718.740.168.254

46. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định không bao gồm số tiền 65.335.164.141 đồng là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 752.037.147.525 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được trả điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

47. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng công ty đã áp dụng Thông tư 200. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tên chi tiêu	Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	Số đã báo cáo VND	Mã số	Số phân loại lại VND	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT					
I. Tài sản					
1. Các khoản tương đương tiền	112	3.927.569.993.108	112	3.922.423.110.330	Phân loại lại
2. Phải thu khách hàng	131	5.646.895.381.826	131	5.853.568.751.986	Phân loại lại và đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	208.600.589.533	132	199.453.519.993	Phân loại lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		-	135	36.515.902.584	Phân loại lại và đổi tên
4. Các khoản phải thu khác	135	1.719.315.800.084	136	1.821.729.296.365	Phân loại lại và đổi tên
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(41.278.386.517)	137	(40.544.560.242)	Phân loại lại
6. Hàng tồn kho	141	903.248.770.304	141	592.316.102.390	Phân loại lại
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	46.904.669.115	151	48.859.148.465	Phân loại lại
8. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	174.003.277.948	152	173.928.156.852	Phân loại lại
9. Tài sản ngắn hạn khác	158	112.697.706.856	155	-	Phân loại lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		-	212	9.147.069.540	Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		-	215	27.386.928.007	Phân loại lại và đổi tên
10. Phải thu dài hạn khác	218	30.000.000	216	24.983.314.045	Phân loại lại
11. Tài sản cố định vô hình	227	25.601.411.271	227	26.882.427.438	Phân loại lại
<i>- Nguyên giá</i>	228	58.824.135.445	228	60.166.827.445	Phân loại lại
<i>- Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(33.222.724.174)	229	(33.284.400.007)	Phân loại lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		-	241	338.243.865.136	Phân loại lại và đổi tên
12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	91.319.444.663	242	91.319.444.663	Phân loại lại và đổi tên
13. Đầu tư dài hạn khác	258	197.685.874.301	253	133.783.043.710	Phân loại lại và đổi tên
14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(38.576.819.722)	254	(38.576.819.722)	Đổi tên
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		-	263	52.036.044	Phân loại lại
15. Chi phí trả trước dài hạn	261	652.105.153.551	261	652.523.086.884	Phân loại lại
16. Tài sản dài hạn khác	268	2.653.943.494	268	-	Phân loại lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Theo TT 200/2014/TT-BTC

Thay đổi

Tên chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo 31/12/2014 VND	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số phân loại lại 31/12/2014 VND
II. Nguồn vốn					
1. Phải trả người bán	312	5.118.264.822.271	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.111.786.817.079
2. Người mua trả tiền trước	313	2.090.126.777.779	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.060.268.509.195
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	352.909.921.821	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	424.856.260.804
4. Phải trả người lao động	315	424.254.456.352	4. Phải trả người lao động	314	424.254.456.352
5. Chi phí phải trả	316	2.257.413.411.257	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.291.794.091.814
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14.952.901.201
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.173.182.888.149	7. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.170.292.053.323
8. Vay và nợ ngắn hạn	311	751.764.086.591	8. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	751.764.086.591
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	37.171.638.955
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	219.236.091.138	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	219.236.091.138
10. Phải trả dài hạn người bán	331	132.535.870.219	11. Phải trả người bán dài hạn	331	132.535.870.219
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			12. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	1.029.858.268.584
11. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17.195.508.087	13. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	2.242.606.886
12. Phải trả dài hạn khác	333	636.932.135	14. Phải trả dài hạn khác	337	636.932.135
13. Vay và nợ dài hạn	334	1.827.999.608.092	15. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	1.827.999.608.092
14. Dự phòng phải trả dài hạn	337	1.148.486.853.990	16. Dự phòng phải trả dài hạn	342	1.092.112.627.098
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	29.803.146.098	17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	29.803.146.098
16. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.555.192.138.475	18. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.847.210.152.285
17. Quỹ dự phòng tài chính	418	292.018.013.810	19. Quỹ dự phòng tài chính	418	-
18. Lợi nhuận chưa phân phối	420	2.998.016.072.265	20. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	3.159.343.755.206
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	439	1.435.697.022.831	21. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.441.830.762.958

(Chữ ký)

Nguyễn Quang Chánh
 Người lập biểu

(Chữ ký)

Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng
 Tổng Giám đốc

PTSC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower,
1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. HCM
ĐT: (+84) 8.39102828 Fax: (+84) 8.39102929
ptsc@ptsc.com.vn www.ptsc.com.vn

